

M C L C

PH N 1

CÁC KHÁI NI M C B N

PH N 2

H NG D N PHÒNG, TRÁNH BÃO, ÁP TH P NHI T I

CH NG 1 HI U BI T CHUNG V BÃO, ÁP TH P NHI T I.....	13
1. V trí c a bão:	13
2. Tâm bão:	13
3. C ng c a bão:	13
4. Vùng nh h ng c a bão, áp th p nhi t i:	13
5. C p bão:	13
6. H ng di chuy n c a bão:	14
7. T c di chuy n c a bão:	14
8. Th i gian xu t hi n c a bão:	14
9. Thông tin v bão:	14
CH NG 2 PHÒNG, TRÁNH BÃO, ÁP TH P NHI T I.....	15
2.1. Khái quát chung v bão, áp th p nhi t i nh h ng t i Vi t Nam	15
2.2. Các ho t ng chu n b phòng, tránh bão	15
I. Các ho t ng phòng, tránh bão lâu dài	15
II. Các ho t ng phòng, tránh, ng phó v i bão hàng n m	17
2.3. Phân vùng tri n khai ng phó v i bão	29
I. Vùng 1:	29
II. Vùng 2:	30
2.4. Phòng, tránh, ng phó v i áp th p nhi t i (ATN)	30
2.5. M t s thông tin quan tr ng liên quan n ho t ng phòng, tránh bão c n bi t.....	30

PH N 3

H NG D N PHÒNG, CH NG L , L QUÉT, S T L T

CH NG 3 PHÒNG, CH NG L VÙNG	
NG B NG B C B VÀ B C TRUNG B	32
3.1. c i m c a l	32
3.2. Các ho t ng phòng ch ng l lâu dài	33
3.3. Các ho t ng chu n b phòng, ch ng l hàng n m	34

I. Hoàn thành kế hoạch tu bổ đập và kế hoạch duy tu bổ đập đập ở hàng năm ứng thi hành.	34
II. Kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình liên quan an toàn phòng, chống lũ.	34
III. Dự kiến các sự cố có thể xảy ra.	35
IV. Lập phương án kỹ thuật xử lý khẩn cấp các sự cố xảy ra trong mùa lũ.	35
3.4. Các hoạt động ngập lụt khẩn cấp.....	40
I. Khi lũ trên sông vượt mức báo động cấp I và cấp II.....	40
II. Khi lũ trên sông vượt mức báo động cấp III, vượt mức báo động cấp III và còn tiếp tục lên nhanh chóng vượt quá mức cảnh sát.	42
III. Khi xảy ra lũ lớn vượt quá mức cảnh sát.	45
3.5. Các hoạt động phòng chống sạt lở.....	47
CHƯƠNG 4 PHÒNG, TRÁNH LŨ VÙNG DUYÊN HẢI	
MIỀN TRUNG VÀ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ	48
4.1. Các nhiệm vụ chung của vùng	48
4.2. Các giải pháp phòng, tránh lũ lâu dài	49
1. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội công nghiệp quy hoạch chuyên ngành quản trị phát triển chương trình “né tránh và thích nghi”	49
2. Thực hiện nghiêm chỉnh các giải pháp ngăn lũ, ngăn mặn,.....	49
3. Nâng cao nhận thức công dân.....	49
4. Thực hiện quy định thiên tai đưa vào công tác.....	49
5. Nâng cao năng lực cứu hộ, cứu nạn.....	50
6. Hoàn thiện thể chế, chính sách	50
4.3. Các giải pháp chủ yếu phòng, tránh lũ hàng năm.....	50
I. Hoàn thành kế hoạch tu bổ đập thủy lợi xuyên và kế hoạch duy tu bổ đập ở hàng năm ứng thi hành.	50
II. Kiểm tra, đánh giá hiện trạng các công trình cơ sở hạ tầng	50
III. Chủ trì phương án sơ tán dân vùng thấp trọng có nguy cơ ngập lụt sâu hoặc bị sạt lở.....	51
IV. Chủ trì phòng, tránh ngập lụt các công trình	51
V. Chủ trì sẵn sàng các phương tiện cứu hộ, cứu nạn.....	52
VI. Tổ chức tập huấn và công tác phòng, chống lũ lụt.....	52
VII. Chủ trì các thủ tục phòng chống lũ lụt, bão	52
VIII. Chủ trì trực ban phòng, chống lũ lụt, bão hàng năm	52
4.4. Các hoạt động ngập lụt hàng năm	53

I. Ng phó v i l theo c p báo ng.....	53
II. Ng phó v i tình hu ng x y ra l kh n c p.....	54
III. Ng phó khi x y ra s c i v i ê i u, h p và tình tr ng ng p l t sâu các vùng th p tr ng	55
4.5. Các ho t ng ph c h i s m.....	55
CH NG 5 PHÒNG, TRÁNH L VÙNG NG B NG SÔNG C U LONG.....	57
5.1. c i m chung c a l	57
5.2. Các gi i pháp phòng tránh l lâu dài	57
5.3. Các gi i pháp phòng tránh l hàng n m	58
5.4. Các ho t ng ng phó kh n c p.....	60
1. Ng phó v i tình hu ng x y ra l kh n c p	60
2. Ng phó khi x y ra s c	61
5.5. Các ho t ng ph c h i s m.....	61
CH NG 6 PHÒNG, TRÁNH L QUÉT, S T L T VÙNG NÚI VÀ KHU V C TÂY NGUYÊN.....	62
6.1. c i m chung c a l quét, s t l t.....	62
6.2. H ng d n phòng, tránh l quét, s t l t	62
1. Các gi i pháp phòng, tránh l quét lâu dài.	62
2. Các ho t ng chu n b phòng, tránh l quét	63
3. Các ho t ng ng phó kh n c p.....	64
4. Các ho t ng ph c h i s m.....	65
PH N 4	
H NG D N PHÒNG, TRÁNH NG T, SÓNG TH N	
CH NG 7 M T S HI U BI T CHUNG V NG T, SÓNG TH N	66
7.1. M t s hi u bi t chung v ng t.....	66
7.2. M t s hi u bi t chung v sóng th n.....	68
1. Sóng th n	68
2. Vùng chu nh h ng tr c tí p c a sóng th n	68
3. Phân lo i tin c nh báo sóng th n.....	68
4. T c di chuy n c a sóng th n:.....	69
5. S c m nh tàn phá kh ng khi p c a sóng th n:.....	69
6. Trong quá kh sóng th n ã x y ra vùng b bi n Vi t Nam ch a?	69
7. Nguy c sóng th n nh h ng t i vùng b bi n Vi t Nam trong t ng lai.....	69

CHƯƠNG 8 CÁCH HO T NG PHÒNG, TRÁNH NG T, SÓNG TH N.....	70
8.1. Các ho t ng phòng tránh ng t, sóng th n lâu dài	70
I. Trách nhi m c a chính quy n các c p và các c quan, t ch c h u quan.	70
II. Trách nhi m c a c ng ng.	71
8.2. Các ho t ng phòng tránh ng t, sóng th n hàng n m.	71
I. Trách nhi m c a y ban nhân dân các c p vùng ven bi n	71
II. Trách nhi m c a các c quan thông tin i chúng	72
III. Trách nhi m c a c ng ng	72
8.3. Các ho t ng ng phó kh n c p.....	72
I. Trách nhi m c a chính quy n các c p	72
II. Trách nhi m c a c ng ng.....	73
8.4. Các ho t ng ph c h i s m.....	74
I. Trách nhi m c a chính quy n các c p	74
II. Trách nhi m c a c ng ng:	75

PH N 5

TRÁCH NHI M C A LÃNH O CÁC C P

CHƯƠNG 9 TRÁCH NHI M C A CHÍNH PH , CÁC B , NGÀNH TRUNG NG.....	76
9.1. Trách nhi m c a Chính ph , Th t ng Chính ph	76
I. Trách nhi m chung	76
II. Trách nhi m c th khi x y ra thiên tai	76
9.2. Trách nhi m c a Ban ch o phòng, ch ng l t, bão Trung ng	78
I. Trách nhi m chung	78
II. Trách nhi m c th khi x y ra thiên tai	78
9.3. Trách nhi m c a y ban Qu c gia Tìm ki m, C u n n	80
I. Trách nhi m chung	80
II. Trách nhi m c th khi x y ra thiên tai, l t, bão	80
9.4. Trách nhi m c a lãnh o các B , ngành	80
I. Trách nhi m chung	80
II. Trách nhi m c th khi x y ra thiên tai	81
GHI CHÚ.....	89
CHƯƠNG 10 TRÁCH NHI M C A CÁC C P CHÍNH QUY N A PH NG...97	

PH L CS 1: THANG C P NG T THEO THANG NG T QU CT MSK64.....	98
PH L CS 2: S KHUV C THEO D O I C NH B A O S O N G TH N TR N BI N O N G.....	102
PH L CS 3: TH O N G T I N L I E N L C G I A C A C T A U T H U Y N V A C A C A I.....	103
PH L CS 4: C A C I M T R U T R A N H B A O.....	106
PH L CS 5: CH V A A I M B N P H A O H I U.....	109
PH L CS 6: C A C T R A N G B B T B U C T R E N M I T A U , T H U Y N.....	112

Phần 1 CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1. Lũ là hiện tượng nước ngập lụt quá mức bình thường, nhô lên trên xuất và ngập (nh 1.1).
2. Lũ là hiện tượng mực nước sông, suối dâng cao, có vận tốc dòng chảy lớn (nh 1.2).
3. Lũ quét là lũ xảy ra bất ngờ, dòng chảy xiết, lên nhanh, xuống nhanh, sức tàn phá lớn, thường xảy ra khu vực có địa hình dốc (nh 1.3).
4. Áp thấp nhiệt đới là một xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh cấp 6 - cấp 7 và có thể có gió giật.
5. Bão là một xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất cấp 8 trở lên và có thể có gió giật. Bão cấp 10 - cấp 11 có gió là bão mạnh; cấp 12 trở lên có gió là bão rất mạnh (nh 1.4).
6. Lốc là luồng gió xoáy có sức gió mạnh thổi ngang với sức gió của bão nhưng có hình thành và tan trong thời gian ngắn với phạm vi hoạt động trong không gian hẹp từ vài km² đến vài chục km² (nh 1.5).
7. Núi cao là hiện tượng núi biển dâng cao hơn mực nước triều bình thường do nhô lên của bão (nh 1.6).
8. Sóng thần là sóng biển dâng cao do động đất gây ra (nh 1.7, 1.8).
9. Sốt lỵ là hiện tượng sốt, trớ do mầm bệnh (nh 1.9).
10. Công trình phòng, chống lụt, bão là những công trình (nh 1.10, 1.11):
 - a) Các xây dựng phòng ngừa, hạn chế hoặc giảm nhẹ các tác động tiêu cực do lụt, bão gây ra;
 - b) Công trình chuyên dùng phục vụ quản lý, dự báo, cảnh báo, che chắn, công tác phòng, chống lụt, bão.
11. Chuyển đổi đơn vị:
1 hải lý (nautical mile - n. mile) = 1,852 km
1 dặm (mile) = 1,609 km
1 hải lý/giờ (knot-KTS) = 1,852 km/h = 0,5144 m/s



nh 1.1. N c dâng cao gây ng p l t

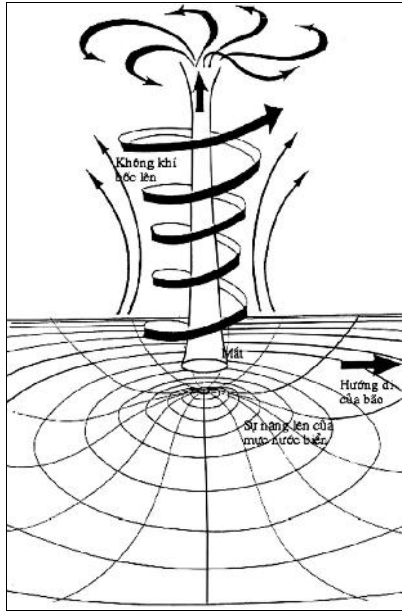




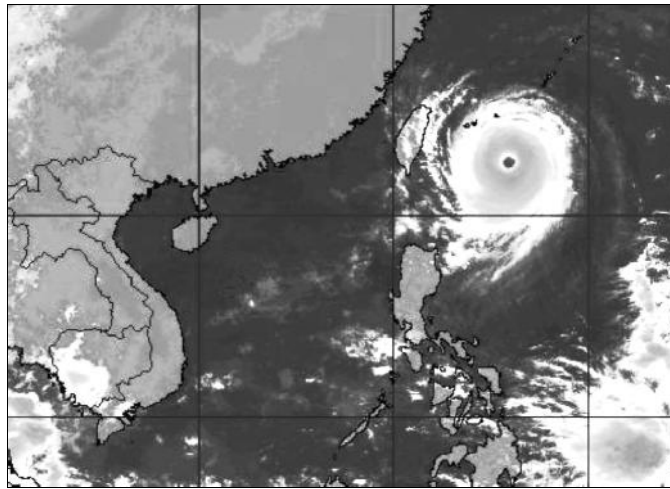
nh 1.2. L trên sông



nh 1.3. L quét



Hình 1.4. Cấu trúc của bão



Ảnh 1.4. Bão



Ảnh 1.5. Lốc



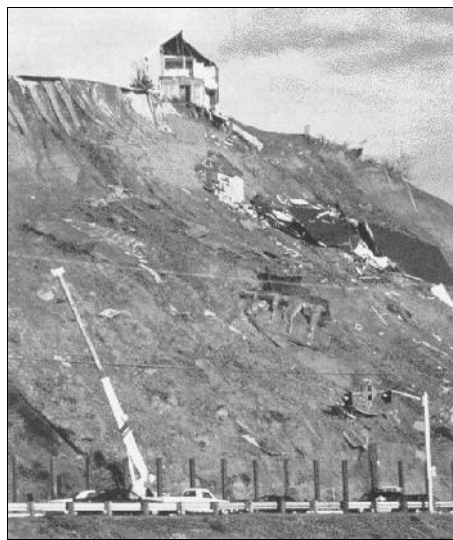
nh 1.6. N c dâng



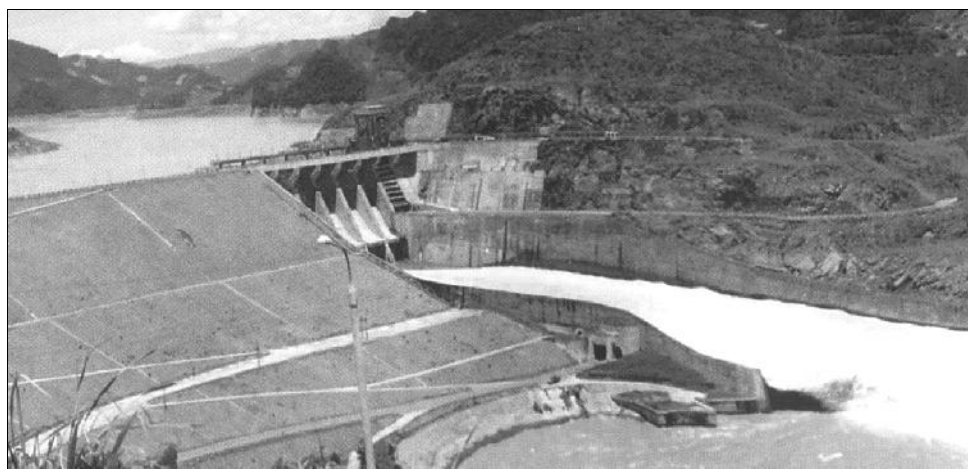
nh 1.7. Sóng th n



nh 1.8. Sóng th n Indonesia n m 2005



nh 1.9. S t l t



nh 1.10. H ch a th y i n Hòa Bình



nh 1.11. ê bi n

Ph n 2
H NG D N PHÒNG, TRÁNH BÃO,
ÁP TH P NHI T I

Ch ng 1
HI U BI T CHUNG V BÃO, ÁP TH P NHI T I

1. Vị trí của bão:

Là tọa độ của tâm bão biểu hiện bằng kinh và vĩ, đồng thời xác định khoảng cách so với một số địa danh cụ thể trong khu vực.

2. Tâm bão:

Tâm bão (mắt bão) là vùng tĩnh lặng gió, quang mây có đường kính từ 30-60km. Chiều rộng tâm bão không phải là một tỉ lệ.

3. Cường độ của bão:

Là sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão. Vùng gió mạnh của bão có thể bao phủ rộng hàng vài trăm km², càng ra xa vùng tâm bão, sức gió giảm dần.

4. Vùng nhiễu động của bão, áp thấp nhiệt đới:

Là vùng có gió mạnh từ cấp 6 trở lên. Trong bão thường có gió giật. Gió giật là tốc độ gió tăng lên đột ngột trong khoảng thời gian rất ngắn.

Ví dụ về một bản tin báo bão: Vùng gần tâm bão có gió mạnh cấp 9, cấp 10 (tốc độ là từ 75-102km/h) giật trên cấp 11, cấp 12 và phòng sóng cao 7-9m.

5. Cấp bão:

Là tốc độ của lưu lượng gió xoáy xung quanh mắt bão và được đo theo bảng Bo-pho (Beaufort) sau:

Cấp gió	Tốc độ gió		cao sóng trung bình	Mức nguy hiểm
	m/s	km/h	m	
0	0 – 0,2	< 1	-	Gió nhẹ Không gây nguy hiểm
1	0,3 – 1,5	1 – 5	0,1	
2	1,6 – 3,3	6 – 11	0,2	
3	3,4 – 5,4	12 - 19	0,6	
4	5,5 – 7,9	20 – 28	1,0	- Cây nhỏ có lá bắt đầu lay động, nhành ngọn lúa bắt đầu phai màu
5	8,0 – 10,7	29 - 38	2,0	- Bị nghiêng ngã. Thủy sản đánh cá bắt đầu chao nghiêng, phiêu lưu bắt đầu bị mất

6	10,8 – 13,8	39 – 49	3,0	- Cây c i rung chuy n. Khó i ng c gió.
7	13,9 – 17,1	50 - 61	4,0	- Bi n ng. Nguy hi m i v i tàu, thuy n.
8	17,2 – 20,7	62 – 74	5,5	- Gió làm gãy cành cây, t c mái nhà gây thi th i v nhà c a. Không th i ng c gió.
9	20,8 – 24,4	75 - 88	7,0	- Bi n ng r t m nh. R t nguy hi m i v i tàu, thuy n
10	24,5 – 28,4	89 – 102	9,0	- Làm cây c i, nhà c a, c t i n. Gây thi th i r t n ng.
11	28,5 – 32,6	103 - 117	11,5	- Bi n ng d d i. Làm m tàu bi n
12	32,7 – 36,9	118 – 133	14,0	- S c phá ho i c c k l n.
13	37,0 – 41,4	134 – 149		- Sóng bi n c c k m nh. ánh m
14	41,5 – 46,1	150 – 166		tàu bi n có tr ng t i l n
15	46,2 – 50,9	167 – 183		
16	51,0 – 56,0	184 – 201		
17	56,1 – 61,2	202 - 220		

Ghi chú: S li u trong b ng l y theo Quy ch báo bão, l .

6. H ng di chuy n c a bão:

Là h ng di chuy n c a tâm bão. Khi di chuy n theo h ng Tây, Tây B c ho c Tây Nam, bão trên bi n ông th ng có xu h ng b vào Vi t Nam. Cá bi t khi vào g n b , bão có th i h ng di chuy n lên phía B c ho c xu ng phía Nam.

7. T c di chuy n c a bão:

Là t c di chuy n c a tâm bão tính trong m t gi . Ví d trong b n tin báo: trong 24h t i bão di chuy n m i gi i c 10km (10km/h: ngh a là v i v n t c 10k m thì sau 24h bão i c là $24 \times 10 = 240$ km)

8. Th i gian xu t hi n c a bão:

Theo quy lu t chung, các c n bão hình thành t i bi n ông ho c g n bi n ông, th ng xu t hi n b t u vào các tháng 6, 7, 8, 9 và nh h ng n khu v c B c B và Thanh Hoá; vào tháng 9, 10 bão ch y u nh h ng n B c và Trung Trung B ; nh ng tháng còn l i, bão th ng nh h ng n Nam Trung B và Nam B . Tuy nhiên, không hi m tr ng h p bão xu t hi n b t th ng c v không gian và th i gian, không theo quy lu t.

9. Thông tin v bão:

Bao g m các thông tin t c quan thông tin i chúng, c quan đ báo, c nh báo, pháo hi u, òn hi u báo bão và m t s kinh nghi m dân gian.

Chương 2 PHÒNG, TRÁNH BÃO, ÁP TH P NHI T I

2.1. Khái quát chung v bão, áp th p nhi t i nh h ng t i Vi t Nam

Vi t Nam n m khu v c Tây B c Thái Bình D ng, là m t trong nh ng vùng hàng n m th ng xu t hi n nhi u c n bão m nh. Trong h n 50 n m qua (1954-2006) ã có 380 c n bão và áp th p nhi t i nh h ng n Vi t Nam, trong ó 31% b vào B c B , 36% b vào B c và Trung Trung B , 33% b vào Nam Trung B và Nam B . Trong giai o n t 1990 n 2010 (1990-2010): có 80 c n bão và 26 ATN nh h ng t i Vi t Nam (trong ó có 63 c n bão và 9 ATN nh h ng tr c ti p). Thi t h i do bão và ATN trong giai o n này: bình quân m i n m có 280 ng i ch t và m t tích; thi t h i v kinh t kho ng 3.400 t ng/n m. Theo th ng kê nhi u n m, có t i 80 – 90% dân s Vi t Nam ch u nh h ng c a bão.

Do nh h ng c a bi n i khí h u toàn c u, ùnh hình bão bi n ông và Tây B c Thái Bình D ng trong nh ng n m g n ây có nhi u thay i: mùa bão b t u s m h n và k t thúc mu n h n; quy lu t bão xu t hi n hàng n m t v cao chuy n đ n xu ng v th p ã b o l n; s c n bão có c ng m nh (siêu bão) có xu h ng gia t ng; h ng di chuy n c a nhi u c n bão di n bi n r t ph c t p.

Nh ng c n bão m nh b vào t li n trùng h p v i thi i m tri u c ng, n c bi n dâng cao là t h p thiên tai c c k nguy hi m, có s c tàn phá n ng n i v i khu v c ven bi n; nh ng c n bão m nh khi i sâu vào t li n ngoài s tàn phá do gió m nh còn kèm theo m a l n trên di n r ng và th ng gây ra l quét, l l n, l t, úng ng p nghiêm tr ng. *Vì v y, bão và l c coi là hai lo i thiên tai ph bi n nh t và nguy hi m nh t i v i Vi t Nam.*

2.2. Các ho t ng chu n b phòng, tránh bão

I. Các ho t ng phòng, tránh bão lâu dài

1. Các ho t ng thu c trách nhi m c a chính quy n các c p

- Quy ho ch l i dân c các vùng th ng xuyên b nh h ng tr c ti p c a bão.
- Quy ho ch s đ ng t vùng ven bi n ph i phù h p v i yêu c u né tránh các tác ng b t l i do bão gây ra.
- Vi c phê duy t các đ án xây đ ng m i các công trình công c ng c ng nh vi c c p phép xây đ ng các lo i công trình vùng th ng xuyên b nh h ng tr c ti p c a bão nh t thi t ph i tuân theo tiêu chu n an toàn ch ng bão.
- Nh ng công trình công c ng hi n có vùng th ng xuyên b nh h ng tr c ti p c a bão không b o m an toàn c n c c i t o, nâng c p theo tiêu chu n, quy chu n xây đ ng hi n hành và theo l trình phù h p.

- Ngành Bưu chính Viễn thông, viễn thông công nghiệp cấp viễn thông, mạng dây điện nhả m lo i tr tác động tr c ti p c a bão, m b o thông tin liên l c thông su t trong m i i u ki n th i ti t. Hoàn ch nh, nâng c p h th ng thông tin liên l c trên bi n và trên t li n, nh t là t i các vùng sâu, vùng xa, biên gi i, h i o nh m m c tiêu m b o thông tin liên l c thông su t tr c, trong và sau khi bão x y ra

- Th c hi n ch ng trình khôi ph c và nâng c p ê bi n, xây d ng công trình ch ng xói l b bi n; tr ng, ch m sóc và b o v cây ch n sóng, r ng phòng h ven bi n; b o v t t các c n cát t nhiên ven bi n.

- H ng d n nhân dân, các ch trang tr i chuy n i mùa, v , gi ng cây tr ng, v t nuôi, con gi ng th y s n phù h p, né tránh c tác h i do bão bi n gây ra, ng th i t n d ng c i u ki n t nhiên trên t li n, trên bi n c a t ng vùng.

- ng d ng ti n b khoa h c công ngh , k thu t và s d ng v t li u m i vào ph c v phòng, tránh, ng phó v i bão.

- Ngành Khí t ng –Th y v n th c hi n ng b các gi i pháp nh m không ng ng nâng cao ch t l ng d báo bão, áp th p nhi t i.

- Th c hi n ng ki m và qu n lý ch t ch toàn b tàu , thuy n hi n có t i các a ph ng; h ng d n, h tr trang thi t b an toàn và thông tin liên l c cho các tàu thuy n ánh cá trên bi n; ki m tra, ôn c vi c ch p hành c a ch tàu thuy n và thuy n tr ng v trang b thi t b thông tin liên l c trên tàu, thi t b b o m an toàn cho ng i và ph ng ti n.

- y nhanh ti n th c hi n Ch ng trình xây d ng, qu n lý và s d ng hi u qu các khu tránh, trú bão cho tàu thuy n theo quy ho ch c c p có th m quy n phê duy t.

- Nâng cao ch t l ng, hi u qu ho t ng c a l c l ng tìm ki m c u n n chuyên nghi p c a c Trung ng và a ph ng; trang b , nâng c p trang thi t b TKCN c n thi t cho các c quan TKCN c a Trung ng và a ph ng; h ng d n, h tr chính quy n c s và c ng ng xây d ng, hu n luy n nghi p v cho l c l ng c u h , c u n n bán chuyên trách l c l ng này phát huy hi u qu cao nh t trong c u h , c u n n t i a ph ng.

- Chú tr ng và t ng c ng công tác tuyên truy n, t p hu n nâng cao nh n th c, ph bi n ki n th c v bão và cách phòng, tránh cho cán b chính quy n các c p và c ng ng dân c .

2. Các ho t ng thu c trách nhi m c a c ng ng trên t li n, trên h i o và ng dân trên bi n

- Các gia ình có nhà c p 4 vùng th ng xuyên ch u nh h ng c a bão c n có k ho ch c i t o, nâng cao m c b o m an toàn.

- Các h nông dân, ch trang tr i vùng th ng xuyên ch u nh h ng c a bão c n ch ng, linh ho t, sáng t o chuy n i mùa, v , gi ng cây tr ng, v t nuôi, con

gi ng th y s n phù h p, né tránh c tác h i do bão bi n gây ra, ng th i t n d ng c i u ki n t nhiên trên t li n, trên bi n c a t ng vùng.

- Nhân dân vùng ven ê bi n, ê c a sông có ngh a v ch p hành nghiêm vi c b o v và c u h ê i u; tích c c tham gia tr ng, ch m sóc và b o v cây ch n sóng, r ng phòng h ven bi n; b o v t t các c n cát t nhiên ven bi n.

- Ch tàu thuy n ph i ch p hành nghiêm ch nh ngh a v ng ki m v i c quan Nhà n c; trang b thi t b thông tin, thi t b b o m an toàn cho ng i và ph ng ti n cho m i con tàu; thông báo cho n biên phòng và Chi c c Khai thác và b o v ngu n l i th y s n bi t rõ: bi n ng ký c a tàu thuy n, a ch ng tr ng ho t ng, danh sách thuy n viên trên m i con tàu, s i n tho i đi ng c a ch tàu và c a thuy n tr ng, t n s c a thi t b thông tin l p t trên tàu.

II. Các ho t ng phòng, tránh, ng phó v i bão hàng n m

1. Các ho t ng chu n b phòng, tránh bão.

a) Trách nhi m c a chính quy n các c p và các c quan chuyên môn

- Th ng xuyên ki n toàn b máy t ch c c a Ban ch huy Phòng, ch ng l t bão và TKCN các c p, ngành; rà soát, b sung hoàn thi n v c c u t ch c, ch c n ng nhi m vu, quy ch ho t ng; phân công nhi m v và xác nh c ch ph i h p c a Ban ch huy PCLB và TKCN các c p, ngành.

- Tr c mùa bão, y ban nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n c p huy n ch o c p xã chu n b chu áo Ph ng án s tán dân các vùng c a sông, ven bi n, nh t là các h có nhà không b o m an toàn, d b s p khi có bão m nh. Ph ng án ph i áp ng c 3 y u c u c b n : l p danh sách y các i t ng c n u tiên s tán; xác nh c th a i m s tán (v i các y u c u t i thi u v ch , b p, i n ho c d u èn, n c s ch, nhà v sinh; d ch v y t , v sinh môi tr ng; d ch v l ng th c, th c ph m) và danh m c các ph ng ti n v n chuy n ch c ch n huy ng c h tr dân s tán trong tr ng h p c bi t kh n c p.

- i u tra, th ng kê xác nh c th v s l ng, ch ng lo i ph ng ti n, v t t có th huy ng cho công tác ng phó v i l t, bão, ng th i t ch c b trí v t t , ph ng ti n, trang thi t b PCLB và TKCN t i các a bàn xung y u; qu n lý ch t ch danh sách các h dân, doanh nghi p, t ch c...có các ph ng ti n phù h p huy ng ho c tr ng d ng khi ph i ng phó kh n c p v i thiên tai.

- T i các a ph ng có ê bi n, ê c a sông: tr c mùa bão, Chi c c Qu n lý ê i u và Phòng, ch ng l t, bão/ Chi c c Th y l i có trách nhi m tham m u cho S Nông nghi p và Phát tri n nông thôn h ng d n các H t qu n lý ê chuyên trách/ các n v tr c ti p qu n lý các tuy n ê bi n, ê c a sông ph i h p v i Phòng Nông nghi p và Phát tri n nông thôn huy n ti n hành t ng ki m tra, ánh giá hi n tr ng công trình, xác nh các tr ng i m xung y u, l p ph ng án k thu t x lý kh n c p khi b tác ng

c a bão, sóng biển và nước dâng theo hướng đ n chung c a C c Quy n lý ê i u và Phòng, ch ng l t, bão. Phòng Nông nghi p và Phát tri n nông thôn huy n có trách nhi m trình Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n huy n phê duy t ph ng án và phân công trách nhi m c th cho các n v th c hi n. Trong các ph ng án b o v ê bi n, ê c a sông c n c bi t chú tr ng chu n b các lo i v t t , v t li u và ph ng ti n thi công thích h p ch ng sóng, b o v ê.

- Ngành Xây d ng và Giao thông ph i h p v i chính quy n a ph ng ki m tra các ph ng án phòng, ch ng l t, bão i v i các công trình ang thi công đ dang, các khu gi i t a, khu tái nh c ; các Ban quy n lý, các ch u t ph i có ph ng án phòng ch ng bão, ng th i ph i có các ph ng án x lý ng p úng và các s c có th x y ra cho các khu dân c do công trình ang thi công gây nên

- Ngành Y t l p ph ng án c p c u, c u n n k p th i (k c ph ng án l u ng) cho nhân dân vùng b thiên tai, k c vì c ti p nh n n n nhân t các a ph ng khác.

- Ph ng án đ tr nhu y u ph m c u tr kh n c p cho nhân dân các vùng b thiên tai do ngành Công Th ng m nh n ph i hoàn t t tr c mùa bão c v s l ng, ch ng lo i, ph ng án v n chuy n, a ch liên l c, cách th c giao, nh n.

- T ch c di n t p s tán kh n c p và c u h , c u n n: K ch b n di n t p, i t ng tham gia, th i gian và a i m di n t p do BCHPCLB&TKCNC p t nh quy t nh

b) Trách nhi m c a c ng ng

- Ch ng ch ng ch ng nhà c a;
- Chu n b s n bao t i và cát ch ng t c mái;
- Ch ng liên h s tán n các gia ình ng i thân có nhà kiên c ;
- ng ký v i Tr ng th ôn, p i s tán kh n c p theo Ph ng án do chính quy n a ph ng chu n b .

2. Các ho t ng ng phó v i bão

❖ Bão g n bi n ông

a) Trách nhi m c a chính quy n và Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n các c p a ph ng

- Ch o tri n khai tr c ban theo úng quy ch hi n hành; theo dõi sát di n bi n c a bão.

- Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n t nh: ti p nh n công i n c a Ban Ch o phòng, ch ng l t, bão Trung ng; ban hành công i n c nh báo bão phù h p v i tình hình a ph ng, ch o và h ng đ n các tàu ánh b t xa b ang ho t ng trên bi n thoát ra kh i vùng nguy hi m c a bão.

- Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n c p xã ph i h p v i n biên phòng, Chi c c Khai thác và b o v ngu n l i th y s n và ch tàu thuy n th c hi n ki m m tàu, thuy n ang ho t ng trên bi n, c bi t là các tàu ánh b t xa b , báo cáo k p th i Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n huy n; gi liên l c v i thuy n tr ng các tàu thuy n c a a ph ng thông tin k p th i v di n bi n c a bão.

b) Trách nhi m c a ch ph ng ti n, thuy n tr ng và ng dân ang ho t ng trên bi n.

- Theo dõi ch t ch các b n tin v di n bi n c a bão.

- Thuy n tr ng ph i gi liên l c th ng xuyên v i ch ph ng ti n, v i n Biên phòng và ài thông tin duyên h i theo dõi sát h ng di chuy n c a bão.

- Ch ph ng ti n và thuy n tr ng có trách nhi m báo cáo n chính quy n, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n xã, n biên phòng, Chi c c Khai thác và B o v ngu n l i th y s n v s l ng, s hi u tàu thuy n, s ng i trên t u, v trí t u ang ho t ng trên bi n.

- Ch ph ng ti n ph i thông báo k p th i các tin đ báo, c nh báo bão và n i dung công i n ch o c a Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n c a t nh, huy n n thuy n tr ng th c hi n các bi n pháp m b o an toàn cho ng i và ph ng ti n.

- Thuy n tr ng và các thuy n viên ph i ch p hành nghiêm túc n i dung công i n c a các c quan ch o, ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n.

c) Trách nhi m c a c ng ng trên t li n, h i o

- Theo dõi di n bi n c a bão trong các b n tin đ báo, c nh báo trên các ph ng ti n thông tin i chúng.

- Th c hi n n i dung công i n c a Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n t nh, huy n và s ch o tr c ti p c a Ban Ch huy Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n xã, ph ng.

❖ Bão trên bi n ông

a) Trách nhi m c a chính quy n, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n các c p

- Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n t nh, huy n, xã ch o tri n khai tr c ban theo úng quy ch hi n hành; theo dõi sát di n bi n c a bão; t ng h p, báo cáo k t qu tri n khai các bi n pháp i phó lên c p trên tr c ti p.

- Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n c p t nh: ti p nh n công i n c a Ban Ch o phòng, ch ng l t, bão Trung ng; ban hành công i n c nh báo bão phù h p v i tình hình th c t a ph ng; ch o và h ng d n tàu thuy n ang ho t

ng trên biển thoát ra khỏi vùng nguy hiểm, tìm nơi trú tránh; các tàu thuyền ra khỏi khu vực này.

- Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, xã có trách nhiệm tổ chức thi công khẩn cấp Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn.

- Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn cấp xã phối hợp với biên phòng, Chi cục Khai thác và Bồi thường lợi ích sản xuất và chèo thuyền kiếm mìn, thuyền đánh cá trên biển, các bãi là các tàu đánh bắt xa bờ, báo cáo kịp thời Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn huyện.

- Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn các cấp tỉnh, huyện, xã phân công các đoàn kiểm tra, ôn tập và cứu hộ cứu nạn phòng tránh bão các trường hợp xung yếu, nhất là ở vùng ven biển, cửa sông và các công trình phòng, chống lụt, bão khác theo phương châm “4 tại chỗ”; kiểm tra mức độ chuẩn bị sẵn sàng phòng tránh sản xuất kinh doanh dân cư vùng có nguy cơ bị bão uy hiếp.

- Ngành Xây dựng và Giao thông phối hợp với chính quyền địa phương yêu cầu các Ban quản lý, các chủ đầu tư các công trình thi công xây lắp phải nghiêm túc phòng tránh phòng chống bão bão đã phê duyệt; ở vùng các công trình đang thi công bằng thép và cấu trúc thép và cấu trúc khi bão thổi vào thì.

- Chuyển trực tiếp số thu cấp phòng chống lụt, bão của ngành Y tế xuống tuyến xã. Các đội y tế lưu động các trạm, huyện chuẩn bị chu đáo về dụng cụ, thuốc, các loại thuốc, dụng cụ và phương tiện thích hợp sẵn sàng áp dụng cứu chữa khi có nhu cầu.

- Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, huyện, xã chỉ đạo phát thanh và truyền hình, các cơ quan thông tin đại chúng địa phương tin kịp thời về diễn biến của bão và công tác chữa bão.

- Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn các cấp tỉnh, báo cáo nhanh lên cấp trên trực tiếp về kết quả triển khai sẵn sàng phòng và chữa bão địa phương.

b) Trách nhiệm của chính quyền tỉnh, huyện và người dân đánh cá trên biển

- Thường xuyên duy trì liên lạc với tỉnh, theo dõi chặt chẽ các biến động diễn biến của bão.

- Thuyền trưởng phải liên lạc thường xuyên với chính quyền tỉnh, về các tàu thuyền đánh cá trong khu vực hỗ trợ nhau khi cần thiết.

- Chính quyền tỉnh và thuyền trưởng có trách nhiệm báo cáo chính quyền, Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn, Biên phòng, Chi cục Khai thác và Bồi thường lợi ích sản xuất và sinh lợi, sinh lợi của thuyền, sinh lợi trên tàu, vị trí tàu thuyền đánh cá trên biển; sinh lợi của thuyền đã di chuyển ra khỏi vùng nguy hiểm của bão; hướng dẫn không cho tàu thuyền đi vào khu vực nguy hiểm.

hàng cá biển.

- Chấp hành nghiêm chỉnh thông báo kịp thời các tin đ báo, c nh báo bão và n i dung công i n ch o c a Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n c a t nh, huy n n thuy n tr ng th c hi n các bi n pháp m b o an toàn cho ng i và ph ng ti n.

- Khi có tàu thuy n g p s c trên bi n, t oàn k t, h p tác c a ng dân ph i ch ng c u h , c u n n theo ph ng châm “4 tai ch ”. Tr ng h p không kh n ng c u h ph i phát tín hi u c p c u (SOS) theo quy nh l c l ng c u h , c u n n nh n bi t n ng c u k p th i.

- Thuy n tr ng và các thuy n viên ph i ch p hành nghiêm túc n i dung công i n c a các c quan ch o, ch huy phòng, ch ng l t, bão; kh n tr ng cho tàu thuy n di chuy n ra kh i vùng nguy hi m ho c tìm n i trú tránh an toàn.

c) Trách nhi m c a c ng ng trên t li n, h i o:

- Th ng xuyên theo dõi di n bi n c a bão trên các b n tin đ báo, c nh báo.

- Th c hi n n i dung công i n c a Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n c a t nh, huy n và s ch o tr c ti p Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n xã, ph ng.

- Ch ng đ tr l ng th c, th c ph m, n c u ng, thu c ch a b nh và các nhu y u ph m khác trong th i gian ít nh t là 7 ngày.

- i v i các a ph ng c đ báo bão có th i qua:

+ Th c hi n ch t t a cành cây các khu dân c và ô th theo ch o c a chính quy n, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n a ph ng.

+ Chu n b ch ng ch ng nhà c a, kho tàng.

+ Tranh th thu ho ch s n ph m nông nghi p, thu , h i s n vùng có nguy c b nh h ng bão.

+ Ch ng tri n khai các bi n pháp b o v s n xu t.

+ Chu n b s n sàng các ph ng án s tán dân theo ch o c a chính quy n, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n a ph ng.

+ Tham gia các ho t ng c a c ng ng trong vì c phòng, tránh bão.

❖ Bảo g n b

a) Trách nhi m c a chính quy n, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n a ph ng.

- Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n t nh, huy n, xã ch o tri n khai tr c ban theo úng quy ch hi n hành; theo dõi sát di n bi n c a bão; t ng h p, báo cáo k t qu tri n khai các bi n pháp i phó v i bão n c p trên tr c ti p.

- Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n t nh ban hành công

in chèo, hướng dẫn tàu thuyền thoát ra khỏi vùng nguy hiểm cá bão; các tàu thuyền ra khỏi và tiếp tục thông báo cho tàu thuyền đang hoạt động trên biển tìm kiếm và tránh.

- Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn, huyện, xã nhận chức sắc lãn ngữ tàu thuyền đã di chuyển vào bờ và sẵn sàng hoạt động trên biển; các cán bộ xung kích tình nguyện kiểm tra và hướng dẫn vị neo đậu tàu thuyền tại các khu vực tránh trú bão.

- Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn, huyện các đoàn công tác xuống địa bàn trực tiếp kiểm tra, ôn tập triển khai các phương án sơ tán vùng bão, công bố là phương án báo cáo các trực tiếp xung yếu. Mọi khi khẩn trương trong chu kỳ phương án chấp hành yêu cầu “4 tại chỗ” phải khẩn cấp ngay.

- Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn, huyện, xã phối hợp với các ban, ngành liên quan tiếp trung ôn tập vị trí chốt tại cánh cây, chèo chèo, bờ vờ nhà cửa, trường học, trạm xá, chợ, điểm, các thông tin để báo cáo gây nguy hiểm cho công trình lân cận hoặc gây ách tắc giao thông.

- Khi có tin cảnh báo bão sắp đổ bộ trực tiếp vào địa phương, Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn và ngành Giáo dục tùy tình hình thực tế mà yêu cầu cho học sinh, sinh viên nghỉ học.

- Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn, huyện, xã tiếp tục chèo ải phát thanh và truyền hình, các phương tiện thông tin để chúng khác cá địa phương tin cậy kịp thời vùng bão và công tác chèo ải sơ tán.

- Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn các cấp tiếp hợp, báo cáo nhanh lên cấp trên trực tiếp và kết quả triển khai các hoạt động sơ tán vùng bão cá địa phương.

b) Trách nhiệm cá chính quyền địa phương và người dân đang hoạt động trên biển.

- Theo dõi chặt chẽ các bản tin và diễn biến cá bão.

- Thực hiện nghiêm túc công việc cá chèo cá cá các cấp có thẩm quyền.

- Không cho tàu thuyền ra khỏi.

- Không cho tàu thuyền đi vào khu vực nguy hiểm cá bão.

- Nếu tàu thuyền đang trong khu vực nguy hiểm cá bão, thuyền trưởng phải khẩn trương cho tàu thuyền di chuyển ra khỏi vùng nguy hiểm để an toàn.

- Thuyền trưởng phải liên lạc thông xuyên với chèo tàu thuyền, nhận biên phòng và nhận Tìm kiếm, cứu nạn khu vực.

- Khi có tàu thuyền gặp sự cố trên biển, toàn thể, hợp tác cá người dân phải chèo cứu hộ, cứu nạn theo phương châm “4 tại chỗ”. Trường hợp không khẩn cấp cứu hộ phải phát tín hiệu cấp cứu (SOS) theo quy định của lực lượng cứu hộ, cứu nạn nhận biết.

n ng c u k p th i.

- Ch ph ng ti n và thuy n tr ng ti p t c báo cáo n chính quy n, Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n a ph ng, n Biên phòng, Chi c c Khai thác và B o v ngu n l i th y s n v s l ng, s hi u tàu thuy n, s ng i trên tàu, v trí tàu ang ho t ng trên bi n; s l ng tàu thuy n ã di chuy n ra kh i vùng nh h ng c a bão; s l ng tàu thuy n ang còn trong vùng nh h ng c a bão s l ng tàu thuy n, ng dân ã vào n i trú tránh an toàn.

- Ch ph ng ti n ph i thông báo k p th i các tin đ báo, c nh báo bão và n i dung công i n ch o c a các c p có th m quy n n thuy n tr ng và yêu c u th c hi n ngay các bi n pháp m b o an toàn cho ng i và ph ng ti n.

- Thuy n tr ng và các thuy n viên ph i th c hi n nghiêm các bi n pháp b o m an toàn cho ng i và ph ng ti n khi ã v n i trú tránh bão.

c) Trách nhi m c a c ng ng trên t li n, h i o thu c vùng đ báo bão s b vào

- Th ng xuyên theo dõi di n bi n c a bão trên các ph ng ti n thông tin i chúng.

- Th c hi n nghiêm n i dung công i n c nh báo bão c a các c p có th m quy n và s ch o tr c ti p c a chính quy n, Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n c a xã, ph ng.

- Kh n tr ng tri n khai ch ng ch ng nhà c a, kho tàng.



Tri n khai ch ng ch ng nhà c a

- Các h nông dân tranh th thu ho ch nông s n theo ph ng châm “xanh nhà h n già ng”; thu ho ch s m ho c áp đ ng các bi n pháp b o v m, ao, l ng, bè nuôi tr ng th y, h i s n.

- Tri n khai các bi n pháp b o v s n xu t; tranh th tiêu n c m nh ng vùng th p, tr ng có nguy c b ng p úng.

- S n sàng th c hi n s tán ra kh i vùng nguy hi m khi có l nh c a chính quy n, Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão a ph ng .



Hoàn thiện công trình nhà cửa



Đưa tàu, thuyền vào nơi trú ẩn



Sắp xếp tàu thuyền nơi neo đậu

- Tham gia s p x p tàu thủy n n i neo u.
- Tham gia các ho t ng c a c ng ng trong vi c phòng, tránh bão.
- Gi thông tin liên l c gi a gia ình và c ng ng.

❖ **Bảo kh n c p**

a) Trách nhi m c a chính quy n, Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n các c p thu c vùng d báo bão s i qua

- Các ho t ng ng phó kh n c p:

+ Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n các c p phân công cán b lãnh o tr c ban, theo dõi và ch o công tác ng phó v i bão; c p nh t tình hình v gió bão, m a, l và các s c thiên tai, k t qu tri n khai i phó và thi t h i do bão gây ra t i a ph ng báo cáo nhanh n c p trên tr c ti p.

+ Trung tâm Khí t ng-Th y v n Trung ng, các ài Khí t ng-Th y v n khu v c c ng nh ài c a t nh cung c p k p th i b n tin d báo bão theo Quy ch báo ATN , bão, l hi n hành n Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n c a t nh và các c quan h u quan có c n c quy t nh tri n khai các ho t ng ng phó kh n c p.

+ Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n c p t nh ban hành công i n ch o i phó v i bão kh n c p; tí p t c c m tàu thủy n ra kh i và yêu c u các tàu thủy n còn ngoài kh i tìm n i trú tránh ho c thoát ra kh i vùng nguy hi m.

+ Các n Biên phòng ven bi n tri n khai th c hi n l nh c m nghiêm ng t các tàu thủy n ra kh i c a Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n t nh .

+ Các n v v trang th c hi n l nh b n pháo hi u c nh báo bão theo quy ch hi n hành.

+ B Qu c phòng cho máy bay bay t i các ng tr ng g n b (< 500km) thông báo cho các tàu thủy n còn ang trên bi n nhanh chóng tìm n i tránh, trú bão an toàn.

+ ài ti ng nói Vi t Nam, các ài thông tin Duyên h i ph i liên t c phát tin d báo bão m i nh t và công i n ch o c a Trung ng, c a t nh thủy n tr ng và các thủy n viên trên các tàu thủy n bi t rõ, ch p hành.

+ Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n các c p vùng ven bi n tí p t c n m ch c s l ng tàu thủy n c a a ph ng còn trên bi n ch a vào n i trú tránh, s tàu thủy n ã vào n i trú tránh; s p x p vi c neo u i v i các tàu thủy n ã v b ; x lý k p th i các tình hu ng s c c a tàu thủy n.

+ y ban nhân dân các c p t m đ ng các cu c h p ch a th c s c n thi t t p trung ôn c tri n khai các ph ng án i phó v i bão; t ch c c u h , c u n n k p th i; huy ng v t t , ph ng ti n, l c l ng b o v nghiêm ng t các khu v c tr ng i m, xung y u, c bi t là các tuy n ê bi n, ê c a sông, các h , p và các công

trình phòng, ch ng l t, bão khác.

+ Khi có tình hu ng bão m nh s b vào b tr ùng h p v i th i i m tri u c ng, n c bi n dâng cao, sau bão s có m a, l l n, y ban nhân dân, Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n các c p ph i kh n tr ng huy ng m i l c l ng, ph ng ti n c a a ph ng c ng nh c a Trung ng có trên a bàn, bao g m c quân i, công an t ch c s tán kh n c p dân trong các vùng tr ng, th p c a sông, ven bi n, vùng có nguy c b s t l t t i a i m an toàn h n, trong ó c n c bi t quan tâm, giúp chu áo các i t ng đ b t n th ng (ng i già, ph n có thai, tr em, ng i tàn t t). Nh ng ng i không ch p hành l nh s tán, chính quy n có th áp đ ng bi n pháp c ng ch b o m an toàn.

+ T i n i s tán t m, chính quy n c p huy n, xã tri n khai ph ng án h tr l ng th c, th c ph m, n c u ng, ch n màn và nh ng i u ki n t i thi u v d ch v y t , v sinh môi tr ng, tr t t tr an ng bào yên tâm lánh n n; c g ng m b o b ng c yêu c u: không dân b ói, b rét ho c phát sinh d ch b nh.

+ T i nh ng vùng ng bào v a i s tán kh n c p, l c l ng công an huy n, xã có trách nhi m ph i h p tri n khai ph ng án gi gìn tr t t , an ni nh, b o v nhà c a, t i s n cho dân. Khi bão tan, chính quy n c ng c n huy ng ph ng ti n a bà con tr v n i c an toàn, tr t t .

+ Khi có tin c nh báo bão s b tr c ti p vào a ph ng, Tr ng Ban ch huy Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n t nh c n c theo tình hình, có th quy t nh cho h c sinh ngh h c; ng th i có bi n pháp m b o an toàn cho tr ng h c và thi t b h c ng.

+ Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n ph ng, xã ti p t c ki m tra, ch o vi c ch ng ch ng nhà c a, kho tàng; ki m tra, rà soát k t i th c a, không cho dân l i trên các chòi canh, l ng, bè nuôi tr ng thu , h i s n và trên các tàu thuy n t i n i neo u. Tr ng h p ng i dân c tình không ch p hành l nh s tán có th áp đ ng bi n pháp c ng ch b o m an toàn tính m ng cho dân.

+ C n c tin đ báo, c nh báo và th c t m a, bão đi n ra trên a bàn, Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n c p huy n, xã kh n tr ng tri n khai các ph ng án phòng ch ng l , phòng tránh l quét, s t l t.

+ i v i các h ch a n c có dung tích v a và l n th ng ngu n các sông , su i thu c khu v c duyên h i Mi n Trung, Tây Nguyên c ng nh mi n núi phía B c, khi có đ báo v m a l n sau bão s đi n ra trên l u v c có kh n ng v t quá m c thi t k , e d a tr c ti p s an toàn c a công trình, Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n t nh c n ra l nh cho Ban qu n lý h ch ng x b t n c m c

h p lý nh m t ng thêm dung tích c t l c a h ; yêu c u và giám sát các Ban qu n lý h v n hành xã l h ch a theo úng quy trình v n hành h và liên h ã c c quan có th m quy n phê duy t. ng th i, kh n tr ng huy ng n v quân i ã

c phân công t tr c c ng nhanh nh t nh tr l c l ng t i ch th c hi n ph ng án x lý kh n c p nh m ng n ch n nguy c v p, gây th m h a cho dân c vùng h l u.

+ T i nh ng o n ng b , ng s t b ng p sâu do m a, l ph i có bi n c m ng i và các ph ng ti n giao thông qua l i. L c l ng c nh sát giao thông ph i h p v i thanh tra giao thông phân công ng i túc tr c t i ch ch d n cho ng i và ph ng ti n tham gia giao thông i theo ng tránh nh m h n ch ùn t c giao thông.

+ Khi các ph ng ti n giao thông ng b , ng s t trên tuyen B c - Nam bu c ph i d ng l i do ng b ng p sâu ho c c u, ng b h h ng n ng, ngành Giao thông -V n t i c n ph i h p ch t ch v i chính quy n a ph ng th c hi n ph ng án c u tr kh n c p l ng th c, n c u ng, d ch v y t , v sinh môi tr ng và tr t t , tr an cho hành khách theo quy ch phòng, ch ng l t, bão c a ngành ng b , ngành ng s t. i v i các chuy n bay b ình hoãn do bão, ngành Hàng không c ng ph i ch m lo, h tr n i n, cho hành khách theo quy ch phòng, ch ng l t, bão c a ngành Hàng không.

+ Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n các c p t i p t c ch o ài phát thanh và truy n hình, các ph ng ti n truy n thông a ph ng a tin v bão kh n c p và công tác ch o i phó. Trong th i gian bão ang b vào b c ng nh khi m t bão i qua (lúc tr i t ng t l ng gió), các ài Phát thanh-Truy n hình a ph ng c n liên t c nh c nh m i ng i không ra kh i nhà ho c ra kh i n i ang tránh trú bão b o m an toàn tính m ng.

- Các ho t ng ph c h i s m:

+ Ngay sau khi bão tan, vi c ph c h i s m m ng thông tin liên l c ph i c u tiên hàng u chính quy n c p c s báo cáo nhanh tình hình thi t h i do thiên tai gây ra trên a bàn và nh ng yêu c u c n c c u h , c u n n, c u tr kh n c p. Vi c ph c h i s m m ng thông tin liên l c ph c v công tác phòng, ch ng l t, bão th c hi n theo quy nh c a B Thông tin-truy n thông.

+ Công tác kh c ph c h h ng h th ng c p i n, c p n c c ng là m t trong nh ng u tiên hàng u nhanh chóng kh c ph c h u qu , n nh i s ng, khôi ph c s n xu t c a nhân dân và m b o các ho t ng kinh t , xã h i, an ninh, qu c phòng.

+ Ph c h i s m h th ng giao thông ng b , ng s t c ng c n c t i n hành song song v i ph c h i m ng thông tin m ng cho các l c l ng c u h , c u n n, c u tr kh n c p có th t i p c n s m nh t v i ng bào vùng b thiên tai. Vi c ph c h i s m h th ng giao thông th c hi n theo Quy ch phòng, ch ng l t, bão c a B Giao thông v n t i.

+ i v i các công trình phòng, ch ng l t, bão c ng nh các h ch a n c, ngay sau khi bão tan, l rút chính quy n và Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n các c p ph i ki m tra, rà soát k hi n tr ng công trình, kh n tr ng huy ng

l c l ng, v t t , ph ng ti n ti n hành gia c thêm nh ng b ph n công trình b h h ng n ng nâng m c b o m an toàn cao h n trong nh ng t l , bảo ti p theo.

+ Sau khi bão tan, ngành Y t ph i h p v i các ngành Tài nguyên và Môi tr ng và chính quy n a ph ng x lý môi tr ng, n c u ng và phòng ch ng các d ch b nh phát sinh. y ban nhân dân xã ph i huy ng c ng ng làm s ch v sinh môi tr ng, nh t là môi tr ng n c phòng tránh d ch b nh phát sinh. Khi phát hi n có d ch b nh x y ra trên a bàn, chính quy n a ph ng ph i báo cáo nhanh lên chính quy n và c quan y t c p trên, ng th i kh n tr ng huy ng l c l ng, ph ng ti n khoanh vùng, bao vây, d p t t d ch b nh trong th i gian ng n nh t nh m h n ch lây lan ra c ng ng.

+ Ngoài s n l c t i a c a nhân dân vùng b thiên tai, các c p chính quy n t nh, huy n xã c n huy ng l c l ng b i, công an, sinh viên, thanh niên tình nguy n xu ng c s h tr dân s a ch a nhà c a, tr m y t , tr ng h c, ng giao thông b h h ng s m khô i ph c và n nh cu c s ng bình th ng cho nhân dân c ng nh vi c h c t p c a h c sinh.

+ y ban nhân dân, Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n c p t nh h ng d n và ch o y ban nhân dân c p huy n, xã ti n hành ki m tra, th ng kê, phân lo i, ánh giá nhanh m c thi t h i do bão gây ra theo bi u m u th ng nh t do T ng c c th ng kê ban hành. C n c vào m c thi t h i th c t c a a ph ng, i chi u v i chính sách h tr ng dân kh c ph c r i ro do thiên tai trên bi n quy nh t i Quy t nh s 113/2007/Q -TTg ngày 25/7/2007 c a Th t ng Chính ph và c ch chính sách h tr gi ng cây tr ng, v t nuôi, th y s n khô i ph c s n xu t vùng b thi t h i do bão quy nh t i Quy t nh s 142/Q -TTg ngày 31/12/2009 c a Th t ng Chính ph , Ch t ch y ban nhân dân t nh l p T trình ngh Th t ng chính ph xem xét, quy t nh h tr k p th i cho nhân dân.

+ Thành l p Ban ti p nh n và phân ph i hàng c u tr , vi n tr là u m i ch trì th c hi n công tác c u tr , phân ph i ti n, hàng c u tr n các a ph ng, h dân b thi t h i.

b) Trách nhi m c a ch ph ng ti n, thuy n tr ng và ng dân ho t ng trên bi n

- Ch ph ng ti n và thuy n tr ng th ng xuyên theo dõi ch t ch các b n tin c nh báo v di n bi n c a bão; ch p hành nghiêm túc n i dung công i n c a Ban ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n các c p.

- Khi có tàu thuy n b n n trên bi n trong tình hu ng g p sóng to, bão m nh không th c u c c ng i và tàu, thuy n thì thuy n tr ng c n ch n ph ng án nh s tr giúp cu tàu thuy n khác u tiên c u ng i trên tàu b n n; tàu thuy n b n n có th t ánh chìm, ghi nh t a sau bão s ti n hành tr c v t.

- Tr ng h p tàu thuy n b trôi d t ho c ch ng n trú tránh bão thu c h i

phần của nhân lực đáng giá nên thuyền trưởng phải nhanh chóng liên lạc với nhà chức trách địa phương để xin sự giúp đỡ trong thời gian lánh nạn. Mặt khác phải tìm mọi cách liên lạc với các cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở các nơi, các cơ quan chức năng của Việt Nam để giúp tiếp thị theo Quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển ban hành kèm theo Quyết định số 103/2007/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo tình hình báo cáo rõ cho chính quyền, Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn địa phương, sự hỗ trợ tàu thuyền, thuyền viên liên lạc và sống sót trên tàu thuyền còn ngoài khơi như chèo lái liên lạc.

c) Trách nhiệm của cộng đồng trên đất liền, hải đảo vùng dự báo bão sẽ đi qua

- Thông xuyên theo dõi diễn biến của bão trên các bản tin dự báo, cảnh báo.

- Chỉ đạo nghiêm túc công tác của Ủy ban nhân dân và Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn xã, phường.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp, các gia đình có nhà cửa không bỏ mặc an toàn tính mạng tài sản khai thác nghề chài lưới, kho tàng; bỏ vệ sản xuất của mình.

- Những người có tên trong danh sách cần sản phẩm chỉ đạo nghiêm túc sản xuất khẩu phần của chính quyền, của Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn phường, xã. Khi nhận được tin bão khẩn cấp, các gia đình cho con em nghỉ học.

- Khi bão sắp đổ vào bờ, không ai đi ra biển trên các chòi canh, lồng, bè nuôi trồng thủy sản; trên các tàu thuyền ở vùng ven biển.

- Khi bão đổ vào bờ, mọi người không ra khỏi nhà cửa nên tránh trú bão, nhất là vào thời điểm lồng gió (thời điểm mà bão đổ vào), tránh trú ẩn ở những nơi có nguy cơ bị tác động có thể mất mạng.

- Mọi gia đình cần nắm giữ thông tin liên lạc với công an.

- Những người mất nhà cửa cần tích cực tham gia các hoạt động cứu trợ trong vùng phòng, tránh, ứng phó với bão.

- Khi bão tan, các gia đình cần sắp xếp nhà cửa, chú ý tưới, gìn giữ, phân tích sản xuất, đồng thời có nghĩa vụ tham gia cùng công nhân khu vực hộ do bão gây ra và các công trình công ích của địa phương, làm sạch môi trường.

2.3. Phân vùng triển khai ứng phó với bão

I. Vùng 1:

Vùng I là vùng cảnh báo bão sắp đổ bộ trực tiếp hoặc có nguy cơ đổ bộ trực tiếp. Các cấp chính quyền, Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn địa phương và công nhân vùng I cần triển khai các biện pháp ứng phó **nhẹ nhàng** và **tránh** hập bão khẩn cấp.

II. Vùng 2:

Vùng II là vùng giáp ranh với vùng I. Các cấp chính quyền, Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn địa phương và công an thu cấp vùng II cần triển khai các biện pháp ưu tiên **nh quy nh i vị trí ng h p bão g n b**.

Chú ý: *Phạm vi các vùng có thể thay đổi theo hướng dẫn chuyển cấp bão từng thời điểm báo. Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn các cấp địa phương phải theo dõi sát các bản tin dự báo về hướng di chuyển cấp bão chính xác, ưu tiên hành các hoạt động phòng tránh, ưu tiên phù hợp, kịp thời.*

2.4. Phòng, tránh, ưu tiên vị trí áp thấp nhiệt đới (ATNĐ)

Các hoạt động phòng, tránh, ưu tiên vị trí áp thấp nhiệt đới, thể hiện các biện pháp từng ngành nghề ưu tiên vị trí phòng tránh bão, trong đó cần chú trọng các biện pháp đảm bảo an toàn ưu tiên vị trí tàu thuyền, người dân trên biển và nguy cơ áp thấp nhiệt đới gây ra mưa lớn trên diện rộng và gây ra lũ lụt, quét, sạt lở trên đất liền.

- **Chú ý:**

- Trong trường hợp ưu tiên hành các hoạt động ưu tiên vị trí áp thấp nhiệt đới cần có **biện pháp chú ý cảnh giác, theo dõi chặt chẽ ưu tiên vị trí áp thấp nhiệt đới hình thành gần bờ hoặc có xu hướng mạnh lên thành bão.**

- Các hoạt động phòng, chống lụt, lũ quét, sạt lở xảy ra trong và sau bão, áp thấp nhiệt đới thể hiện **ưu tiên vị trí ứng phó ngay lập tức phòng chống lụt, lũ quét, sạt lở đất.**

2.5. Mối liên hệ thông tin quan trọng liên quan đến hoạt động phòng, tránh bão cấp cao

1. Thời lượng, tần suất liên lạc giữa các tàu thuyền và các đài (Phụ lục 3- trích dẫn từ Sổ tay an toàn cho người và tàu cá, Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão và lũ)

2. Các điểm trú tránh bão (Phụ lục 4 – trích dẫn từ Sổ tay dành cho người dân).

3. Các điểm bắn pháo hoa (Phụ lục 5 – trích dẫn từ Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ).

4. Các trạng thái bất ổn trên mặt biển, thuyền (Phụ lục 6 – trích dẫn từ Sổ tay an toàn cho người dân và tàu cá; Sổ tay dành cho người dân).

5. Trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền viên theo quy định chi tiết tại Nghị định số 66/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/5/2005.

6. Các quy định về bản tin báo bão theo Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ kèm theo Quyết định số 17/2011/QĐ-TTg ngày 14/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 35/2011/TT-BTNMT ngày 31/8/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thể hiện Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ.

7. Các thông tin và Trung tâm Tìm kiếm - Cứu nạn liên quan (Theo thông báo của Ủy ban quốc gia Tìm kiếm, Cứu nạn).

8. Kỹ thuật cứu hộ, neo đậu, xử lý sự cố tàu thuyền trong bão (xem Sổ tay hướng dẫn an toàn của Bộ Thủy Sản-này là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

nhiều khi dòng chảy khu vực Đạ - Nam gần xa dòng chảy tại Đạ. Sông La (gồm 2 nhánh Ngàn Sâu và Ngàn Ph) bổ sung cho dòng chảy sông C phía dưới Nam gần khoảng 30km và địa hình nghiêng về biển. Sông La thường hình thành các sông Hiut 1,5 - 2l n. Ngập úng nghiêm trọng Ngh - Tỉnh chảy vào phải thu về biển. Nếu xảy ra về thì tình hình ngập úng càng thêm nghiêm trọng.

3.2. Các hoạt động phòng chống lũ lâu dài

Nhiệm vụ và giải pháp phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai cho vùng ngập lụt Bắc B và Bắc Trung Bộ các Chi nhánh cục gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai năm 2020 quy định: Vùng ngập lụt Bắc B và Bắc Trung Bộ thực hiện phòng, chống lũ lụt; tăng cường phòng, chống bão, hạn hán, nắng nóng.

Thực hiện phòng chống lũ lụt, cần tập trung tiến hành thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp lâu dài sau đây:

1. Tăng cường khả năng chống lũ cho hạ tầng sông, thực hiện ngập lụt các nội dung: lập quy hoạch phòng, chống lũ cho các hạ tầng sông; rà soát, điều chỉnh quy hoạch hạ tầng sông làm cơ sở cho công tác xây dựng, tu bổ, quản lý, bảo vệ đê, đập, cống và nâng cấp công trình đê, đập, cống và xây dựng khu vực ngập lụt, công nghệ hoá m t ê k t h p giao thông nông thôn.

2. Tập trung xây dựng mới các hạ tầng công nghệ n i có i u k i n; lập quy trình vận hành các hạ tầng đã xây dựng tham gia điều tiết tích trữ, điều tiết dòng chảy mùa kiệt chống hạn và chống xâm nhập mặn; trồng rừng và bảo vệ rừng vùng.



đê sông ng n l

3.. Tăng cường khả năng thoát lũ các lòng sông, bao gồm: giải phóng các vật cản bãi sông, lòng sông; n o vét lòng đ n và hoàn thiện các phần án phân l .

4. *i v i các t nh ven bi n: th c hi n ch ng trình khôi ph c và nâng c p ê bi n, tr ng cây ch n sóng và tr ng r ng phòng h ven bi n.*

3.3. Các ho t ng chu n b phòng, ch ng l hàng n m

I. Hoàn thành k ho ch tu b ê i u và k ho ch duy tu b o d ng ê i u hàng n m úng th i h n.

1. Trách nhi m c a y ban nhân dân c p t nh

- m b o cho h th ng ê i u trên à bàn t nh kh n ng ng n c m c l thi t k theo c p công trình, hàng n m y ban nhân dân t nh c n phê duy t K ho ch tu b ê i u th ng xuyên và K ho ch duy tu b o d ng ê i u.

- Phân giao nhi m v c th cho các S , ngành và y ban nhân dân c p huy n t ch c tri n khai thi công các h ng m c theo úng quy nh hi n hành c a Nhà n c v qu n lý u t xây d ng.

- u tiên áp ng và k p th i ngu n l c tài chính; quy t nh theo th m quy n các ch , chính sách liên quan n gi i phóng m t b ng; ki m tra, ôn c, gi i quy t k p th i các v n phát sinh các h ng m c công trình hoàn thành úng ti n , t yêu c u v ch t l ng, k p a công trình vào s d ng phòng, ch ng l có hi u qu .

2. Trách nhi m c a y ban nhân dân c p huy n.

- Bàn giao m t b ng thi công úng ti n các h ng m c công trình thu c à bàn huy n.

- T ch c tri n khai thi công các h ng m c công trình theo s phân giao c a y ban nhân t nh, hoàn thành úng ti n , t yêu c u v ch t l ng, k p a công trình vào s d ng phòng, ch ng l có hi u qu .

II. T ng ki m tra, ánh giá hi n tr ng công trình liên quan n an toàn phòng, ch ng l .

1. M c ích c a vi c t ng ki m tra:

Nh m phát hi n nh ng v trí, nh ng b p h n c a công trình b h h ng, xu ng c p có nguy c x y ra s c e d a n an toàn c a công trình trong mùa l , bảo có c n c xây d ng ph ng án b o v .

2. i t ng c n ki m tra: Toàn b các tuy n ê; các kè b o v ê; c ng xây d ng t i ê; p c a h ch a n c và các công trình khác liên quan n an toàn c a ê (bao g m c các công trình ang thi công).

3. Thành ph n oàn ki m tra: do Ch t ch y ban nhân dân huy n quy t nh.

4. N i dung và ph ng pháp ki m tra, tiêu chí ánh giá hi n tr ng công trình và Biên b n ki m tra:

- i v i ê, kè, c ng: th c hi n theo v n b n h ng d n c a C c Qu n lý ê i u và Phòng, ch ng l t, bão (B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn)
 - i v i các tr m b m liên quan t i an toàn c a ê, các h ch a n c: Th c hi n theo v n b n h ng d n c a Công ty qu n lý, khai thác công trình th y l i.
 - i v i các công trình c phép xây d ng trong ph m vi b o v ê: Th c hi n theo các i u ki n quy nh trong Quy t nh cho phép xây d ng c a c quan có th m quy n.
5. Th i gian hoàn thành vi c t ng ki m tra: tr c ngày 30 tháng 4 hàng n m.

III. D ki n các s c có th x y ra.

1. i v i ê, kè, c ng:

C n c vào lý l ch công trình (c c p nh t, b sung hàng n m) và Biên b n ki m tra, ánh giá hi n tr ng công trình, H t tr ng H t Qu n lý ê th ng nh t v i lãnh o Phòng Nông nghi p và Phát tri n nông thôn huy n a ra đ ki n các s c có nhi u kh n ng x y ra trong mùa l , có nguy c e d a n an toàn cho ê (đ ki n v s c c n ch r ò: v trí c th , lo i và quy mô s c , i u ki n x y ra s c).

2. i v i các tr m b m liên quan t i an toàn c a ê:

C n c vào lý l ch công trình (c c p nh t, b sung hàng n m) và Biên b n ki m tra, ánh giá hi n tr ng công trình, sau khi tham kh o ý ki n c a i đi n H t qu n lý ê và i đi n phòng Nông nghi p và Phát tri n nông thôn, i đi n ch công trình a ra đ ki n các s c có kh n ng x y ra trong mùa l và có nguy c gây nh h ng t i an toàn c a ê (đ ki n v s c c n ch r ò: v trí c th , lo i và quy mô s c , i u ki n x y ra s c).

3. i v i các công trình c phép xây d ng trong ph m vi b o v ê :

C n c Biên b n ki m tra, ánh giá hi n tr ng công trình, sau khi tham kh o ý ki n c a Ch u t , c a i đi n H t qu n lý ê và i đi n phòng Nông nghi p và Phát tri n nông thôn, i đi n ch công trình a ra đ ki n các s c có kh n ng x y ra trong mùa l , có nguy c gây nh h ng t i an toàn c a ê (đ ki n v s c c n ch r ò: v trí c th , lo i và quy mô s c , i u ki n x y ra s c).

IV. L p ph ng án k thu t x lý kh n c p các s c có th x y ra trong mùa l .

1. M c ích:

Vì c l p ph ng án nh m ch ng chu n b v t t , thi t b , l c l ng... c n thi t khi x y ra s c có i u ki n x lý nhanh chóng, hi u qu , b o m an toàn cho ê i u khu v c c n b o v .

2. Yêu cầu:

Phong án lập ra phải sát với điều kiện thực tế, ứng nguyên lý kỹ thuật, phù hợp với kinh nghiệm và điều kiện vật chất, thị trường, công nghệ, kỹ thuật hành thi công và trình độ kỹ thuật trong điều kiện thi công.

3. Nội dung chính của phương án, bao gồm:

- Giới thiệu tình hình.
- Giới thiệu pháp lý của công trình.
- Công nghệ, quy cách và khối lượng vật liệu cần dùng.
- Công nghệ, số lượng dự kiến, thị trường có thi công (bao gồm cả nhiên liệu và thi công chi tiết).
- Lựa chọn kỹ thuật, lựa chọn xung kích hiệu quả và chi phí kỹ thuật thi công.
- Hồ sơ: Công nghệ và số lượng phục vụ cho lựa chọn kỹ thuật.
- Dự trù kinh phí cho phương án.

4. Hồ sơ của phương án, bao gồm:

- Thuyết minh phương án.
- Các bản vẽ kỹ thuật.
- Các phôi tính toán.
- Trình bày nội dung lập phương án kỹ thuật có thể quy định phê duyệt.

5. Trách nhiệm lập phương án.

- *Đối với ê, kê, công:*

Hạt nhân lý giải chi phí lập phương án của Phòng Nghiên cứu và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm lập phương án kỹ thuật các số điều kiện có thể xảy ra dựa trên các nguyên tắc kỹ thuật hiện do Cục Quản lý đất đai và Phòng, chuyên gia, bảo vệ môi trường (sách do Nhà xuất bản Nông nghiệp và Lâm nghiệp 1996) sau đó trình Ủy ban nhân dân, Ban chấp hành phòng, chuyên gia, bảo vệ môi trường và tìm kiếm các nhân viên kỹ thuật và Chi cục Quản lý đất đai và Phòng, chuyên gia, bảo vệ môi trường (Sở Nghiên cứu và Phát triển nông thôn).

- *Đối với các trường hợp liên quan tới toàn cục:*

Chi công trình chịu trách nhiệm lập Phương án kỹ thuật các số điều kiện có thể xảy ra dựa theo nguyên tắc kỹ thuật các số công trình kỹ thuật, sau đó trình Công ty quản lý, khai thác công trình kỹ thuật và Chi Cục kỹ thuật.

- *Đối với các công trình cấp phép xây dựng trong phạm vi bố trí:*

Nội dung thi công chịu trách nhiệm lập Phương án kỹ thuật các số điều kiện có thể xảy ra sau khi đã tham khảo ý kiến của Hạt nhân lý giải đất đai và phòng

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sau đó trình Chính phủ và Ủy ban Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Phê duyệt Dự án

1. Trách nhiệm phê duyệt dự án

Nếu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản quy định về phân công, phân cấp phê duyệt dự án thì thực hiện theo văn bản hiện hành. Trường hợp chưa có văn bản quy định thì có thể áp dụng như sau:

- Đối với dự án xây dựng cơ sở liên quan đến an toàn môi trường và môi trường: do Chính phủ Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.
- Đối với dự án xây dựng cơ sở liên quan đến an toàn môi trường 2 huyện trở lên: do Chính phủ Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
- Trường hợp Chính phủ Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện không trực tiếp phê duyệt mà quy định cho Trường Ban Chủy phòng, công an, bảo vệ và tìm kiếm cứu nạn cùng cấp phê duyệt thì cần có văn bản quy định.

2. Loại văn bản phê duyệt dự án

Loại văn bản thích hợp nhất là Quyết định (của Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện hoặc của Ban Chủy phòng, công an, bảo vệ và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, huyện)

3. Nội dung chính của Quyết định phê duyệt dự án

Trong nội dung Quyết định phê duyệt cần nêu rõ:

- Nội dung chủ yếu của dự án phê duyệt;
- Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và cơ quan liên quan, địa phương, địa phương trong quá trình thực hiện;
- Tổng mức đầu tư phê duyệt và nguồn kinh phí thực hiện dự án.

7. Lựa chọn phương thức hiện thực dự án

Nếu quân đội cấp trên phân công thực hiện các dự án xây dựng các công trình công cộng, công trình văn hóa, tìm kiếm cứu nạn, tìm kiếm cứu nạn, bàn giao cho địa phương tác nghiệp và chỉ đạo, địa phương thực hiện Ủy ban nhân dân, Ban Chủy phòng, công an, bảo vệ và tìm kiếm cứu nạn và các lực lượng vũ trang địa phương, xã.

8. Tổ chức triển khai

a) Sơ bộ thi công triển khai:

Đối với các dự án có quy mô lớn, phức tạp, bao gồm nhiều lực lượng tham gia, có ý nghĩa đối với môi trường dân sinh, kinh tế quan trọng cần tổ chức triển khai.

b) Mục đích triển khai:

Việc tổ chức triển khai nhằm mục đích kiểm tra mức độ sẵn sàng công tác và địa phương, địa phương:

- Trình x lý thông tin c a ng i ch huy khi nh n c báo cáo xu t hi n tình hu ng gi nh;

- Kh n ng ch huy, i u hành s ph i h p ho t ng c a các l c l ng tham gia x lý s c ;

- Kh n ng huy ng l c l ng, v t t , thi t b ;

- Kh n ng tham m u x lý k thu t t i hi n tr ng;

- K n ng thi công x lý s c t i hi n tr ng.

c) Yêu c u di n t p:

Sau di n t p ph i t ch c rút kinh nghi m sâu s c v nh ng m t c, m t ch a c; ch rõ nguyên nhân và ra bi n pháp kh c ph c, b sung, hoàn thi n P h ng án theo ph ng châm “4 t i ch ” s n sàng th c hi n khi có tình hu ng th t x y ra.

d) K ch b n di n t p:

T ng t nh ph ng án ã c phê duy t.

9. Ki n toàn t ch c, ti n hành t p hu n k thu t cho các l c l ng tham gia h ê

a) Ki n toàn t ch c l c l ng h ê

- i v i l c l ng c a a ph ng: tr c ngày 30 tháng 4 hàng n m, y ban nhân dân xã ph i l a ch n, phê duy t xong danh sách các l c l ng tu n tra canh gác ê, xung kích h ê, c m c , ào mò. Nh ng ng i c phân công ph trách i v i t ng l c l ng ph i th ng xuyên theo dõi, qu n lý nh ng ng i có tên trong danh sách khi c n có th huy ng c ngay.

- i v i l c l ng t ng c ng c a t nh, huy n: Các cán b trong danh sách d phòng c a t nh, huy n s c huy ng t ng c n g tham gia h ê, ch ng l t khi có tình hu ng kh n c p c n c thông báo b ng v n b n cho UBND xã bi t có k ho ch ph i h p ho t ng.

b) T p hu n k thu t h ê

- C quan ch u trách nhi m t ch c t p hu n: Th ng tr c Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bảo và Tìm ki m c u n n c p huy n (hai n v tr c ti p th c hi n là: Phòng Nông nghi p và Phát tri n nông thôn và H t qu n lý ê).

- i t ng tham d t p hu n: l c l ng tu n tra canh gác ê (bao g m c Tr ng i m/ i tr ng); các i viên qu n lý ê nhân dân; l c l ng xung kích h ê; l c l ng c m c , ào mò...

- Tài li u t p hu n: do V n phòng Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bảo và Tìm ki m c u n n t nh cung c p. Tr ng h p không c tài li u thì H t qu n lý ê và Phòng Nông nghi p và Phát tri n nông thôn ch u trách nhi m biên so n d a theo sách K thu t th ng th c h ê (do C c Qu n lý ê i u và Phòng, ch ng lut, bảo biên

so n) và kinh nghiệm thực tiễn của địa phương. Riêng tài liệu tập huấn cho lực lượng tu n tra canh gác ê thì dựa theo nội dung trong Thông t s : 01/2009/TT-BNN ngày 06/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Giảng viên: Hội đồng quản lý ê và Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chức năng các bộ k thu t có n ngl c, trình , kinh nghiệm làm giảng viên i v i t ng chuyên c th . Trưởng học p c n thi t có th m i cán b k thu t của Văn phòng Ban Ch huy phòng, ch ngl t, bão và Tìm kiếm cứu n n t nh h tr .

- Thời gian tập huấn: do Trưởng học Ban Ch huy phòng, ch ngl t, bão và Tìm kiếm cứu n n huy t quy t nh.



L c l ng quân i làm nhiệm vụ h ê

10. Chuẩn bị các loại vật tư, thiết bị, dụng cụ hộ đê

a) Các loại vật tư, thiết bị, dụng cụ của Nhà n c

Tr c mùa lũ t, bão hàng n m, Trưởng học Ban Ch huy phòng, ch ngl t, bão và Tìm kiếm cứu n n c a t nh, huy n c n c oàn công tác chung t n hành kiểm tra t i hi n tr ng v s l ng, ch t l ng các loại vật t t , thi t b , d ng c đ tr h ê có th s đ ng c khi c n có th huy ng c ngay.

b) i v i v t t huy ng c a nhân dân

Các loại vật t t c n huy ng c a nhân dân nh : tre cây, rong rào, r m r , t d tr ... y ban nhân dân xã, ph ng c n giao ch tiêu c th cho t ng thôn. Trưởng thôn ph i giao c th cho t ng h : v ch ngl o i, s l ng và m b o ch t l ng, c t p k t úng a i m và thời gian quy nh của y ban nhân dân xã, ph ng. Tr c mùa lũ t, bão ph i c kiểm tra, ánh giá và xác nh n s l ng th c t v t t , thi t b , d ng c h ê có th huy ng và s đ ng c.

11. Chuẩn bị phòng án s tán dân nh vùng nguy hi m.

Các h dân nh c các bãi n i trong sông, bãi ven ê và trong vùng c ê b i b o v , trong ó c n chú tr ng các i t ng d b t n th ng nh : ng i già, ph n , tr em, ng i tàn t...ph i c l p danh sách y tr c mùa l . y ban nhân dân xã, ph ng ph i chu n b chu áo ph ng án s tán dân bao g m: a i m s tán v i các yêu c u t i thi u v ch , b p, i n th p sáng ho c èn đ u, n c s ch, nhà v sinh; đ ch v y t , v sinh môi tr ng; đ ch v l ng th c, th c ph m; ph ng ti n v n chuy n h tr cho dân s tán k p th i.

12. Chuẩn bị phòng án b o v tr t t tr an

Tr c mùa l t bão hàng n m, c quan công an huy n, xã c n t i n hành l p ph ng án b o v các tr ng i m xung y u; ph ng án b o v tr t t an ninh nh ng khu v c dân ph i i s tán khi l lên cao; ph ng án phân lu ng giao thông b o m yêu c u giao thông thông su t cho ho t ng c a các xe ô tô, xe chuyên đ ng tham gia c u h ê kh n c p.

13. Chuẩn bị tr c ban phòng ch ng l t, bão hàng n m

a) Trong su t mùa l , bão hàng n m, Ban Ch o phòng, ch ng l t, bão Trung ng, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n các B , ngành, a ph ng ph i t ch c tr c ban 24/24h hàng ngày theo úng quy nh hi n hành c a pháp lu t.

b) Vi c chu n b trang thi t b , ph ng ti n, phân công, b trí l c l ng tr c ban ph i hoàn t t tr c ngày b t u tr c.

c) Cán b c phân công tham gia tr c ban ph i thành th o nghi p v , hi u rõ Quy ch t c ban và có tinh th n trách nhi m cao.

d) n m b t và x lý k p th i, hi u qu các tình hu ng thiên tai, m i ho t ng c a m i ca, kíp tr c

ph i tuân th nghiêm ng t Quy ch tr c ban do c p có th m quy n quy nh.

3.4. Các ho t ng ng phó v i l kh n c p

I. Khi l trên sông t m c báo ng c p I n c p II

1. Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n các c p tri n khai tr c ban theo úng Quy ch hi n hành.

2. Các h gia ình nh c bãi n i trên sông ho c bãi sông ngoài ê chính , c n:

- Theo dõi sát tin đ báo và di n bi n th c t v m a, l ;

- Khi thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm nuôi trồng thủy sản trước khi bán phải;

3. Lực lượng tuần tra canh gác và lực lượng quần lý nhân dân tiến hành tuần tra liên tục 24/24 giờ theo quy định của pháp luật, canh gác bove (tiêu Thông số 01/2009/TT-BNN) nhằm phát hiện và báo cáo kịp thời diễn biến, hành vi của kẻ, kẻ, kẻ cho Trưởng/Chỉ huy hoặc cán bộ kỹ thuật quần lý chuyên trách thu cấp.

4. Khi nhận được thông tin về diễn biến, hành vi của kẻ, kẻ, kẻ, Trưởng/Chỉ huy, cán bộ kỹ thuật quần lý phải trực tiếp ngay hiện trường kiểm tra hiện trường công trình và cấp báo cáo trên trực tiếp ang chuytina bản có biên pháp xử lý kịp thời. Đồng thời, Trưởng/Chỉ huy cho các biên báo vị trí xảy ra sự cố và các tình huống trực tiếp theo dõi liên tục diễn biến tình hình. Khi thấy có diễn biến bất thường thì lập tức lập theo dõi, ngay lập tức tìm kiếm cách báo tin nhanh nhất cho Trưởng/Chỉ huy, cán bộ kỹ thuật quần lý trực tiếp theo dõi khu vực xử lý theo trách nhiệm giao.

5. Khi nhận được báo cáo của Trưởng/Chỉ huy hoặc các cán bộ kỹ thuật quần lý về diễn biến, hành vi của kẻ, kẻ, kẻ, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã, phòng hoặc Công trình chỉ huy phòng, chống lụt, bão tại hiện trường (chức danh do Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện chỉ định) cần phải:

- Ngay hiện trường kiểm tra; ra lệnh huy động tất cả, phòng tin cậy địa phương và các Trung tâm hiện có trên địa bàn, lực lượng xung kích địa phương, phòng và cán bộ kỹ thuật quần lý, cán bộ kỹ thuật cao cấp, huy động các ngành làm nhiệm vụ hiện trường tiến hành xử lý ngay tại chỗ theo phương án đã chuẩn bị trước (có thể ưu tiên, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế) ngay khi nhận được thông tin phát triển xu hướng;

- Tìm kiếm cách liên lạc và báo cáo nhanh nhất lên Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện (và Trưởng hoặc Chỉ huy tuyến cấp tỉnh, huyện phân công phụ trách công tác phòng, chống lụt, bão trên địa bàn) về tình hình sự cố, công việc xử lý hiện trường và xin ý kiến chỉ đạo;

- Khi sự cố tiếp tục phát triển xu hướng có nguy cơ vượt quá khả năng xử lý của lực lượng tiến hành chỉ huy hiện trường phải cấp báo lên huyện xin chỉ đạo cấp. Trưởng hoặc Chỉ huy, nếu thấy tình hình quá nguy cấp thì ngoài việc báo cáo Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, có thể ngay lập tức báo cáo trực tiếp lên Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh có quy định sách kịp thời.

II. Khi l trên sông t m c báo ng c p III, v t m c báo ng c p III và còn ti p t c lên nh ng ch a v t quá m c n c thi t k ê.

Các ho t ng ng phó kh n c p c n ti n hành:

1. Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bảo và Tìm ki m c u n n các c p ti p t c tri n khai tr c ban theo úng Quy ch hi n hành.

2. Th c hi n ph ng án s tán dân kh i các vùng b ng p l t các bãi n i trong lòng sông, bãi ven ê và trong vùng c b o v b i ê b i:

a) y ban nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bảo và tìm ki m c u n n xã, ph ng c n:

- T ch c th c hi n s tán dân theo Ph ng án ã chu n b .

- T ng c ng ki m tra, ôn c th c hi n Ph ng án b o v tr t t , tr an khu v c dân ã i s tán.

- B trí l c l ng ng tr c t i các b n ò ngang, ò d c ki m tra giám sát vi c th c hi n l nh c a huy n xã v vi c b o m an tòa cho ng i và ph ng ti n.

- B trí l c l ng ng tr c t i các ng m giao thông, các o n ng b ng p giám sát và h ng d n ng i, ph ng ti n qua l i c an toàn.

- C m ng i dân v t c i trên sông.

b) Các h gia ình các khu v c th p tr ng:

- Ch ng kê kích, chuy n c t c c n thi t lên cao;

- Nhanh chóng s tán n n i an toàn h n t i các gia ình h hàng, làng xóm, ng i quen bi t.

- Nh ng h gia ình không có i u ki n t s tán thì chu n b s n sàng i s tán theo Ph ng án c a xã.

3. Th c hi n các ph ng án x lý kh n c p nh m c u h ê i u t i nh ng v trí ang x y ra s c l n.

a) m b o an toàn cho ê:

- Ch t ch y ban nhân dân huy n c n quy t nh t m th i c m các lo i xe ô tô, xe bánh xích i trên tuy n ê ang x y ra s c , tr xe làm nhi m v h ê.

- n v c nh sát giao thông c a huy n th c hi n c m bi n c m theo úng m u quy nh c a Lu t giao thông ng b .

- L c l ng c nh sát giao thông c a huy n ph i h p v i l c l ng tu n tra canh gác ê giám sát th c hi n l nh c m nói trên và x lý nghiêm i v i các tr ng h p c ý vi ph m.

th quá nguy ng p, ngoài vi c báo cáo huy n, có th báo cáo v t c p t i Th ng tr c Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n t nh c p t nh có quy t sách k p th i.

- Khi nh n c tin c p báo v s c ê i u nghiêm tr ng x y ra trên a bàn, Tr ng Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n huy n, qu n ph i:
 - + ình hoãn các cu c h p ch a c n thi t;
 - + Báo cáo kh n c p lên Th ng tr c Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n t nh xin ý ki n ch o;
 - + L p t c n hi n tr ng ki m tra và tr c ti p ch huy, i u hành vi c x lý kh n c p theo th m quy n và trách nhi m ã c pháp lu t quy nh;
 - + Ra l nh kh n c p huy ng l c l ng, v t t , thi t b chi vi n k p th i và tr c ti p ch huy vi c c u h ê i u liên t c 24/24h cho n khi x lý thành công s c ;
 - + Trong quá trình ch huy x lý s c , n u th y vi c ng n ch n s c kém hi u qu , có nguy c v t quá kh n ng x lý c a l c l ng t i ch thì Tr ng Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n huy n ho c ng i c Tr ng Ban y quy n ph i c p báo lên Th ng tr c Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n t nh xin chi vi n g p.

- Khi l c l ng chi vi n nh n c l nh huy ng c a y ban nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n c a huy n ho c c a t nh ph i c ng nhanh nh t t i hi n tr ng th c hi n k p th i nh i m v c u h ê i u.

- Khi n hi n tr ng, ng i ch huy c a l c l ng chi vi n ph i h i ý nhanh v i ng i ch huy cao nh t và cán b k thu t ang có m t t i hi n tr ng kh n tr ng phân tích, ánh giá tình hình, quy t nh ph ng án và t ch c th c hi n ngay vi c x lý kh n c p phù h p v i tình hình th c t nh m ch n ng b ng c nguy c x y ra th m h a v ê.

- Trong ch o ng phó các tình hu ng thiên tai ph i m b o nguyên t c ch huy th ng nh t, phân công c th , ch ng, k p th i và phù h p v i i u ki n th c t .

- Khi có nhi u l c l ng cùng tham gia ng phó v i tình hu ng thiên tai trên m t a bàn, Tr ng Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n cao nh t c a a ph ng ang có m t t i hi n tr ng ho c ng i c Tr ng Ban u quy n là ng i tr c ti p i u hành t t c các l c l ng c u h ê (quy nh t i kho n 1, kho n 2, i u 13 Ngh nh s 14/2010/N -CP ngày 27 tháng 2 n m 2010 c a Chính ph).

4. V n hành, tri n khai x lý kh n c p và b o v công trình h ch a n c

a) Trong su t mùa m a, bão hàng n m, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n c p t nh, huy n c n ch o các Ban qu n lý h ch a thu c a bàn có trách nhi m v n hành công trình theo úng Quy trình ã c c p có th m quy n phê duy t.

b) Trong quá trình v n hành, Ban qu n lý h c n:

- Theo dõi sát đ ể báo c a c quan khí t ể, th y v n và tình hình m a, l th c t trên l u v c;

- Ch p hành nghiêm vi c duy trì dung tích tham gia c t l c a h theo h s thi t k công trình c ng nh quy nh trong quy trình v n hành công trình tránh vi c x l t ng t trong khi vùng h l u p ang b ng p l t;

- Ch ng huy ng v t t , ph ng ti n, l c l ng x lý k p th i các s c theo ph ng án ã chu n b tr c, m b o an toàn cho p c a h ch a.

- Khi l c l ng t i hi n tr ng không kh n ng x lý s c , Ban qu n lý h ph i c p báo ngay và ngh Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n t nh, huy n i u ng l c l ng quân i n chi vi n g p, ng th i ph i báo cáo nhanh cho chính quy n vùng h l u p k p tri n khai ph ng án s tán ng i và tài s n vùng h l u n n i an toàn.

- Khi nh n c báo cáo v tình tr ng nguy hi m ang e d a an toàn h ch a, Ch t ch y ban nhân dân huy n ho c Tr ng Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n c a huy n (sau khi h i ý nhanh qua i n tho i v i ng i ch huy cao nh t ang tr c t i p ch huy c u h p c a h ch a) có th ra l nh s tán kh n c p ng i và tài s n vùng h l u p theo ph ng án ã chu n b tr c.

- M i t ch c, cá nhân c phân công th c hi n ph ng án ph i hoàn thành vi c s tán dân n n i an toàn tr c th i h n quy nh.

III. Khi x y ra l l n v t quá m c n c thi t k ê

ây là tình hu ng c c ký nguy hi m, các ho t ng ng phó kh n c p c n t p trung cao vào vi c c u h ê i u:

1. Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n các c p t i p t c tri n khai tr c ban nghiêm ng t 24/24 gi theo úng Quy ch hi n hành, ng th i c n huy ng b sung m t s chuyên gia giàu kinh nghi m và t ng c ng cán b lãnh o tham gia tr c ban.

2. Ch t ch y ban nhân dân ho c Tr ng Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n các c p c n c m c nghiêm tr ng c a l l n, ban hành l nh huy ng t i a các l c l ng có th huy ng c c u h , b o v ê i u, bao g m:

- L c l ng xung kích h ê c a các xã ven ê;

- Dân quân, t v ;

- Cán b , công nhân, viên ch c nhà n c c ng nh c a các doanh nghi p;

- Sinh viên các tr ng i h c, cao ng, trung h c chuyên nghi p;

- B i, công an, v.v... trong ó l c l ng quân i là nòng c t.

3. Ngoài vi c huy ng v t t , thi t b d tr phòng, ch ng l t, bão chuyên dùng, Ch t ch y ban nhân dân, Tr ng Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m

c u n n các c p c n ra l nh huy ng, tr ng d ng v t li u, v t t , thi t b c a b t k t ch c, cá nhân nào theo quy nh c a pháp lu t nh m áp ng k p th i vi c c u h kh n c p ê i u.

4. ình hoãn các cu c h p ch a c n thi t; h u h t cán b ch ch t và cán b khoa h c, k thu t c a các c p, các ngành, các doanh nghi p qu c doanh và ngoài qu c doanh ph i c huy ng lên ê t ng c ng ki m tra, ôn c và tr c ti p tham gia vi c c u h ê i u.

5. Khi toàn tuy n ê b l l n uy hi p nghiêm tr ng, s c x y ra ngày m t nhi u, Ch t ch y ban nhân dân t nh c n ra l nh cho Ch t ch y ban nhân dân các huy n, xã, ph ng ven ê ph i kh n tr ng huy ng b sung thêm ng i, d ng c , ph ng ti n, òn, u c, máy phát i n... cho các i m canh ê nh m áp ng yêu c u tu n tra nghiêm ng t trên t ng mét ê su t 24/24 gi , phát hi n và x lý k p th i m i s s ngay t gi u.

6. T i nh ng v trí x y ra s c nghiêm tr ng mà cách xa i m canh ê, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bảo và tìm ki m c u n n xã ph i cho l p thêm i m canh t m th i l c l ng tu n tra, canh gác ê có ch trú chân, thay nhau tu n tra liên t c 24/24 gi .

7. Các n v quân i c huy ng n c u h ê c n ph i h p ch t ch v i l c l ng xung kích h ê c a a ph ng c ng nh các l c l ng t ng c ng khác t p trung cao vào vi c c u h và b o v b ng c các tr ng i m, xung y u ã c phân công, không k ngày êm, b t ch p m i i u ki n th i t i t.

8. Khi x y ra s c b t ng c a ê, kè, c ng ngoài d ki n, ng i ch huy phòng, ch ng l t, bảo có m t t i hi n tr ng ph i l p t c i u ng v t t , thi t b (c a nhà n c c ng nh c a b t k t ch c, cá nhân nào), m i l c l ng có th huy ng c (bao g m c cán b k thu t) n i g n nh t, c ng nhanh t i hi n tr ng ti n hành x lý k thu t ngay t gi u ng n ch n không cho s c phát tri n x u thêm. ng th i, c p báo v i Th ng tr c Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bảo và tìm ki m c u n n c p trên xin chi vi n k p th i.

9. Khi l c l ng chi vi n nh n c l nh huy ng ph i c ng nhanh nh t t i hi n tr ng cùng v i trang thi t b , d ng c chuyên dùng c n thi t.

10. Khi n hi n tr ng n i v a x y ra s c b t ng , ng i ch huy ph i kh n tr ng phân tích, ánh giá tình hình, quy t nh ph ng án, ph i h p ch t ch v i l c l ng h ê t i ch tri n khai th c hi n ngay ph ng án ng phó kh n c p phù h p v i tình hình th c t nh m ch n ng b ng c nguy c x y ra th m h a.

11. Tr ng Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bảo và Tìm ki m c u n n c a t nh ra l nh và ch o Ban ch huy Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bảo và Tìm ki m c u n n c a huy n, xã chu n b m i m t, s n sàng i l nh tri n khai th c hi n ph ng án s tán dân ra kh i vùng nguy hi m n n i an toàn.

12. Trong suốt thời gian có lũ lụt, các Trung tâm đ. báo Khí tượng-Thủy văn của Trung ương và địa phương phải đ. báo chính xác, cung cấp thông tin kịp thời theo đúng Quy chế cho Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương và các cơ quan địa phương khác của Trung ương và địa phương các cơ quan trên có chức năng và nhiệm vụ quy định sách kịp thời.

13. Trong suốt thời kỳ xảy ra lũ lụt, ngành Thông tin-Truyền thông phải triển khai các phương án báo động thông tin thông suốt 24/24 giờ để kịp thời thông tin 2 chiều trong chiến trường, chỉ huy ứng phó khẩn cấp.

14. Ngành Giao thông - Vận tải và Logistics cần sát giao thông phải phân luồng giao thông đường bộ, áp dụng biện pháp cấm đi, giới hạn nhanh nhẹn tạm thời, báo động thông suốt cho các phương tiện giao thông tham gia cứu hộ cứu nạn khẩn cấp.

15. Các cơ quan thông tin tức chúng ta Trung ương và địa phương cần thông tin kịp thời, chính xác tình hình thiên tai, các quy định sách, các mệnh lệnh của Trung ương và địa phương, kết quả ứng phó khẩn cấp cũng như những thách thức đang gặp phải trên từng các vùng các cấp, các ngành và cũng cần ghi rõ tình hình, nâng cao ý thức trách nhiệm và sẵn sàng tham gia các hoạt động cứu nạn cứu hộ, góp phần tạo nên sự mệnh lệnh hợp tác để thành công chính trị mệnh lệnh thiên tai, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước, giữ vững nền nếp xã hội.

3.5. Các hoạt động phòng chống

1. Ngay sau khi t. cao và rút (nhận mùa mưa, lũ vẫn còn tiếp diễn), các lực lượng tham gia h. cứu trợ phải tranh thủ gia cố thêm những vị trí yếu, kè, cũng như h. h. và các x. lý khẩn cấp theo phương án của Ủy ban kết thúc của Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn, huy động nhân lực và nâng cao mức báo động an toàn chống lụt của công trình trong những t. mưa, lũ tiếp theo.

2. Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã, huyện phải huy động lực lượng địa phương tổ chức hành quân ngay những nơi dễ bị lũ; áp dụng biện pháp tiêu thoát nước nhanh nhân dân cần tản s. trú về nơi an toàn, chuồng trại, trường học, bệnh xá, ngành giao thông, phòng chống s. xuất, vệ sinh môi trường, n. nếp sống.

Chương 4 PHÒNG, TRÁNH LỤA VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG VÀ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

4.1. Đặc điểm chung của lũ

Mùa lũ của các sông từ Quảng Bình đến Bình Thuận thuộc vùng duyên hải Miền Trung và Miền Đông Nam Bộ thường diễn ra từ tháng 9 đến tháng 12. Các sông vùng này có đặc điểm lũ lên nhanh, xuống nhanh, biên độ dao động lớn. Hệ thống kênh rạch sông chằng chịt. Nước lũ không chỉ chảy trong dòng chính mà còn chảy tràn qua ruộng đồng, do đó, phải chú ý phòng tránh, ứng phó và giảm thiểu thiệt hại ở vùng ruộng đồng ven biển Miền Trung và Miền Đông Nam Bộ là **“né tránh và thích nghi”**. Vì vậy, các hoạt động chủ yếu phòng, tránh và thích nghi với lũ có một số đặc điểm riêng.



Ảnh minh họa: Ngập lụt do lũ Miền Trung

4.2. Các gi i pháp phòng, tránh l lâu dài

Ph ng ch m phòng tránh l và gi m nh thiên tai cho vùng ng b ng ven bi n Mi n Trung và Mi n ông Nam B là "*né tránh và thích nghi*".

Các gi i pháp phòng tránh và gi m nh thiên tai c b n, lâu dài bao g m:

1. Quy ho ch phát tri n kinh t -xã h i c ng nh quy ho ch chuyên ngành ph i quán tri t ph ng ch m "*né tránh và thích nghi*" m b o phát tri n b n v ng

- i v i các lo i quy ho ch m i, nh : quy ho ch s d ng t, quy ho ch khu dân c , quy ho ch các khu công nghi p, khu du l ch; quy ho ch xây d ng c s h t ng c a t t c các ngành, nh t là giao thông, th y l i, th y i n ...nh t thi t ph i quán tri t ph ng ch m "*né tránh và thích nghi*" v i thiên tai, ng th i c n c bi t chú tr ng m b o yêu c u thoát l nhanh, tránh gây thêm tình tr ng ng p l t n ng n cho các t nh chuyên h i Mi n Trung.

- i v i các quy ho ch ã có, ph i rà soát, i u ch nh, b sung và l ng ghép các gi i pháp "*né tránh và thích nghi*" v i c i m thiên tai c a khu v c m b o yêu c u phát tri n b n v ng lâu dài.

2. Th c hi n ng b các gi i pháp ng n l , ng n m n, i u ti t ngu n n c, bao g m:

- Th c hi n ch ng trình c ng c h th ng công trình ê i u;
- T n d ng và b o t n các c n cát t nhiên ng n n c sông, n c bi n, ng n m n;
- Xây d ng m i, c i t o nâng c p các h ch a, các công trình th y l i áp ng yêu c u ch ng h n, ch ng úng, gi m l và m b o công trình an toàn v i m a, l ;
- X lý s t l b sông, b bi n;
- N o vét lu ng l ch, b o m thoát l nhanh;
- Xây d ng các khu neo u, tránh trú bão cho tàu thuy n;
- Nâng c p và phát tri n các tr m thông tin ven bi n ph c v c nh báo bão, n c bi n dâng, ng t, sóng th n.
- Trong s n xu t nông nghi p ph i ch ng chuy n i mùa, v , gi ng cây tr ng, v t nuôi phù h p v i yêu c u "*né tránh, thích nghi*" v i thiên tai và t n d ng có hi u qu i u ki n t nhiên trên t li n, trên bi n.

3. Nâng cao nh n th c c ng ng

Th ng xuyên tuyên truy n, v n ng, nâng cao nh n th c và k n ng thích nghi, ch ng ng phó v i thiên tai c a m i ng i dân và c ng ng.

4. Th c hi n qu n lý thiên tai d a vào c ng ng

Xây d ng c ng ng an toàn trong môi tr ng thiên tai d a trên n n t ng qu n lý r i ro thiên tai d a vào c ng ng c n c l ng ghép hài hòa v i ch ng trình xây

d ợng nông thôn m i.

5. Nâng cao năng lực, c ố gắng

Nâng cao năng lực, c ố gắng cho các l ợng chuyên trách, bán chuyên trách và năng lực c ố gắng, c ố gắng các ngành, trong ó c ố gắng xác nh vai trò t c ố gắng, c ố gắng các ngành là quan trọng nh t, k p th i nh t và hi u qu nh t.

6. Hoàn thiện th ết, chính sách

Không ngừng hoàn thiện các chính sách, ch ết khuyến khích ng ười dân ch ết tham gia phòng ng ừa, ng ừa phó và gi ết m nh thiên tai.

4.3. Các gi ết pháp chủ ết phòng, tránh l ợng n ợng

I. Hoàn thành k ết hoạch tu ết ết i u th ết ng xuyên và k ết hoạch duy tu ết b ợng ết i u hàng n ợng ết th ết h n.

1. Trách nhiệm c ố gắng ban nhân dân c ố gắng p t nh

- m b ợng cho h ết th ết ết i u trên ết bàn t nh ết kh ết n ợng ng ết c m c l ết thi t k ết theo c ố gắng công trình, hàng n ợng ết ban nhân dân t nh c ố gắng phê duy t K ết hoạch tu ết b ợng ết i u th ết ng xuyên và K ết hoạch duy tu ết b ợng ết i u.

- Phân giao nhiệm vụ c ố gắng cho các S ết, ngành và ết ban nhân dân c ố gắng huy n t ết ch ết trị n khai thi công các h ết ng m c theo ết quy nh ết hi n hành c ết Nhà n ợng c v ết qu n lý ết u t xây d ợng.

- ưu tiên áp ng ết và k p th i ngu n l ợng tài chính; quy t ết nh theo th m quy n các ch ết, chính sách liên quan ết gi ết i phóng m t b ng; ki m tra, ôn ết c, gi ết i quy t k p th i các v n ết phát sinh ết các h ết ng m c công trình hoàn thành ết ng t i n ết, t ết yêu c u v ết ch t l ợng, k p ết a công trình vào s ết d ợng phòng, ch ết ng l ợng có hi u qu ết.

2. Trách nhiệm c ố gắng ban nhân dân c ố gắng huy n.

- Bàn giao m t b ng thi công ết ng t i n ết các h ết ng m c công trình thu c ết ết bàn huy n.

- T ết ch ết trị n khai thi công các h ết ng m c công trình theo s ết phân giao c ết ết ban nhân t nh, hoàn thành ết ng t i n ết, t ết yêu c u v ết ch t l ợng, k p ết a công trình vào s ết d ợng phòng, ch ết ng l ợng có hi u qu ết.

II. T ết ng ki m tra, ết nh giá hi n t ết ng các công trình c ết s h t ng

1. ết i v ết i các t ết ng ết n ợng n l ợng u v ết, ng n m n

Tr ết c mùa l ợng, bão hàng n ợng, ết ban nhân dân, Ban Ch ết huy phòng, ch ết ng l ợng t, bão và Tìm ki m c ố gắng n c p c p t nh ch ết o, ôn ết c ết ban nhân dân, Ban Ch ết huy phòng, ch ết ng l ợng t, bão và Tìm ki m c ố gắng n c p huy n, xã t i n hành t ết ng ki m tra, phát hi n và t ết ch c tu ết b k p th i nh ng b ết ph n ết ê, c ết ng b h ết h ng theo h ết ng

đ n c a S Nông nghi p và Phát tri n nông thôn b o m m c tiêu v a ng n m n, ng th i ng n c l s m, b o v an toàn lúa và hoa màu cho n khi c thu ho ch. Ngoài ra còn ph i chu n b ph ng án x lý kh n c p c u h ê i u nh ng n i xung y u nh m b o v an toàn ê cho t i khi thu ho ch xong các s n ph m nông nghi p trong vùng c ê b o v .

2. i v i các công trình c s h t ng

Các công trình c s h t ng (nh giao thông, th y l i, i n l c, công s , tr ng h c, b nh vi n, tr m y t , nhà máy, xí nghi p, kho tàng ...) hi n có ho c ang thi công c a các c p, các ngành, các doanh nghi p... nh ng vùng có nguy c b ng p l t ho c s t l trong mùa l u c n ph i ki m tra, ánh giá hi n tr ng công trình, d ki n tình hu ng do l , l t gây ra, chu n b ph ng án x lý kh n c p, b o v an toàn cho công trình trong su t mùa m a l . Công trình c a ngành nào, c p nào do ngành, c p ó t ch c ki m tra, ánh giá và chu n b ph ng án x lý kh n c p.

III. Chu n b ph ng án s tán dân nh ng vùng th p tr ng có nguy c b ng p l t sâu ho c b s t l t

Nh ng vùng th p tr ng có nguy c b ng p l t sâu ho c b s t l t thu c di n ph i s tán t m th i khi có l cao, nh t là các i t ng d b t n th ng (ng i già, ph n có thai, tr em, ng i tàn t t), các Tr ng thôn, Tr ng b n ph i th ng kê, l p danh sách y các i t ng này tr c mùa l . y ban nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n xã ph i chu n b chu áo ph ng án s tán dân, bao g m: a i m s tán v i các yêu c u t i thi u v ch , b p, i n th p sáng ho c èn d u, n c s ch, nhà v sinh; d ch v y t , v sinh môi tr ng; d ch v l ng th c, th c ph m; ph ng tí n v n chuy n h tr cho dân s tán k p th i.

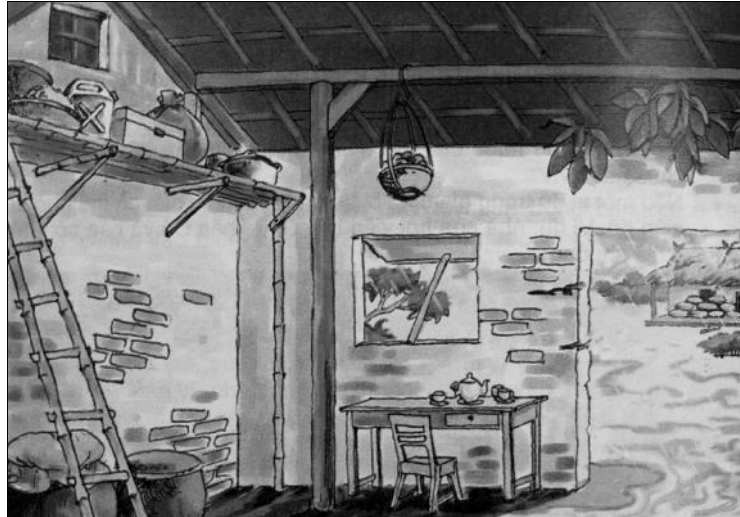
IV. Chu n b phòng, tránh ng p l t c a c ng ng

Các h gia ình nh ng vùng có nguy c b ng p l t sâu trong mùa l ph i ch ng chu n b :

1. D tr l ng th c, th c ph m, thu c ch a b nh, n c s ch và nh ng nhu y u ph m khác ùng ít nh t trong 10 ngày.

2. Tr c khi l chính v x y ra, ph i ch ng kê kích, chuy n c t các tài s n c n thi t lên cao h n m c l l ch s ã t ng x y ra trong khu v c. ng th i, các h c n ch ng chu n bi ghe, thuy n ho c bè m ng s n sàng th c hi n l nh s tán ho c tham gia c u h , c u n n cho c ng ng khi có l l n gây ng p l t sâu.

3. S n sàng th c hi n l nh s tán kh n c p c a chính quy n a ph ng.



nh minh h a: D tr l ng th c, th c ph m;
kê kích v t d ng lên cao phòng ng p l t

V. Chu n b s n sàng các ph ng tí n c u h , c u n n

Các ph ng tí n c u h , c u n n c a t nh, huy n, xã ph i c chu n b chu áo: v s l ng, ch ng lo i; m b o v ch t l ng và phù h p v i i u ki n hi n tr ng. L c l ng c u h , c u n n ph i c t p hu n và di n t p thành th c. Các n v quân i, công an c phân công b o v an toàn các tr ng i m xung y u và tham gia c u h , c u n n ph i n m ch c ph ng án, tìm hi u k a hình, có k ho ch ph i h p ch t ch v i chính quy n, v i Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n và các l c l ng c u h , c u n n bán chuyên trách c a a ph ng.

VI. T ch c t p hu n v công tác phòng, ch ng l l t

Các cán b lãnh o ch ch t và các cán b khác c a t nh, huy n c phân công tham gia ch ng l t các tr ng i m c n c t p hu n ng nh n m t s nghi p v c n thi t phù h p v i nhi m v c giao. Vi c t ch c t p hu n hàng n m th c hi n theo K ho ch và s ch o c a BCHPCLB&TKCN t nh, huy n.

VII. Chu n b c s thu c d phòng ch ng l t, bão

Trung tâm y t d phòng c a huy n c n chu n b c s thu c d phòng ch ng l t, bão hàng n m và chuy n giao xu ng tuy n xã tr c mùa l , bão. Vi c giao nh n, qu n lý, s d ng thu c d phòng ph i th c hi n theo úng h ng đ n c a B Y t .

VIII. Chu n b tr c ban phòng, ch ng l t, bão hàng n m

1. Hàng n m, trong su t mùa l , Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n các c p ph i t ch c tr c ban 24/24h hàng ngày theo quy nh hi n hành c a pháp lu t.

2. Vi c chu n b trang thi t b , ph ng tí n; phân công, b trí l c l ng tr c ban phòng ch ng l t, bão ph i hoàn t t tr c ngày b t u th c hi n tr c ban.

3. Cán bộ công nhân viên chức tham gia trực ban phải thành thạo nghiệp vụ, hiểu rõ Quy chế trực ban và có tinh thần trách nhiệm cao trong khi thi hành nhiệm vụ.

4. Nhiệm vụ và xử lý kịp thời, hiểu được các tình huống thiên tai, mối nguy hiểm của mìn, khí, khí độc, kịp thời tuân thủ nghiêm ngặt Quy chế trực ban do cấp có thẩm quyền quy định.

4.4. Các hoạt động nghiệp vụ hàng năm

I. Nghiệp vụ theo cấp báo động

Khi có tin đ. báo đ. (t. cấp I đến cấp III) của Trung tâm đ. báo Khí tượng-Thủy văn Trung ương, của Đài Khí tượng-Thủy văn khu vực hoặc Đài Khí tượng-Thủy văn của tỉnh, xin hỏi quy định các cấp và công việc của nhân viên khai các hoạt động sau:

1. Trách nhiệm của chính quyền, BCHPCLB & TKCN các cấp là:

- Chịu trách nhiệm và tổ chức trực ban theo quy định; theo dõi sát diễn biến của mìn, lũ và tình hình công trình; bố trí lãnh đạo chỉ huy trực xử lý các tình huống.
- Chịu trách nhiệm về thu hoạch sản phẩm lúa, hoa màu và các sản phẩm thủy sản, h. s. n. nh. ng. khu vực bị ảnh hưởng trực tiếp của lũ theo cảnh báo của quan Khí tượng-Thủy văn.
- Chịu trách nhiệm đ. tr. l. ng. th. c, th. c. ph. m, thu. c. men và các nhu. y. u. ph. m khác, nh. t. là. i. v. i. nh. ng. vùng. đ. b. chia. c. t. t. ng. ng. m. c. báo. ng. l. ã. c. nh. báo.
- Kiểm tra trực tiếp mức độ sẵn sàng về mìn mìn của các ph. ng. án. b. o. v. các. tr. ng. i. m, xung. y. u. (bao. g. m. ph. ng. án. ch. ng. l. c. a. các. công. trình. ang. thi. công); ph. ng. án. s. tán. dân. các. khu. v. c. th. p. tr. ng.; ph. ng. án. c. u. h., c. u. n. n. nh. ng. vùng. th. ng. b. ng. p. sâu.
- Khi có l. t. báo. đ. ng. II. n. báo. đ. ng. III, t. ng. c. ng. cán. b. c. a. t. nh., huy. n. xu. ng. các. vùng. tr. ng. i. m. v. ch. ng. l. h. tr. chính. quy. n. và. BCHPCLB & TKCN. c. s. xử. lý. các. tình. hu. ng.
- C. m. các. ò. ngang, ò. đ. c. ho. t. ng. khi. l. lên. m. c. báo. đ. ng. II. tr. lên. và. b. trí. l. c. l. ng. ng. tr. c. t. i. các. b. n. ò. ki. m. tra. v. i. c. th. c. hi. n. l. nh.
- C. m. b. i. n. báo, b. trí. l. c. l. ng. ng. tr. c. c. m. ng. i, ph. ng. ti. n. qua. l. i. nh. ng. o. n. ng. b. ng. p. sâu, n. i. có. dòng. ch. y. xi. t.
- C. m. ng. i. dân. v. t. c. i. trên. sông.
- Chịu trách nhiệm phát thanh và Truy n hình, h. th. ng. truy. n. thanh. a. ph. ng. a. tin. k. p. th. i. v. m. a, l, l. t. và. công. tác. ch. o. ng. phó.

2. Trách nhiệm của công nhân viên chức

- Theo dõi thông tin mìn, lũ, l. t. và. s. ch. o. c. a. chính. quy. n. qua. ò. phát. thanh, truy. n. hình. và. h. th. ng. truy. n. thanh. xã, ph. ng.
- S. n. sàng. óng. góp. v. t. t., ph. ng. ti. n. c. chu. n. b. t. i. ch. theo. s. phân. công.

c a chính quy n khi có yêu c u.

- D tr l ng th c, th c ph m, thu c men và các nhu y u ph m khác.
- Thu ho ch s m lúa, hoa màu và các s n ph m thu , h i s n.
- Ki m tra thi t b i n trong nhà, đi d i các hoá ch t, thu c tr sâu ra kh i n i có nguy c b ng p; chuy n các c lên cao h n m c n c ng pl t ã c c nh báo.
- Ch ng s tán vùng b ng p sâu và ch p hành ch o s tán c a chính quy n a ph ng.
- Ch ng d ng ho t ng trên sông khi th y không an toàn , c bi t là các ho t ng c a các b n ò ngang, ò d c.
- Báo cáo ngay v i chính quy n a ph ng khi phát hi n th y các s c do l , l t gây ra.
- Tham gia và ch p hành s ch o c a chính quy n trong vi c huy ng nhân l c, v t t , ph ng ti n c u h , c u n n.
- Không v t c i trên sông; không i qua các khu v c n c l ch y xi t.
- Ch ng cho con em ngh h c khi th y có l cao, ng b ng p sâu.

II. ng phó v i tình hu ng x y ra l kh n c p

Khi có tin d báo c a Trung tâm d báo Khí t ng, Th y v n Trung ng, c a ài Khí t ng Th y v n khu v c ho c ài Khí t ng, Th y v n c a t nh v nguy c s p x y ra l kh n c p, c n tri n khai các bi n pháp ng phó sau:

1. Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n c p huy n quy t nh và ch o th c hi n ph ng án s tán dân nh ng vùng có nguy c b ng pl t sâu t i n i an toàn, trong ó c bi t chú ý u tiên các i t ng d b t n th ng. ng th i, chính quy n c p huy n và c p xã c n n l c áp ng c các i u ki n t i thi u v : ch , l ng th c, th c ph m, n c s ch, thu c men, d ch v y t , v sinh, môi tr ng và tr t t , tr an cho nhân dân n i s tán.
2. y ban nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n c p t nh ch o, ôn c các a ph ng thu ho ch s m các s n ph m nông nghi p, s n ph m th y, h i s n h n ch thi t h i.
3. y ban nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n c p huy n ban hành l nh c m các ò ngang, ò d c ho t ng trên sông và ch o tri n khai l c l ng thanh tra giao thông v i s h tr c a c nh sát giao thông ng tr c t i ch ki m tra vi c th c hi n l nh.
4. L c l ng c nh sát giao thông c a huy n th c hi n c m bi n báo; c nh sát giao thông ph i h p v i thanh tra giao thông tri n khai l c l ng ng tr c t i ch th c hi n l nh c m ng i, ph ng ti n qua l i các ng m giao thông, nh ng o n ng b ng p sâu

và n i có đồng ch y xi t. N i có i u ki n thì t ch c phân lu ng và c nh sát giao thông ng tr c h ng d n cho ng i và các ph ng ti n tham gia giao thông i theo h ng phân lu ng.

III. ng phó khi x y ra s c i v i ê i u, h p và tình tr ng ng p l t sâu các vùng th p tr ng

1. Khi x y ra s c có quy mô nh , trên các tuy n ê có nhi m v ng n l u v , Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n c p xã c n huy ng m i ngu n l c c a a ph ng c u h , b o v ê an toàn.

2. Khi x y s c có nguy c làm v ê, v p c a các h ch a n c: y ba n nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n c p t nh, huy n huy ng v t t , ph ng ti n, l c l ng c a c Trung ng và a ph ng có trên a bàn c u h các công trình b s c do l l t gây ra.

3. Khi x y ra ng p sâu các vùng th p tr ng, y ban nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n c p t nh ch o các c p, các ngành, các a ph ng ph i h p v i các l c l ng v trang trên a bàn tri n khai vi c tìm ki m c u h , c u n n t t c các vùng b ng p l t, nh t là các vùng b l th ng ngu n ch y v quá nhanh, gây ng p l t t ng t trong êm t i, dân ch a k p i s tán.

4. y ban nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n c p t nh huy ng các ngu n l c d phòng c a a ph ng c u tr kh n c p cho nhân dân các vùng b l l t n ng, nh t là các a bàn vùng sâu, vùng xa, vùng b l l t chia c t, giao thông tê li t trong khi đ tr l ng th c, th c ph m c a nhân dân ang b c n ki t.

Tr ng h p nhu c u c u tr c a nhân dân v t quá kh n ng c a a ph ng, ch t ch y ban nhân dân t nh c n trình Th t ng Chính ph xem xét quy t nh h tr kh n c p nhanh chóng n nh i s ng nhân dân vùng b l , l t n ng.

4.5. Các ho t ng ph c h i s m

1. Ph c h i s m m ng thông tin liên l c ph i c u tiên hàng u chính quy n c p c s báo cáo c tình hình thi t h i do thiên tai gây ra trên a bàn và nh ng yêu c u c n c c u h , c u n n, c u tr kh n c p. Trách nhi m ph c h i s m m ng thông tin liên l c ph c v công tác phòng, ch ng l t, bão c a các n v chuyên ngành th c hi n theo quy nh hi n hành c a B Thông tin và Truy n thông .

2. S a ch a nhanh ng giao thông áp ng yêu c u c u h , c u n n, c u tr kh n c p:

c n c ti n hành song song v i ph c h i m ng thông tin m ng cho các l c l ng c u h , c u n n, c u tr kh n c p có th ti p c n s m nh t v i ng bào vùng b thiên tai. Trách nhi m ph c h i s m h th ng giao thông c a các n v

chuyên ngành th c hi n theo Quy ch phòng, ch ng l t, b o c a B Giao thông V n t i i v i ngành ng b và ngành ng s t.

3. Làm s ch v sinh môi tr ng:

Làm s ch v sinh môi tr ng nh t là môi tr ng n c phòng, tránh d ch b nh phát sinh là m t trong nh ng công vi c c p bách c n u tiên th c hi n. Tr m y t xã c n tham m u cho y ban nhân dân xã huy ng toàn dân tham gia làm s ch v sinh môi tr ng; l c l ng y t óng vai trò nòng c t trong các ho t ng tiêu c, kh trùng, làm s ch các ngu n n c dùng cho sinh ho t.

4. Phát hi n s m, khoanh vùng, bao vây, d p d ch:

N u phát hi n th y xu t hi n d ch b nh, Tr m y t và y ban nhân dân xã ph i báo cáo và ki n ngh y ban nhân dân huy n huy ng l c l ng, ph ng ti n c a Trung tâm y t đ phòng huy n ti n hành kh n tr ng vi c khoanh vùng, bao vây, d p d ch trong th i gian ng n nh t, h n ch lây lan ra c ng ng theo S tay h ng đ n phòng ch ng thiên tai và th m h a c a B Y t .

5. Huy ng l c l ng h tr khôi ph c nhanh c s h t ng:

Ngoài n l c t i a c a nhân dân vùng b thiên tai, các c p chính quy n t nh, huy n c n huy ng l c l ng b i, công an, sinh viên, thanh niên tình nguy n xu ng c s h tr dân s a ch a nhà c a, tr m y t , tr ng h c, ng giao thông b h h ng s m khôi ph c và n nh cu c s ng bình th ng cho nhân dân c ng nh vi c h c t p c a h c sinh.

6. H tr ph c h i s m s n xu t, n nh i s ng nhân dân:

Các B , ngành h u quan c a Trung ng và t nh c n th c hi n ngay C ch chính sách h tr gi ng cây tr ng, v t nuôi, th y s n h tr nhân dân vùng b thiên tai s m khôi ph c s n xu t, n nh i s ng theo quy nh t i Quy t nh s 142/Q - TTg ngày 31/12/2009 c a Th t ng Chính ph .

Chương 5 PHÒNG, TRÁNH LŨ VÀNG BÊN NG SÔNG CỬU LONG

5.1. Các điểm chung của lũ

Lũ của khu vực này chủ yếu từ thượng nguồn sông Mê Kông đổ về và chủ yếu hình thành từ các cơn bão nhiệt đới và áp thấp nhiệt đới từ biển Đông.

Lũ có các điểm: mức nước lũ lên, xuống rất nhanh; thời gian duy trì lũ kéo dài liên tục từ 4 - 5 tháng trong năm; làm ngập lụt toàn bộ vùng bên sông Cửu Long.

Chỉ số lũ của quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai năm 2020 xác định phòng chống lũ, chống và giảm nhẹ thiên tai cho vùng bên sông Cửu Long là: “Sống chung với lũ”, đảm bảo an toàn phát triển bền vững; ứng phó, chống lũ phòng tránh bão, giông, lốc, chống xâm nhập mặn, hạn hán. Vì vậy, các hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả do lũ gây ra cần có những nét đặc thù riêng, không giống như vùng bên sông, Trung du Bắc Bộ cũng như Duyên hải Miền Trung và Đông Nam Bộ.



Ngập lụt bên sông Cửu Long

5.2. Các giải pháp phòng tránh lũ lâu dài

1. Giải pháp thượng nguồn lũ:

Lập quy hoạch kiểm soát lũ; chống lũ phòng, tránh lũ; sử dụng hợp lý tài nguyên đất, rừng và các yếu tố tự nhiên thuận lợi trong vùng.

2. Giải pháp hạ nguồn lũ kiểm soát lũ và ngăn mặn, bao gồm:

- Xây dựng công trình ngăn mặn, cửa chắn sóng và tấp;
- Tăng cường khả năng thoát lũ của hệ thống kênh;

- Thực hiện các chương trình xây dựng đập, đập a sông, đập bao, đập bao, các công trình ngầm, giếng.

3. Chương khai thác môi trường:

- Nghiên cứu khai thác tài nguyên môi trường;

- Tận dụng phù sa;

- Thau chua, rửa mặn;

- Phát triển nuôi, trồng, đánh bắt thủy sản;

- Phát triển giao thông thủy;

- Phát triển du lịch sinh thái, thể thao ở thềm cửa vùng thềm xuyên ngập lụt.

4. Nâng cao nhận thức cộng đồng

Các cơ quan thông tin đại chúng thềm xuyên tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức và kiến thức thích nghi, chương trình phổ biến thiên tai ở các vùng miền dân và cộng đồng.

5. Thích nghi phát triển

Xây dựng công trình an toàn trong môi trường thiên tai dựa trên nguyên lý rủi ro thiên tai dựa vào công trình xây dựng ghép hài hòa với chương trình xây dựng nông thôn mới.

6. Nâng cao năng lực chủ thể, cộng đồng

Nâng cao năng lực cho các lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách và năng lực tự chủ, cộng đồng bản địa thân cận địa phương, trong đó cần xác định rõ vai trò tự chủ, cộng đồng bản địa thân cận địa phương là quan trọng nhất, kết hợp vai trò và hỗ trợ của nhà nước.

7. Hoàn thiện các chính sách

Hoàn thiện các chính sách, khuyến khích người dân tham gia phòng, tránh, ứng phó và giảm thiểu thiên tai bão, lũ, hạn hán, động đất.

8. Tăng cường hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác với các nước trong lưu vực sông Mê Kông khai thác hợp lý và bảo vệ tài nguyên nước. Tiếp tục phối hợp với các nước vùng thềm lưu vực nghiên cứu các giải pháp phòng, tránh, ứng phó với lũ; duy trì dòng chảy mùa kiệt ở các vùng hạ lưu, giếng; các giải pháp phổ biến ở vùng cửa biển dâng.

5.3. Các giải pháp phòng tránh lũ hàng năm

1. Chỉ đạo địa phương có báo cáo hàng năm: trước mùa lũ, Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng, chống lũ, bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng, chống lũ, bão và Tìm kiếm cứu nạn các xã, phường và cộng đồng địa phương tiến hành kiểm tra, phát hiện và tổ chức tu bổ kết hợp phòng ngừa.

o n b bao b h h ng theo h ng d n c a S Nông nghi p và Phát tri n nông thôn b o m m c tiêu ng n c l s m, b o v an toàn cho lúa và hoa màu cho n khi thu ho ch xong.

2. i v i m t s a ph ng có ê bao ch ng l tri t , b o v vùng dân c ông úc ho c có công trình ki m soát l : tr c mùa l , y ban nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n c p t nh ch o y ban nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n c p huy n và Ban qu n lý công trình ki m soát l ti n hành ki m tra, ánh giá hi n tr ng công trình, xây d ng ph ng án k thu t b o v an toàn công trình trong mùa l theo ph ng châm “4 t i ch ” trình c p có th m quy n phê duy t và giao nhi m v cho các n v chu n b th c hi n. C n t ch c đi n t p ki m tra, rút kinh nghi m nh m hoàn thi n thêm, m b o ph ng án có tính kh thi cao.

Vì c t ch c th c hi n các n i dung trên có th tham kh o h ng d n phòng, ch ng l vùng ng b ng B c B và B c Trung B .

3. y ban nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n c p huy n ch o c p xã, p và c ng ng ki m tra an toàn phòng l c a các i t ng sau:

- Các tr ng h c;
- Các c m, tuy n dân c t p trung;
- Các c s trông gi tr ;
- Các h dân còn r i rác trong các vùng th p tr ng th ng b ng p sâu trong mùa n c n i;
- Các h dân vùng ven sông có nguy c b s t l .

4. Qua ki m tra, y ban nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n c p xã ph i n m ch c s h , s nhân kh u trong các khu v c không m b o an toàn khi có l l n c n ph i di d i n n i an toàn.

5. y ban nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và tìm ki m c u n n huy n, xã ph i chu n b chu áo ph ng án s tán dân bao g m: a i m s tán v i các yêu c u t i thi u v ch , b p, i n th p sáng ho c èn d u, n c s ch, nhà v sinh; d ch v y t , v sinh môi tr ng; d ch v l ng th c, th c ph m; ph ng ti n v n chuy n h tr cho dân s tán k p th i.

6. y ban nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n c p huy n ch o c p xã, p và c ng ng chu n b đ tr l ng th c, th c ph m, thu c men c ng nh m t s nhu y u ph m khác, nh t là các vù ng b ng p sâu.

7. Trung tâm y t d phòng huy n c n chuy n c s thu c d phòng ch ng l t, bão xu ng tuy n xã tr c mùa l . Vì c giao nh n, qu n lý, s d ng thu c d phòng ph i th c hi n theo h ng d n c a B Y t .

8. Các nhân viên giao nhiệm vụ cụ thể, tuần và chuyển dân đi sơ tán cần chú ý phòng ngừa, lực lượng và phương tiện sẵn sàng thực hiện phòng án khi có lệnh.

9. Chú ý trách nhiệm phòng chống hàng n m:

- Trong suốt mùa lũ, bão hàng n m, Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương, Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn các Bộ, ngành, địa phương phải thực hiện 24/24h theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chú ý trang thiết bị, phương tiện, phân công, bố trí lực lượng trách nhiệm phải hoàn toàn trước ngày bắt đầu trách nhiệm.

- Cán bộ phân công tham gia trách nhiệm phải thành thạo nghiệp vụ, hiểu rõ Quy chế trách nhiệm và có tinh thần trách nhiệm cao.

- Nhiệm vụ và xử lý kịp thời, hiểu quy các tình huống thiên tai, mối họa tiềm ẩn của mối đe dọa, kịp thời phải tuân thủ nghiêm ngặt Quy chế trách nhiệm do cấp có thẩm quyền quy định.

5.4. Các hoạt động phòng ngừa

1. Phòng ngừa tình huống xảy ra lũ lụt

a) Trong thời gian có lũ cao, Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, cấp huyện chỉ đạo các Ban quản lý công trình kiểm soát lưu hành công trình theo đúng quy trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tiêu thoát lũ nhanh.

b) Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện chỉ đạo và tăng cường kiểm tra, ôn tập các xã, phường và công nhân tranh thủ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, thực hiện nghiêm chỉnh thi thỉ do lũ lụt gây ra.

c) Khi có đợt báo lũ sớm về miền xuôi, các lực lượng cứu hộ, cứu nạn cần sẵn sàng, huy động, xã phải kịp thời các nhân viên quân đội, công an đóng quân trên địa bàn khu vực thực hiện phòng án sơ tán dân vùng vùng ngập sâu, vùng có nguy cơ sạt lở sông suối an toàn. Cần chú ý ưu tiên sơ tán các đối tượng dễ bị tổn thương (người già, phụ nữ, trẻ em, người tàn tật). Tiến hành sơ tán, chính quyền các cấp cần cấp ứng các yêu cầu thiết yếu về lương thực, thuốc, quần áo, chăn mền, nhà vệ sinh; dịch vụ y tế, vệ sinh môi trường; cung cấp lương thực, thực phẩm cho dân.

d) Ngành Giao thông Vận tải thực hiện cảnh báo; triển khai lực lượng kiểm tra sát giao thông và thanh tra giao thông trực tiếp hướng dẫn và ngăn ngừa không cho người, phương tiện qua lại những nơi ngập sâu và nơi có dòng chảy xiết.

e) Khi lũ lên cao, ngành giao thông vùng ngập sâu, Ủy ban nhân dân và Sở Giáo dục - Đào tạo cần cho học sinh tạm nghỉ học.

2. Ng phó khi x y ra s c

Khi ê bao, b bao x y ra s c ho c ang b n c l uy hi p nghiêm tr ng, y ban nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n c p huy n ch o các xã, p và c ng ng huy ng t i a l c l ng, ph ng tí n c u h kh n c p công trình theo ph ng châm “4 t i ch ”. Vi c c u h kh n c p ph i th c hi n liên t c 24/24h nh m b o v v ng ch c không v b bao, ê bao nh m b o m an toàn cho ng i, tài s n, cây tr ng, v t nuôi.

5.5. Các ho t ng ph c h i s m

1. Khi l rút, chính quy n c p xã ph i huy ng l c l ng c ng ng t ng v sinh, làm s ch môi tr ng, nhanh chóng khôi ph c ho t ng bình th ng c a các Tr m y t xã ch m sóc s c kh e nhân dân.

2. Khi phát hi n có d u hi u c a d ch b nh, l c l ng y t c a c 3 c p t nh, huy n, xã ph i ph i h p ch t ch , ti n hành tiêu c, kh trùng, khoanh vùng, bao vây, d p d ch, không lây lan r ng ra c ng ng.

3. Chính quy n c s , Hi u tr ng các tr ng h c c n huy ng h c sinh và s tham gia c a c ng ng kh n tr ng d n v sinh tr ng, l p, bàn gh có th ti p t c khôi ph c vi c gi ng d y, h c t p trong th i gian s m nh t.

4. Ngành Giao thông V n t i kh n tr ng s a ch a c u, ng áp ng các ho t ng kinh t , xã h i sau th i gian b ng ng tr giao thông do l cao gây ng p l t.

5. C n c báo cáo và ki n ngh c a y ban nhân dân các huy n và các S , ngành h u quan, y ban nhân dân t nh ban hành quy t nh tr giúp k p th i vi c s a ch a ho c mua m i thuy n, ng c cho các gia ình có hoàn c nh khó kh n (chuyên i làm thuê, n mùa l không có vi c làm) h có sinh k khai thác ngu n l i th y s n ng b ng sông C u Long, m b o i s ng trong mùa n c n i.

6. C n c báo cáo và ngh c a Ch t ch y ban nhân dân t nh, Ban Ch o phòng, ch ng l t Trung ng cùng các B , ngành h u quan tham m u cho Th t ng Chính ph quy t nh h tr k p th i gi ng cây tr ng, v t nuôi, th y s n giúp nhân dân vùng b thiên tai s m khôi ph c s n xu t, n nh i s ng (theo quy nh t i Quy t nh s 142/Q -TTg ngày 31/12/2009 c a Th t ng Chính ph).

Chương 6 PHÒNG, TRÁNH LỤA QUÉT, SỤT LỘ VÀ T VÙNG NÚI VÀ KHU VỰC TÂY NGUYÊN

6.1. Các hiện tượng chung của lũ quét, sụt lún

Lũ quét thường phát sinh bất ngờ, xảy ra trong phạm vi hẹp như rừng rậm, khe suối và thường gây nên thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Lũ quét, lũ bùn đá thường xảy ra ở vùng núi, nơi có nhiều sườn dốc, khi xảy ra mà có công trình mà không thoát nước kịp thời hoặc do vỡ hồ chứa, sự tắc nghẽn dòng chảy, v.v...

Một số trận lũ quét lịch sử nay còn in đậm trong ký ức người bào các dân tộc miền núi cũng như vị trí vùng bào cũng, như: trận lũ quét ngày 11-17/6/1990

ở Lào do vỡ các hồ chứa nước kiêu bạc thang; trận lũ quét ngày 27/7/1991 tại thị xã Sơn La; trận lũ quét năm 1994 tại Mường Lay, Lai Châu; trận lũ quét ngày 29/7/1999

Hàm Tân, Bình Thuận; trận lũ quét lịch sử ngày 20/9/2002 tại Hoàng Sơn, Hà Tĩnh; trận lũ quét năm 2005 tại Yên Bái...

Phòng ngừa lũ quét và giảm thiểu thiệt hại, công bố là lũ quét và sụt lún khu vực Miền núi và Tây Nguyên là "**Chương trình phòng tránh**".



. Lũ Tây Nguyên

6.2. Hình thức phòng, tránh lũ quét, sụt lún

1. Các giải pháp phòng, tránh lũ quét lâu dài.

Lũ quét hiện nay chưa đáng báo động, nhưng có thể phòng tránh bằng các giải pháp chủ yếu sau:

a) Tích cực trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn các sông, suối. Nhà nước cần sớm ban hành các chính sách phù hợp nhằm khuyến khích người dân tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn.

b) Kiểm tra, khảo sát, lập bản đồ khoanh vùng các khu vực có nguy cơ cao xảy ra

l quét;

c) Quy hoạch dân cư, chỉnh đốn dân cư sinh sống nhằm giảm nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất; đảm bảo an toàn;

d) Xây dựng hệ thống cảnh báo lũ quét, sạt lở đất; thông báo cho người dân biết nguy cơ lũ quét, sạt lở đất có thể xảy ra để chủ động sơ tán.

2. Các hoạt động chủ yếu phòng, tránh lũ quét

a) Trước mùa mưa, lũ hàng năm, Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, xã tiến hành kiểm tra, rà soát, phát hiện, phân loại những khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất.

b) Tình hình khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện hướng dẫn, chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã xây dựng phương án chống phòng tránh, ứng phó khi xảy ra lũ quét. Phương án phải bám sát tính khả thi cao, phù hợp phương châm 4 tại chỗ.

c) Các lực lượng phân công nhiệm vụ chuyển dân sơ tán hoặc cứu hộ, cứu nạn khi xảy ra lũ quét, sạt lở đất như sau:

- Nhiệm vụ phương án sơ tán cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Nhiệm vụ của hình, nhất là mạng lưới thông tin giao thông, kỹ thuật ứng phó, ứng cứu và hệ thống thông tin liên lạc của khu vực ven biển ngoài;

- Chuẩn bị chu đáo lực lượng, phương tiện, hậu cần;

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền và lực lượng tại chỗ của địa phương;

- Theo dõi sát diễn biến thiên tai, tin cậy báo cáo của quan Khí tượng-Thủy văn, công an của Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão trung ương và của địa phương. Khi thiên tai có dấu hiệu xảy ra lũ quét, sạt lở đất trong phạm vi phân công phải chủ động tổ chức ngay sơ tán dân và luôn sẵn sàng thực thi nhiệm vụ khi có lệnh cấp trên.

d) Các hộ dân trong vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất thực hiện sơ tán tạm thời, nhất là các đối tượng dễ bị tổn thương như: người già, phụ nữ, trẻ em, người tàn tật... phải có Trang thiết bị, Trang bị dụng cụ danh sách sơ tán trước mùa mưa, lũ. Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã phải chủ trì chuẩn bị phương án sơ tán dân, bao gồm: địa điểm sơ tán và các yêu cầu tối thiểu về chỗ ở, ăn uống, chỗ tắm, nơi sơ tán; địa điểm sơ tán, vệ sinh môi trường; địa điểm sơ tán, chỗ sơ tán; phương tiện vận chuyển hàng hóa cho dân sơ tán kịp thời.

e) Tổ chức diễn tập sơ tán khẩn cấp và cứu hộ, cứu nạn: Những vùng có nguy cơ cao

x y ra l quét, s t l t c n t ch c di n t p. K ch b n di n t p, l c l ng tham gia di n t p, th i gian và a i m di n t p do BCHPCLB&TKCN c p t nh quy t nh.

f) Các ph ng ti n thông tin i chúng c a t nh, huy n, xã ph i ch ng tuyên truy n, ph bi n ki n th c và kinh nghi m phòng tránh l , quét, s t l t b ng nh ng hình th c thích h p c ng ng vùng sâu, vùng xa hi u rõ, ch ng phòng tránh và t giác ch p hành l nh s tán khi có nguy c x y ra l quét, s t l t.

3. Các ho t ng ng phó kh n c p

a) Tình hu ng 1: L quét, s t l t x y ra nh ng khu v c ã d ki n tr c.

Các ho t ng ng phó kh n c p c n th c hi n:

- Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n các c p tri n khai tr c ban 24/24h theo úng quy ch hi n hành.

- Khi nh n c l nh s tán kh n c p, l c l ng c u h c u n n ph i l p t c t i hi n tr ng tri n khai th c hi n ph ng án chuy n dân t i n i an toàn tr c khi x y ra l quét ho c s t l t. Chú ý u tiên s tán tr c các i t ng d b t n th ng: ng i già, ph n , tr em, ng i tàn t t, v.v...

- y ban nhân dân, Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n c p huy n, xã tri n khai nhanh các i u ki n t i thi u theo ph ng án ã chu n b tr c m b o c u s ng cho nhân dân t i n i s tán.

b) Tình hu ng 2: L quét, s t l t x y ra t xu t nh ng khu v c ngoài d ki n

Các ho t ng c u h , c u n n kh n c p c n th c hi n:

- L c l ng c u h , c u n n th c hi n c u ch a k p th i nh ng ng i b th ng; ng i b th ng n ng ph i c chuy n nhanh lên tuy n trên c u ch a.

- L c l ng c u h , c u n n ph i h p v i nhân dân a ph ng kh n tr ng tìm ki m nh ng ng i còn m t tích.

- Chính quy n a ph ng, c ng ng thôn, b n ph i h p v i thân nhân ng i b n n th c hi n vi c chôn c t ng i b ch t theo phong t c c a a ph ng và th c hi n k p th i h tr mai táng phí.

- Chính quy n a ph ng, các oàn th qu n chúng ph i h p v i l c l ng c u h , c u n n nhanh chóng chuy n nh ng ng i còn s ng sót t i n i an toàn; d ng l u b t; c u tr kh n c p các i u ki n thi t y u cho ng bào; ng viên, th m h i, chia s au th ng m t mát, h tr k p th i v v t ch t và tinh th n cho nh ng ng i b m t ng i thân, m t mát tài s n.

- Khi có nhi u l c l ng cùng tham gia ng phó v i l quét, s t l t trên m t a bàn, Tr ng Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n cao nh t c a a ph ng ho c ng i c Tr ng ban u quy n là ng i có th m quy n và trách

Ph n 4
H NG D N PHÒNG, TRÁNH NG T, SÓNG TH N

Ch ng 7
M T S HI U BI T CHUNG V NG T, SÓNG TH N

7.1. M t s hi u bi t chung v ng t

1. ng t (còn g i là a c h n) là s rung ng m t t, gây ra b i:
- Các d ch chuy n t ng t c a các a kh i theo các t gãy a ch t trong lòng t (g i là ng t ki n t o);
- Các v n núil a (g i là ng t núil a);
- Các v s p hang ng, các v tr t l t, va ch m v i thiên th ch và các v n nhân t o.

2. Ch n tiêu là n i phát sinh ng t, n i n ng l ng ng t c gi i phóng và truy n ra không gian xung quanh d i d ng sóng àn h i, gây rung ng m t t.

3. Ch n tâm là hình chi u theo chi u th ng ng c a ch n tiêu trên m t t.

4. s au ch n tiêu là kho ng cách t ch n tiêu n ch n tâm.

5. Kho ng cách ch n tiêu là kho ng cách t ch n tiêu n i m quan sát .

6. Kho ng cách ch n tâm là kho ng cách t ch n tâm n i m quan sát.

7. C ng ng t là i l ng o l n ng t v n ng l ng mà nó phát ra d i d ng sóng àn h i. C ng ng t o theo thang Richter, có giá tr b ng logarit c s 10 c a biên c c i, o b ng micron, thành ph n n m ngang c a sóng a ch n trên b ng ghi c a máy a ch n chu k ng n chu n Wood Andersen kho ng cách 100km t ch n tâm.

8. C p ng t là i l ng bi u th c ng ch n ng mà nó gây ra trên m t t và c ánh giá theo các thang phân b c m c tác ng c a ng t i v i các ki u nhà c a, công tr ình, v t, súc v t, con ng i và bi n d ng m t t. C p ng t c ánh giá b ng thang MSK-64 (Medvedev-Sponheuer-Karnik), chia c ng ch n ng thành 12 c p và c ghi tóm t t t i Ph l c s 1

Tình hình ng t Vi t Nam: Theo t li u c a Vi n V t lý a c u, trong l ch s , t n m 114 t i n m 2003, Vi t Nam ã ghi nh n c 1.645 tr n ng t có c ng t 3 Richter tr lên. Trong ó có nh ng tr n ng t m nh nh : tr n ng t c p 8 x y ra vào n m 114 b c ng H i; các tr n ng t c p 7, c p 8 x y ra Hà N i vào các n m 1277, 1278, 1285; ng t c p 8 khu v c Yên nh - V nh L c - Nho Quan vào n m 1635; ng t c p 8 vào n m 1821 Ngh An; ng t c p 7 Phan Thi t vào các n m 1882, 1887... N m 1923 c ng có 1 tr n ng t m nh 6,1 Richter (thu c vùng bi n V ng Tàu, Phan Thi t). Tr n ng t này x y ra

cùng với hiện tượng phun trào núi lửa Hòn Tro (thuộc cụm núi Phú Quý, tỉnh Bình Thuận), trên đứt gãy kinh tuyến 109-110.

Gần đây nhất, có hai trận động đất cấp 8 ở Biên Hòa (1935) với cường độ 6,75 Richter, xảy ra trên đứt gãy sông Mã và Thuận Giáo (1983) với cường độ 6,8 Richter, xảy ra trên đứt gãy Sơn La. Từ năm 1990 tới nay có 17 trận động đất cấp 7 và 115 trận cấp 6-7 khắp các vùng miền.

Năm 2010, có nhiều trận động đất xảy ra ở Việt Nam. Trong đó, trận lớn nhất có cường độ 5 Richter. Những trận như hàng loạt đứt gãy như: đứt gãy Mường Lay - Bắc Yên, đứt gãy Cao Bằng - Tiên Yên, đứt gãy sông Mã, Sông C...

Từ năm 2005 trở lại đây, động đất ở Việt Nam có xu hướng xuất hiện ngày càng nhiều hơn, có nhiều trận xảy ra trên 10 trận.

Bên phân vùng động đất: Việt Nam và lý luận nghiên cứu thành lập các bản phân vùng động đất Việt Nam. Theo bản này, trên toàn lãnh thổ Việt Nam có 30 khu vực (vùng) có thể phát sinh động đất, với cường độ 5,5 - 6,8 Richter (tức là có thể gây ra hình ảnh nhà cửa).

Danh sách các vùng có thể phát sinh động đất mạnh trên lãnh thổ Việt Nam.

Tên vùng	cường độ (Richter)	Tên vùng	cường độ (Richter)
Sơn La	6,8	Sông Mã-Fumây-tun	6,5
đồng Triểu	6,0	Sông Hồng - Sông Chảy	6,0
Sông C - Khe B	6,0	Rào Nảy	5,5
Cao Bằng- Tiên Yên	5,5	đồng Bắc - Hoàng Hà Nội	5,5
Cẩm Phả	5,5	Sông Lô	5,5
Phong Thổ - Than Uyên Mường La- Chư B	5,5	Sông Đà	5,5
Mường Nhé	5,5	Hồ sông Mã	5,5
Sông Hiếu	5,5	Khe Giã - Vĩnh Linh	5,5
Trà Bồng	5,5	Hu	5,5
Đà Nẵng	5,5	Tam Kỳ - Phước Sơn	5,5
Sông Pô Cô	5,5	Sông Ba	5,5
Ba T - Cường Sơn	5,5	Kinh tuyến 109,5	5,5
Tuy Hòa - Chí	5,5	Thuận Hải - Minh Hải	5,5
Vũng Tàu - Tôn Lê Sáp	5,5	Sông Hương	5,5
Phú Quý 1	5,5	Phú Quý 2	5,5

Chú thích:

1. cường độ là động đất lớn nhất có thể xảy ra.
2. động đất mạnh 5,5 Richter: gây chấn động cấp 7, làm hình ảnh nhà cửa.

3. Cường độ mạnh 6,0 Richter: gây chấn động cấp 8, làm hư hỏng nhà cửa.
4. Cường độ mạnh 6,8 Richter: gây chấn động cấp 8-9, làm hư hỏng nhà cửa nghiêm trọng cấp 8.



Sóng thần

7.2. Một số hiện tượng chung về sóng thần

1. Sóng thần

Sóng thần là sóng biển chu kỳ dài, lan truyền với vận tốc lớn (có khi lên đến 500km/gi). Khi tiến bộ, thấm vào sâu các biển và các vùng bờ, sóng thần có thể tiến vào cao tới hàng chục mét, tràn sâu vào đất liền, gây ra thảm họa.

2. Vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của sóng thần

Là vùng đất liền nằm trong phạm vi sóng thần có thể lan truyền tới và gây thiệt hại (khoảng cách tối đa là 1km tính từ bờ biển). Các vùng biển Việt Nam có khả năng chịu ảnh hưởng của sóng thần xem Phụ lục 2.

3. Phân loại tình hình báo sóng thần

Khi đứng trên vùng biển ông có cường độ lên đến 6,5 Richter, bên cạnh việc phát "Tin ngắn", Viện Vật lý địa cầu và địa động lực học xem xét các khả năng gây sóng thần và ra "Tin cảnh báo sóng thần" theo tình hình, với 4 mức sau đây:

- a) "Không có sóng thần", khi đứng xa bờ nhưng không có khả năng gây ra sóng thần;
- b) "Sóng thần yếu", khi đứng có khả năng gây sóng thần và có chiều cao tối đa không quá 0,5m;
- c) "Sóng thần mạnh", khi đứng có khả năng gây sóng thần và có chiều cao tối đa từ 0,5m đến 1m;

d) "Sóng thần nguy hiểm", khi sóng có khả năng gây sóng thần và có chiều cao tới 1 nh n lm.

4. Tốc độ chuyển của sóng thần:

Sóng thần di chuyển với tốc độ nhanh, có thể tới 500 km/giờ vùng biển sâu và có thể lướt qua Thái Bình Dương chỉ trong vòng chưa đầy 1 ngày.

5. Đặc điểm tàn phá khi tiếp của sóng thần:

Khi vào gần bờ, chiều cao của sóng thần tăng lên đáng kể, có thể cao hơn 10m, thậm chí tới 30m. Sóng thần có thể tràn sâu vào đất liền hơn 500m, nhấn chìm hàng tỷ làng mạc và thành phố ven biển cũng như các hòn đảo trên biển. Trận sóng thần với cường độ 9 Richter vùng biển Đông Bắc Nhật Bản năm 2011 đã gây ra sóng thần khiếp, làm chết hàng triệu người.

6. Trong quá khứ sóng thần xảy ra vùng biển Việt Nam chưa?

Theo tài liệu của Viện Vật lý Địa cầu, năm 1904 sóng thần tràn vào Thái Thiên - Hu làm chết 724 người, tàn phá 22.000 ngôi nhà. Một số tài liệu khoa học khác cho rằng Việt Nam từng có 5 đợt sóng thần xảy ra trong khoảng thời gian 1915-1972. Một số người dân tại khu vực Sơn, Cát Hải (Hải Phòng) cho biết, những năm 50 của thế kỷ 20, từng có đợt sóng thần cao 4-5 m tràn vào biển, làm sụp đổ nhiều nhà cửa.

7. Nguyên nhân sóng thần ở vùng biển Việt Nam trong tương lai

Kết quả các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam cho thấy, vùng biển Việt Nam có nhiều khả năng chịu tác động của các vùng nguồn sóng thần nằm bên trong khu vực biển Đông. Theo Viện Vật lý Địa cầu, mối hiểm họa đáng lo ngại là máng sâu (đáy hút chìm) Manila vùng biển phía tây Philippin, dài tới 1.150km. Máng sâu này có khả năng gây ra những tâm chấn mạnh mẽ, có khả năng phát sinh sóng thần mạnh mẽ lan qua biển Đông vào biển miền Trung và Việt Nam. Sau khi phát sinh trên vùng nguồn này, sóng thần chỉ mất khoảng 2 giờ để tràn vào biển miền Trung. Theo kết quả nghiên cứu của Bộ Tài nguyên và Môi trường về 25 khả năng sóng thần, nguy cơ xảy ra Philippines thì sóng thần sẽ có nguy cơ nghiêm trọng nhất ở vùng biển miền Trung Việt Nam (à Nghệ An, Quảng Nam, Quảng Ngãi...). Các khu vực khác như Quảng Ninh, Hải Phòng cũng có thể có sóng thần mạnh mẽ.

Ch 8 CÁC HO T NG PHÒNG, TRÁNH NG T, SÓNG TH N

8. 1. Các ho t ng phòng tránh ng t, sóng th n lâu dài

I. Trách nhi m c a chính quy n các c p và các c quan, t ch c h u quan.

1. Không ng ng hoàn thi n h th ng v n b n pháp quy v phòng tránh, ng phó và kh c ph c h u qu do ng t, sóng th n gây ra.

2. Ti p t c u t nghiên c u, c p nh t, b sung, nâng cao m c chính xác B n phân vùng ng t trên toàn lãnh th Vi t Nam (bao g m t li n, h i o và vùng bi n); ph bi n r ng rãi, công khai t i c ng ng, nh t là nh ng vùng có nguy c cao x y ra ng t, sóng th n m i ng i hi u rõ, ch ng phòng tránh, ng phó.

3. C p nh t, b sung, nâng cao tiêu chu n kháng ch n trong TCXDVN:2006 phù h p v i thành t u nghiên c u khoa h c m i nh t v ng t, sóng th n c a Vi t Nam, c a các n c trong khu v c và th gi i, ng th i phù h p v i kh n ng và i u ki n c a Vi t Nam.

4. Vi c th m nh, phê duy t quy ho ch, thi t k , thi công, v n hành các công trình tr ng i m qu c gia nh : h ch a th y i n, th y l i l n, nhà máy i n h t nhân, nhà máy s n xu t hóa ch t c h i, b n c ng, sân bay... nh ng vùng có nguy c cao x y ra ng t có c ng m nh, sóng th n ph i b o m tiêu chu n an toàn tuy t i.

5. Ti p t c u t nghiên c u, c p nh t, nâng cao tính khoa h c và th c ti n các k ch b n sóng th n có nguy c tác ng t i b bi n, h i o Vi t Nam, t o ti n v ng ch c cho các ho t ng báo tin ng t, c nh báo sóng th n và xây d ng các ph ng án phòng tránh, ng phó thích h p.

6. Ch o tr ng và b o v r ng phòng h ven bi n; b o t n các c n cát t nhiên ven bi n; xây d ng, nâng c p các tuy n ê bi n phòng ch ng , bão và sóng th n; xây d ng, qu n lý, v n hành có hi u qu h th ng tr m báo ng tr c canh c nh báo sóng th n.

7. Vi c l p, phê duy t quy ho ch phát tri n kinh t - xã h i t i các vùng có nguy c ng t, sóng th n ph i kh o sát, tính toán n y u t tác ng c a ng t, sóng th n h n ch thi t h i và b o m phát tri n b n v ng.

8. m b o h th ng tr m quan tr c, báo tin ng t và c nh báo sóng th n c trang b ng b , thi t b hi n i, song song v i vi c ào t o nâng cao ch t l ng i ng chuyên gia ho t ng trong l nh v c này; chu n hóa Quy trình báo tin ng t và c nh báo sóng th n theo quy trình, tiêu chu n c a khu v c và th gi i, áp ng y m i yêu c u c a Quy ch Báo tin ng t và C nh báo sóng th n.

9. Các c quan thông tin i chúng th ng xuyên tuyên truy n, ph bi n ki n th c v ng t, sóng th n và kinh nghi m phòng tránh, ng phó m i ng i hi u rõ, ch ng phòng tránh, ng phó. In t r i h ng đ n cách phòng tránh, ng phó có

hình minh họa phát thải từ gia đình, nhất là những vùng có nguy cơ cao về nắng, sóng thần

10. Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động phòng tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả do nắng, sóng thần gây ra.

II. Trách nhiệm các ngành.

1. Nhân dân các vùng có nguy cơ cao xảy ra nắng, sóng thần cần quan tâm tìm hiểu, nâng cao hiểu biết và học hỏi kinh nghiệm phòng tránh, ứng phó.

2. Tích cực tham gia training, bootcamp phòng ngừa ven biển; bootcamp các cơn bão thiên nhiên ven biển; phát hiện và tham gia ngay khi cần kịp thời các hành vi vi phạm gây ảnh hưởng tới an toàn biển.

3. Khi xây dựng mới nhà cao tầng tại các vùng có nguy cơ cao xảy ra nắng, sóng thần phải chấp hành nghiêm ngặt tiêu chuẩn kháng chấn hiện hành.

8.2. Các hoạt động phòng tránh nắng, sóng thần hàng năm.

I. Trách nhiệm các Ủy ban nhân dân các cấp vùng ven biển

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thành hoặc Ủy ban nhân dân huyện, xã kiểm tra nhắc nhở và giám sát kịp thời mọi vấn đề phát sinh, mở họp thông báo nắng, sóng thần trước cảnh cảnh báo sóng thần tối thiểu hàng duy trì hoạt động liên tục 24/24 giờ trong ngày, 7 ngày trong tuần và 365 ngày trong năm.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thành hoặc Ủy ban nhân dân các huyện, xã thu thập khu vực có nguy cơ cao xảy ra sóng thần chuẩn bị phương án sơ tán dân:

a) Thành lập, niêm yết sơ đồ, sơ đồ nhân khẩu trong khu vực;

b) Chọn nơi trú ẩn, khảo sát, xác định địa điểm có địa hình cao hơn mức nước biển 3-4m, cách xa biển từ 500m đến 1000m chuẩn bị cho nhân dân sơ tán khi có tin cảnh báo về sóng thần nhỏ hoặc sóng thần nguy hiểm nhằm ngăn ngừa thiệt hại.

c) Lắp đặt biển cảnh báo thành các lối đi, trong đó có biển tên chỉ hướng tới khu dân cư ven biển tin tức sơ tán, đồng công khai địa điểm mà mình đang nhìn thấy;

d) Lắp đặt phương án toàn diện về hạ tầng như: phương tiện vận chuyển, lưu trữ, di tản, ứng phó, cứu hộ, dịch vụ chăm sóc y tế, vệ sinh môi trường, trật tự an ninh mùa bão lũ lụt thiên tai thiên tai cho nhân dân trong thời gian sơ tán.

3) Tổ chức diễn tập sơ tán khẩn cấp và cứu hộ, cứu nạn: Mục đích, yêu cầu diễn tập, kế hoạch diễn tập, nội dung tham gia, thời gian và địa điểm diễn tập do BCHPCLB&TKCN cấp tỉnh quy định.

quan thông tin i chúng (ài Truy n hình Vi t Nam, ài Ti ng nói Vi t Nam, Thông t n xã Vi t Nam).

c) Các tr m báo ng tr c canh t t i các a ph ng t ch c tr c ban 24/24 gi m i ngày, 7/7 ngày m i tu n và su t quanh n m nh n và phát tin c nh báo và báo ng v ng t, sóng th n.

2. T ch c s tán nhân dân kh i vùng nguy hi m

a) B ng m i hình th c thông báo nhanh nh t tin c nh báo v ng t, sóng th n m nh ho c sóng th n nguy hi m nh h ng tr c ti p t i a ph ng;

b) T ch c, h ng d n nhân dân s tán;

c) Huy ng m i ph ng ti n có trên a bàn giúp dân s tán kh n c p n n i an toàn;

d) Tri n khai ph ng án h tr nhân dân bao g m: l u b t, ch n màn, qu n áo, l ng th c, n c u ng, d ch v ch m sóc y t , v sinh môi tr ng, tr t t an ninh m b o i u ki n s ng t i thi u cho nhân dân trong th i gian s tán.

3. T ch c th c hi n tìm ki m, c u n n

Khi x y ra ng t, sóng th n, chính quy n và Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n các c p trong khu v c b thiên tai ph i l p t c huy ng m i ngu n l c t i ch theo quy nh c a pháp lu t, :

a) C u ng i ang b n n;

b) C u ch a ng i b th ng;

c) Tìm ki m ng i m t tích;

d) Mai táng ng i ch t theo phong t c a ph ng;

) T ng h p nhanh thông tin ban u v thi t h i, công tác tìm ki m, c u n n c a a ph ng báo cáo kh n c p n c p có th m quy n xin ý ki n ch o và h tr các bi n pháp tìm ki m, c u n n c n thi t nh m h n ch thi t h i do ng t, sóng th n gây ra.

e) C u tr kh n c p cho các gia nh b n n, không dân b ói, b rét, thi u n c u ng, thu c ch a b nh, s ng trong c nh “màn tr i, chi u t”.

Khi có nhi u l c l ng cùng tham gia tìm ki m c u n n (k c các i tìm ki m, c u n n qu c t), y ban qu c gia Tìm ki m, C u n n là c quan ch trì i u hành s ph i h p các ho t ng tìm ki m, c u n n theo quy nh t i Quy t nh 76/2009/Q -TTg c a Th t ng Chính ph .

II. Trách nhi m c a c ng ng

1. Ch ng s tán kh i vùng nguy hi m.

Khi nhận được tin ngắn, cảnh báo sóng thần, mọi công dân trong vùng biển hàng hải phải nhanh chóng tản ra vùng an toàn, chú ý đến an toàn (bãi cát cao, hoặc xa bãi biển ít nhất 500m trở lên) để đảm bảo an toàn tính mạng.

2. Chuẩn bị báo tin cho mọi người.

Mọi thành viên, cá nhân có trách nhiệm sử dụng các phương tiện, thiết bị thông tin của mình thông báo kịp thời những thiệt hại và cảnh báo trong khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng của sóng thần.

3. Giúp trẻ em, người già, người tàn tật tản ra.

4. Thông báo với chính quyền và những người dân còn sót lại của khu vực.

5. Kéo thuyền ra xa bãi biển và chính quyền cảnh báo còn thời gian thì chờ.

6. Trong khi xảy ra sóng thần:

a) Mọi người trong tòa nhà có kết cấu vững chắc, hãy yên;

b) Mọi người trong nhà cao tầng, không nên chạy ra ngoài mà cần tìm góc an toàn và đứng xuống các chân tường; nếu nằm thì nên nằm nghiêng;

c) Mọi người bên ngoài thì chạy ngay tới vùng trống, tránh xa các công trình, công trình, nhà hiên cửa kính;

d) Mọi người lái xe hãy dừng lại, tránh chui hoặc vượt qua hàng cây cầu;

e) Mọi người trên núi, hãy tránh xa chỏm đá vì núi có thể đổ;

f) Mọi người bị biển thì chạy thật nhanh lên chỗ cao hơn.

7. Tham gia cùng lực lượng tìm kiếm cứu nạn trong các hoạt động:

a) Cung cấp lương thực;

b) Cung cấp nước uống;

c) Tìm kiếm người mất tích;

d) Mai táng người chết theo phong tục địa phương;

e) Giúp đỡ, cứu mang kịp thời các gia đình bị nạn theo truyền thống “lá lành đùm lá rách”

8.4. Các hoạt động phòng chống

I. Trách nhiệm của chính quyền các cấp

Ủy ban nhân dân các cấp trong khu vực biển, sóng thần có trách nhiệm huy động mọi nguồn lực trên địa bàn khu vực phòng ngừa và phòng chống, tập trung ưu tiên thực hiện các hoạt động sau:

1. Bố trí nhân lực cho những người bị mất nhà cửa;

2. Cung cấp thông tin, thực phẩm, nước uống, quần áo và nhu cầu thiết yếu khác cho những người bị thiên tai;

3. Hỗ trợ di chuyển, phòng, chống dịch bệnh cho khu vực bị thiên tai;

4. Tổ chức thiêu hủy thi thể, xử lý vệ sinh môi trường khu vực bị thiên tai;

5. Hỗ trợ người lập kế hoạch sơ tán: nhà; các công trình cấp nước, cấp điện; trường học; trung tâm; mạng lưới thông tin; công trình giao thông, thu gom rác;

6. Giám sát cách thức giao thông;

7. Hỗ trợ khôi phục sản xuất của nhân dân.

8. Đánh giá nhanh thiên tai, nhu cầu cứu trợ khẩn cấp và kế hoạch sơ tán nhân dân, chỉ đạo người quy định theo thẩm quyền và kế hoạch của địa phương, người thi báo cáo cấp trên và các cơ quan chức năng có thẩm quyền xin ý kiến chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời.

II. Trách nhiệm của công dân:

1. Chấp hành khôi phục nhà cửa mình ngay khi hết các gia đình khác

2. Tham gia cùng công dân làm sạch vệ sinh môi trường;

3. Tham gia khôi phục các công trình công cộng của địa phương theo kế hoạch của chính quyền xã;

4. Chấp hành kế hoạch sản xuất, nhanh chóng nhận viện trợ.

Ph n 5
TRÁCH NHI M C A LÃNH O CÁC C P

Ch ng 9
TRÁCH NHI M C A CHÍNH PH , CÁC B , NGÀNH TRUNG NG

ì v i m i lo i hình thiên tai, m i B , ngành có trách nhi m khác nhau nên không th có h ng d n chung. Vì v y n i dung c a Ph n II ch h th ng hóa các quy nh c th v trách nhi m c a Chính ph , Th t ng Chính ph và c a m t s B , ngành ì v i m i lo i hình thiên tai ã c quy nh trong các v n b n quy ph m pháp lu t hi n hành trong l nh v c phòng, ch ng thiên tai, l t bão, giúp cho vi c tra c u thu n l i trong quá trình th c thi nhi m v ch o, ch huy phòng, ch ng l t, bão, tìm ki m c u n n và kh c ph c h u qu .

9.1. Trách nhi m c a Chính ph , Th t ng Chính ph

I. Trách nhi m chung

1. Chính ph th ng nh t qu n lý Nhà n c v công tác phòng, ch ng l t, bão và kh c ph c h u qu l t, bão trong ph m vi c n c; quy nh c th vi c phân công trách nhi m, phân c p qu n lý nhà n c v công tác phòng, ch ng l t, bão. (1)

2. Ch trì biên so n, trình Qu c h i phê chu n các v n b n lu t, pháp l nh liên quan n phòng, ch ng và kh c ph c h u qu thiên tai; ch o các B , ngành biên so n và ký ban hành các Ngh nh thi hành lu t, pháp l nh ã c Qu c h i thông qua.(2)

II. Trách nhi m c th khi x y ra thiên tai

1. Bão

- Khi bão l n, ph m vi nh h ng r ng, d báo b tr c ti p vào n c ta, Th t ng Chính ph ban hành công i n kh n c p, ng th i ch o tr c ti p các B , ngành và a ph ng tri n khai các bi n pháp c p bách phòng, ch ng bão.(3)

- Th t ng Chính ph ra quy t nh v các bi n pháp kh n c p ch ng bão.(4)

- Khi tình tr ng kh n c p c ban b , Th t ng Chính ph quy t nh thành l p Ban ch o và quy nh ch làm vi c c a Ban ch o giúp Th t ng tri n khai thi hành Ngh quy t c a U ban Th ng v Qu c h i ho c L nh c a Ch t ch n c ban b tình tr ng kh n c p.(5)

- Trong tình hu ng kh n c p, Th t ng Chính ph , Ch t ch U ban nhân dân các c p có quy n huy ng l c l ng, v t t , ph ng ti n c a b t k t ch c, cá nhân nào c u h ng i, c u h công trình và tài s n b l t, bão uy hi p, gây h h i. (6)

2. L l t

- Khi có l l n trên các h th ng sông, đ báo nh h ng n an toàn c a h th ng ê và i s ng c a nhân dân, Th t ng Chính ph ban hành công i n k h n c p, ng th i ch o tr c ti p các B , ngành và a ph ng tri n khai các bi n pháp c p bách phòng, ch ng l .(7)

- Chính ph quy nh c th các bi n pháp di dân an toàn, b o m s n xu t và i s ng nhân dân, kh c ph c h u qu ng p l t, tr c p cho nhân dân vùng b nh h ng thiên tai.(8)

- Th t ng Chính ph ra quy t nh v các bi n pháp kh n c p ch ng l .(9)

- Quy t nh bi n pháp i phó v i l , l t trong tr ng h p kh n c p, ch o các B , c quan ngang B và y ban nhân dân c p t nh th c hi n vi c h ê b o m an toàn ê i u.(10)

3. L quét, s t l t

Chính ph ưu tiên u t kinh phí cho:

- L p quy ho ch phân vùng nguy c l quét, s t l t; di chuy n dân ra kh i vùng bãi b i ven sông, su i, vùng s n i, núi, vùng ven taluy ng giao thông có nguy c s t l t cao; (11)

- Xây d ng các đ án làm ng giao thông vào n các thôn, b n c bi t là các vùng sâu, vùng xa, vùng đ b chia c t khi có m a l ; xây d ng các c u, c ng kh n ng tiêu thoát l , các ng m qua sông su i b o m kh n ng thoát l ; xây d ng h th ng c nh báo i v i vùng có nguy c l quét, s t l t; (12)

- L p t thi t b quan tr c, thi t b báo ng ch ng phòng tránh l quét, s tán dân ra kh i các vùng nguy hi m...(13)

4. ng t, sóng th n

- Chính ph , Th t ng Chính ph ban hành các v n b n quy ph m pháp lu t v báo tin ng t, c nh báo sóng th n.(14)

- Th t ng Chính ph quy t nh thành l p H i ng th m nh qu c gia các k ch b n c nh báo sóng th n; quy t nh cho phép s d ng các k ch b n này trong ho t ng c nh báo sóng th n.(15)

5. Kh c ph c h u qu .

Chính ph quy t nh và ch o các B , c quan ngang B , c quan thu c Chính ph và y ban nhân dân các c p th c hi n vi c kh c ph c h u qu l t, bão, l quét, ng t, sóng th n.(16)

9.2. Trách nhiệm của Ban chấp hành phòng, chuyên nghiệp, bảo Trung tâm

I. Trách nhiệm chung

1. Ban chấp hành phòng, chuyên nghiệp, bảo Trung tâm do Thủ tướng Chính phủ thành lập. Tổ chức, nhiệm vụ và quy định của Ban chấp hành phòng, chuyên nghiệp, bảo Trung tâm do Thủ tướng Chính phủ quy định. (17)

2. Chịu trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước và nhân dân trong việc triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. (18)

3. Tổng hợp tình hình, xu hướng và Thủ tướng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định các biện pháp phòng, chuyên nghiệp và khắc phục hậu quả lũ lụt, bảo trong phạm vi chức năng. (19)

II. Trách nhiệm cụ thể khi xảy ra thiên tai

1. Bão

- Ban hành các công việc khẩn cấp đối với các B, ngành và địa phương triển khai các biện pháp ứng phó với bão. (20)

- Ra quyết định cảnh báo bão trong phạm vi chức năng. (21)

- Trình Chính phủ xét duyệt hoặc giúp Chính phủ xét duyệt chỉ định lực lượng, quy hoạch, kế hoạch, các phòng an phòng, chuyên nghiệp; phối hợp ưu tiên và kiểm tra, giám sát việc cấp báo, các hoạt động phòng, chuyên nghiệp và khắc phục hậu quả do bão của các B, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ và các cấp chính quyền địa phương. (22)

- Tiếp nhận và xử lý theo chức năng, nhiệm vụ các bản tin cảnh báo, dự báo áp suất thấp, bão do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp; chịu trách nhiệm, giám sát Ban Chỉ huy phòng, chuyên nghiệp và Tìm kiếm cứu nạn các B, ngành, địa phương tổ chức trực ban, theo dõi, tiếp nhận, xử lý bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai theo quy định; cung cấp kịp thời các thông tin thiết yếu liên quan và áp suất thấp, bão, lũ cho Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung, phối hợp chỉ đạo các bản tin dự báo khi cần thiết. (23)

2. Lũ

- Ban hành các công việc khẩn cấp đối với các B, ngành và địa phương triển khai các biện pháp ứng phó với lũ. (24)

- Ra quyết định cảnh báo lũ lụt trong phạm vi chức năng. (25)

- Chịu trách nhiệm xử lý các tình huống khẩn cấp và khắc phục hậu quả lũ lụt trong phạm vi chức năng; chịu trách nhiệm ưu tiên các hành động trong việc tham gia cứu trợ theo quy trình và hành động công trình. (26)

- Quy định huy động nhân lực, vật tư, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trong cộng đồng, cơ sở địa phương tình huống cấp bách vượt quá khả năng xử lý của địa phương. (27)

3. L ượt, s t l ết

Ch ờ :

- L p b n phân vùng nguy c l ượt, s t l ết; quy ho ch di chuy n dân ra kh i vùng bãi b i ven sông, su i, vùng s n i, núi, vùng ven taluy ng giao thông có nguy c s t l ết; (28)

- Xây d ng các d án làm ng giao thông vào n các thôn, b n c bi t là các vùng sâu, vùng xa, vùng d b chia c t khi có m a l ; (29)

- Xây d ng các c u, c ng kh n ng tiêu thoát l , các ng m qua sông su i b o m cao thoát l ; (30)

- Xây d ng h th ng c nh báo i v i vùng có nguy c l ượt, s t l ết; (31)

- L p t thi t b quan tr c, thi t b báo ng ch ng phòng tránh, s tán dân...(32)

- Ti p nh n các thông tin v áp th p nhi t i, bão, l trên các sông chính trong c n c và c nh báo v l ượt do B Tài nguyên và Môi tr ng cung c p ch ờ, ôn c Ban Ch huy phòng, ch ng l t, bão và Tìm ki m c u n n các B , ngành, a ph ng t ch c tr c ban, theo dõi và x lý các tình hu ng khi có l ượt, s t l ết x y ra.(33)

4. ng t, sóng th n

- Yêu c u B Tài nguyên và Môi tr ng ch ờ các c quan ch c n ng cung c p y , k p th i các thông tin khí t ng, th y v n; (34)

- Yêu c u Vi n Khoa h c và Công ngh Vi t Nam ch ờ Vi n V t lý a c u cung c p y , k p th i các thông tin v ng t, c nh báo sóng th n theo quy nh.(35)

- Ch ừ, ph i h p v i y ban Qu c gia Tìm ki m, C u n n và các B , ngành, a ph ng liên quan ch ờ, h ng d n công tác phòng ng a, ng phó và kh c ph c h u qu ng t, sóng th n; t ng h p chung, xu t bi n pháp x lý, báo cáo Th t ng Chính ph quy t nh các bi n pháp c n thi t.(36)

- Ph i h p v i y ban Qu c gia Tìm ki m, C u n n và các B , ngành, a ph ng liên quan ch ờ vi c phòng ch ng, t ch c c u h , c u n n nh m gi m thi u thi t h i khi có ng t, sóng th n.(37)

- Cung c p k p th i thông tin th c t liên quan n sóng th n cho Vi n V t lý a c u.(38)

- Ch ờ vi c l p quy ho ch và xây d ng h th ng báo ng tr c canh c nh báo sóng th n cho các vùng có nguy c cao. (39)

- Ki m tra, ôn c các B , ngành, a ph ng th c hi n Quy ch phòng, ch ng ng t, sóng th n; t ng h p tình hình, ch ờ và xu t Th t ng Chính ph các bi n pháp c n thi t ng phó k p th i.(40)

5. Kh c ph c h u qu .

- Ch tr i, ph i h p v i các B : Nông nghi p và Phát tri n nông thôn, Tài chính, K ho ch và u t , Lao ng – Th ng binh và Xã h i và các c quan liên quan xu t, trình Th t ng Chính ph quy t nh các bi n pháp và m c h tr kh c ph c h u qu thiên tai.(41)

- Tr ng h p x y ra thiên tai nghiêm tr ng, ph m vi nh h ng r ng, Ban Ch o phòng, ch ng l t, bão Trung ng ch tr i, ph i h p v i B Ngo i giao báo cáo Th t ng Chính ph xem xét, quy t nh kêu g i c ng ng qu c t c u tr kh n c p.(42)

9.3. Trách nhi m c a y ban Qu c gia Tìm ki m, C u n n

I. Trách nhi m chung

Ch tr i, ph i h p v i Ban Ch o phòng, ch ng l t, bão Trung ng, các B , ngành, a ph ng liên quan xây d ng k ho ch, ph ng án chu n b l c l ng, ph ng ti n và t ch c th c hi n vi c tìm ki m, c u n n k p th i, có hi u qu . (43)

II. Trách nhi m c th khi x y ra thiên tai, l t, bão

1. Cung c p k p th i các thông tin th c t liên quan v áp th p nhi t i, bão, l cho B Tài nguyên và Môi tr ng b sung, i u ch nh các b n tin đ báo khi c n thi t.(44)

2. Cung c p k p th i cho B Tài nguyên và Môi tr ng các thông tin th c t v s l ng ng i và ph ng ti n trên khu v c x y ra thiên tai t p trun g c nh báo, đ báo b sung cho phù h p v i tình hình th c t c a khu v c tìm ki m, c u n n; (45)

3. L p ph ng án b trí l c l ng, ph ng ti n s n sàng th c hi n vi c tìm ki m c u h , c u n n trong các tình hu ng l , bão kh n c p.(46)

4. i u ng v t t , ph ng ti n tham gia c u h , c u n n i v i ng i, công trình khi có s c , th c hi n ng c u và x lý các tình hu ng kh n c p. (47)

5. Ch o, h ng đ n các a ph ng xây d ng các ph ng án c u h , c u n n cho các vùng có nguy c x y ra ng t, sóng th n.(48)

6. Ch tr i, ph i h p v i các c quan liên quan tri n khai k p th i công tác tìm ki m c u n n, kh c ph c h u qu khi x y ra s c do các lo i hình thiên tai.(49)

9.4. Trách nhi m c a lãnh o các B , ngành

I. Trách nhi m chung

B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn ch tr i, ph i h p v i các B , c quan ngang B , c quan thu c Chính ph giúp Chính ph trong vi c th c hi n qu n lý nhà n c v công tác phòng, ch ng l t, bão. (50)

Các B, c quan ngang B, c quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm thực hiện quy định của nhà nước về công tác phòng, chống lụt, bão theo sự phân công của Chính phủ. (51)

II. Trách nhiệm của các cơ quan khi xảy ra thiên tai

1. Bão

a) B Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chịu trách nhiệm phối hợp với Bộ Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Cứu nạn cứu hộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống bão, áp thấp nhiệt đới, bão bão trên các tàu cá của ngư dân, tàu kiểm ngư, tàu cá của các doanh nghiệp thuộc Bộ. (52)

- Chịu trách nhiệm, ôn các vị trí treo tín hiệu báo áp thấp nhiệt đới, báo bão trên các tàu cá của ngư dân, tàu kiểm ngư, tàu cá của các doanh nghiệp thuộc Bộ. (53)

b) B Tài nguyên và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm Trung tâm dự báo Khí tượng - Thủy văn quốc gia tổ chức thực hiện công tác dự báo khí tượng, thủy văn, dự báo mưa, lũ, bão, áp thấp nhiệt đới và nước biển dâng trong phạm vi chức năng. (54)

- Xây dựng mạng lưới quan trắc khí tượng, quan trắc mưa, quan trắc thủy văn trên các sông, hồ và trên biển, lắp đặt máy móc thiết bị thu thập tài liệu, phục vụ hiệu quả công tác cảnh báo lũ trên sông, bão, áp thấp nhiệt đới và thiên tai trên biển. (55)

c) B Quốc phòng:

- Chịu trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống bão, áp thấp nhiệt đới; chịu trách nhiệm, ôn các vị trí treo tín hiệu báo bão, áp thấp nhiệt đới trên các tàu thuyền thuộc Bộ Quốc phòng. (56)

- Chịu trách nhiệm Bộ Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Cứu nạn cứu hộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định, kiểm soát chế độ tàu cá trên biển, phối hợp trang bị các thiết bị an toàn, máy thông tin liên lạc, máy thu dự báo thiên tai chuyên dụng. (57)

- Phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Cứu nạn cứu hộ, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc bố trí nhân lực và vận hành các tín hiệu báo áp thấp nhiệt đới, báo bão. (58)

- Tổ chức các chuyến bay quan sát, thông báo, bố trí nhân lực báo áp thấp nhiệt đới, báo bão. (59)

- Chịu trách nhiệm Bộ Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Cứu nạn cứu hộ, Bộ Quốc phòng nghiên cứu phát triển các biện pháp thông tin liên lạc dự báo thiên tai trên hệ thống thông tin liên lạc do Bộ quy định. (60)

- Tiếp nhận các thông tin thời tiết và tình hình thiên tai xảy ra do các cơ quan chức năng tàu thuyền hoạt động trên biển chuyển; thông báo cho Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Cứu nạn cứu hộ, Bộ Quốc phòng, Bộ Quốc gia

Tìm kiếm, C u n n và B Tài nguyên và Môi trường cho các cơ quan báo, đ báo bổ sung khi cần thiết.(61)

d) B Giao thông Vận tải:

- Cho, kiểm tra, ôn các vị trí treo tín hiệu báo áp dụng nhất, báo trên các tàu, thuyền vận tải, tàu du lịch. (62)

- Cho Công ty Thông tin internet Hàng hải Việt Nam nâng cao chất lượng phát sóng và tăng cường vùng phủ sóng thông tin cho các tàu, thuyền đánh bắt xa bờ. (63)

- Cho Công ty Thông tin internet Hàng hải Việt Nam thực hiện việc truyền phát tin áp dụng nhất, báo trên các kênh thông tin của hệ thống Đài thông tin Duyên hải Việt Nam cho các tàu, thuyền hoạt động trên biển. (64)

e) B Công nghiệp (nay là B Công Thương):

Chỉ, phê duyệt và B Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho Tổng công ty internet Việt Nam nghiên cứu, sản xuất các máy thu dữ liệu thời tiết chuyên dùng; kiểm tra vị trí lắp đặt máy phù hợp cho tàu, thuyền đánh bắt trên biển. (65)

f) B Bộ chính Việt Nam (nay là B TT-TT):

- Lập quy hoạch, kế hoạch và chỉ đạo thực hiện việc mở rộng mạng thông tin phòng, chống lụt, bão thông suốt trong mọi tình huống, đặc biệt khi lũ, bão đang xảy ra. (66)

- Chỉ, phê duyệt và các B, ngành quy hoạch, phân bổ ngân sách và công tác cơ quan báo, đ báo thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên biển. (67)

- Cho các doanh nghiệp thông tin di động mở rộng vùng phủ sóng các tàu, thuyền đánh bắt hải sản gần bờ có thể thu tin cơ quan báo, đ báo thiên tai qua máy internet di động. (68)

- Cho các đơn vị trực thuộc B, các doanh nghiệp và các mạng bộ chính, viễn thông phê duyệt và quản lý chuyên ngành của các B, ngành dành ưu tiên cao nhất cho việc thu, nhận và chuyển tin áp dụng nhất, báo, l do B Tài nguyên và Môi trường cung cấp, thông tin cho các Bộ, ngành Chính phủ, các Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm, Cứu nạn, Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn các cấp tại các ngành, các cấp, các địa phương, các tàu thuyền hoạt động trên biển và cộng đồng dân cư vùng phòng, tránh. (69)

g) B Thông tin-Truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tin xã hội Việt Nam và các cơ quan thông tin, báo chí:

- Tăng cường công tác truyền tin, thông báo chính xác, kịp thời các tin dữ liệu, cơ quan báo và thời tiết, lũ, bão, thiên tai; các chương trình, minh bạch, chất lượng và

phòng, ch ng và kh c ph c h u qu l , bão và các kinh nghi m, các i n hình trong công tác phòng, ch ng và kh c ph c h u qu l t, bão.(70)

- Thông t n xã Vi t Nam, ài Tì ng nói Vi t Nam, ài Truy n hình Vi t Nam, Báo Nhân dân, Báo Quân i nhân dân có trách nhi m ng t i ngay toàn v n Ngh quy t c a U ban Th ng v Qu c h i ho c L nh c a Ch t ch n c ban b tình tr ng kh n c p, các quy t nh c a Th t ng Chính ph t ch c thi hành Ngh quy t c a U ban Th ng v Qu c h i ho c L nh c a Ch t ch n c ban b tình tr ng kh n c p; a tin k p th i v các bi n pháp ã c áp d ng t i a bàn có tình tr ng kh n c p và tình hình kh c ph c h u qu do bão.(71)

2. L

a) B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn:

- Ch o, ki m tra, ôn c các a ph ng hoàn thành k ho ch tu b ê i u hàng n m; xây d ng các công trình th y l i theo tì n v t l ; có ph ng án b o v an toàn cho các h , p và các công trình do B qu n lý.(72)

- Ch o, ph i h p v i các a ph ng trong vi c b trí c c u s n xu t, mùa v , b o v s n xu t các vùng th ng xuyên b l ; t ch c b o v , ph c h i r ng phòng h u ngu n các sông, su i, h ch a n c, nh ng vùng th ng x y ra l quét và r ng phòng h vùng c a sông, ven bi n.(73)

- Ch u trách nhi m tr c Chính ph trong vi c ch o công tác h ê.(74)

- Ch o, ki m tra ch các công trình h ch a th y l i có dung tích t 10 tri u m³ tr lên và có c a x i u ti t l cung c p các thông tin, s li u i u ti t, v n hành các h ch a cho B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn và các c quan liên quan ph c v ra b n tin c nh báo, đ báo l cho vùng h l u.(75)

- Quy t nh theo th m quy n ho c trình Th t ng Chính ph quy t nh vi c huy ng l c l ng, v t t , ph ng tì n h ê, kh c ph c h u qu do l , l t gây ra i v i ê i u.(76)

b) B Qu c phòng:

- L p ph ng án b trí l c l ng, ph ng tì n s n sàng tham gia h ê, c u h p.(77)

- Ph i h p v i B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn ch o, ki m tra th c hi n vi c t ch c l c l ng, ph ng tì n, ph ng án và tri n khai l c l ng h ê.(78)

- Ch o th c hi n ng c u và x lý các tình hu ng kh n c p; m b o quân i là l c l ng ch l c trong th c hi n nhi m v h ê.(79)

c) B Giao thông V n t i:

- Chu n b l c l ng, ph ng tiên, v t t đ phòng; t ch c thu th p, x lý thông tin v c nh báo, đ báo liên quan n l t, bão ch o m b o an toàn cho v n t i

trên biển, trên sông, đường sắt, đường bộ và giao thông phục vụ công tác hàng hải trong mùa mưa bão.(80)

- Đường bộ và thay thế khi cần, đường bộ có sơ cấp hàng, bộ phận mở thông suốt cho các tuyến giao thông chính, quan trọng.(81)

- Chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện tham gia xử lý khi xảy ra các sự cố lớn của đội, huyện.(82)

d) B Công nghiệp (nay là B Công Thương):

- Chỉ đạo, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ xây dựng và thực hiện phương án bảo đảm an toàn các công trình thủy điện; chỉ đạo thực hiện vận hành hồ chứa thủy điện theo đúng quy trình vận hành đã phê duyệt.(83)

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các công trình hồ chứa thủy điện có công suất lắp máy lớn hơn 30 MW cung cấp các thông tin, số liệu liên tục, vận hành các hồ chứa phục vụרב tin cậy báo, dự báo lũ cho vùng hạ lưu.(84)

e) B Xây dựng:

Chỉ đạo, phối hợp và hướng dẫn các địa phương thực hiện quy hoạch xây dựng các khu dân cư, khu công nghiệp, khu vực phát triển nông thôn sinh kế, các khu du lịch... công nghệ ghép vữa nhồi vữa bảo đảm an toàn phòng, chống lũ, bão.(85)

f) B Công an:

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng công an địa phương và thực hiện phương án bảo đảm trật tự, an ninh khu vực xung yếu thường xuyên bị lũ.(86)

- Phối hợp với lực lượng quân đội, các ngành, địa phương tham gia cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.(87)

g) B Kế hoạch và Đầu tư:

Chỉ đạo, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí kinh phí cho các công trình phòng, chống lũ, nâng công trình nông phó và tình huống khẩn cấp và lũ lụt. Trong kế hoạch phân bổ ngân sách hàng năm, bố trí kinh phí thành một hạng mục riêng đầu tư cho các dự án xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa đội, quận, huyện, xã và các vùng lũ quét.(88)

h) B Thương mại (nay là B Công Thương):

Chỉ đạo, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trung tâm mùa lũ, bão hàng năm có kế hoạch chuẩn bị các mặt hàng thiết yếu cung cấp cho nhân dân, nhất là các vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị lũ sâu và kéo dài; phối hợp với chính quyền địa phương các cấp thực hiện trợ cấp phòng tránh.(89)

i) B Giáo d c và ào t o:

Ch o l p quy ho ch xây d ng các c s ào t o phù h p v i c i m l , bảo c a t ng vùng, a ph ng b o m an toàn cho h c sinh và tránh b nh h ng do l t, bão.(90)

k) B Y t :

D trù thu c, ph ng ti n y t , h ng d n cho cán b y t và c ng ng bi t các k thu t c p c u thông th ng, cách làm v sinh môi tr ng, t ch c c p c u n n nhàn, phòng, ch ng b nh d ch tr c, trong và sau khi l l t x y ra. (91)

3. L quét, s t l t

a) B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn:

Ch o, ph i h p v i các a ph ng trong vi c t ch c b o v , ph c h i r ng phòng h u ngu n các sông, su i, h ch a n c, nh ng vùng th ng x y ra l quét.(92)

b) B Tài nguyên và Môi tr ng:

T ch c vi c thu th p và x lý thông tin, th c hi n c nh báo, d báo, cung c p k p th i tin chính th c v áp th p nhi t i, bão, l trên các sông chính trong c n c và c nh báo v l quét cho Ban Ch o phòng, ch ng l t, bão Trung ng , các B , ngành, các a ph ng liên quan và các ph ng ti n thông tin i chúng. (93)

c) B Công nghi p (nay là B Công Th ng):

Ch o th c hi n vi c m b o an toàn các khu v c khai thác khoáng s n, an toàn v ngu n i n và ng dây t i i n và các c s công nghi p do ngành qu n lý.(94)

4. ng t, sóng th n;

a) B Tài nguyên và Môi tr ng:

- Ch o Trung tâm Khí t ng Thu v n qu c gia t ch c quan tr c và truy n s li u m c n c bi n ph c v trao i qu c t và ph c v công tác c nh báo sóng th n.(95)

- Ch trì, ph i h p v i các c quan liên quan xây d ng các k ch b n v c nh báo sóng th n, trình Th t ng Chính ph phê duy t. (96)

b) B Qu c phòng:

Có ph ng án, k ho ch b trí l c l ng, ph ng ti n s n sàng tham gia ng c u và x lý các tình hu ng kh n c p và kh c ph c h u qu khi x y ra ng t, sóng th n.(97)

c) B Giao thông V n t i

- Xây d ng ph ng án huy ng ph ng ti n ph c v s tán dân, tìm ki m, c u n n khi x y ra ng t, sóng th n.(98)

- Ch o ài thông tin Duyên h i th ng tr c nh n và phát tin c nh báo k p th i v sóng th n; các Trung tâm c u h hàng h i th c hi n vi c tìm ki m c u n n khi x y ra sóng th n.(99)

d) B Xây d ng:

Ch o rà soát quy ho ch xây d ng các khu ô th , khu công nghi p, khu du l ch phù h p v i phân vùng ng t, sóng th n. (100)

e) B B u chính Vi n thông (nay là B TT-TT):

- Ch o các doanh nghi p b u chính, vi n thông nâng cao t c , ch t l ng các ng truy n k t n i gi a các B , ngành liên quan v i nhau và v i h th ng các ài thông tin duyên h i, h th ng thông tin c a B i Biên phòng, ph c v công tác c nh báo, đ báo thiên tai và tìm ki m c u n n; chuy n k p th i thông tin c nh báo v ng t, sóng th n t Vi n V t lý a c u n ài Truy n hình Vi t Nam, ài Ti ng nói Vi t Nam và các c quan h u quan. (101)

- Ch o các doanh nghi p B u chính, Vi n thông m b o liên l c chuy n k p th i thông tin c nh báo v ng t, sóng th n t Vi n V t lý a c u n ài Truy n hình Vi t Nam, ài Ti ng nói Vi t Nam và các c quan h u quan; m b o thông tin liên l c ph c v công tác ch o, i u hành vi c phòng, ch ng và kh c ph c h u qu ng t, sóng th n.(102)

f) B Công an :

L p k ho ch và ph ng án m b o an ninh, tr t t an toàn xã h i khi có ng t, sóng th n x y ra.(103)

g) B Khoa h c và Công ngh :

- Ch o, t ch c nghi n c u các ph ng pháp, gi i pháp khoa h c công ngh quan tr c ng t và c nh báo sóng th n.(104)

- Ch trì H i ng Th m nh qu c gia th m nh các k ch b n c nh báo sóng th n tr c khi a vào áp d ng.(105)

- Ph i h p v i y ban Qu c gia Tìm ki m, C u n n và các c quan liên quan xây d ng ph ng th c h p tác qu c t trong l nh v c tìm ki m c u n n khi x y ra sóng th n trong khu v c.(106)

h) B Ngo i giao:

- Ch o và h ng đ n các c quan thu c B Ngo i giao, i đi n ngo i giao, lãnh s c a Vi t Nam n c ngoài ph i h p v i các n c và các t ch c qu c t h p tác, giúp trong công tác tìm ki m, c u n n và kh c ph c h u qu ng t, sóng th n ho c s c tai n n ngoài lãnh th và vùng bi n Vi t Nam. (107)

- Chức năng và hình thức của các cơ quan in ấn ở Việt Nam các nước có biên giới chung và biên giới kinh tế là cùng cung cấp thông tin, bao gồm nội dung và truyền tin về kinh nghiệm xã hội và sống tốt đẹp của nhân dân Việt Nam.(108)

i) Về Khoa học và Công nghệ Việt Nam:

- Về vai trò của các cơ quan Khoa học và Công nghệ Việt Nam chịu trách nhiệm: xây dựng mạng lưới quản lý nhà nước, thu thập thông tin tầm mức quản lý nhà nước trong nước và ngoài nước, thu thập thông tin sống tốt đẹp tầm mức quản lý nhà nước sống tốt đẹp và mạng lưới quản lý nhà nước bên ngoài trong nước phục vụ báo tin ngắn, tin báo sống tốt đẹp.(109)

Là cơ quan duy nhất có thẩm quyền phát tin ngắn, tin báo sống tốt đẹp trên lãnh thổ Việt Nam. (110)

- Chức năng, phạm vi và nhiệm vụ Báo Thông tin và Truyền thông, Báo Tài nguyên và Môi trường và các Báo, ngành, báo phải liên quan kiểm tra, theo dõi việc truyền phát các quan trọng tin báo sống tốt đẹp của các cơ quan chức năng phòng, chức năng và chức năng.(111)

- Chức năng Việt Nam vai trò của các cơ quan truyền tin ngắn, tin báo sống tốt đẹp.(112)

- Chức năng Việt Nam vai trò của các báo và cung cấp các báo tin báo sống tốt đẹp; cung cấp kịp thời các báo tin cho các cơ quan theo quy định của Quy chế báo tin ngắn, tin báo sống tốt đẹp.(113)

k) Báo Thông tin-Truyền thông, Báo Truyền hình Việt Nam, Báo Tiếng nói Việt Nam, Thông tin xã hội Việt Nam và các cơ quan thông tin, báo chí:

- Xây dựng phương thức tiếp nhận tin ngắn, tin báo sống tốt đẹp Việt Nam vai trò của các đài, bộ môn chuyên xác và kịp thời;(114)

- Thông tin kịp thời, chính xác và ngay lập tức, diện rộng của ngắn, sống tốt đẹp nhân dân biết, kịp thời phòng, tránh.(115)

5. Các chức năng.

a) Báo Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Khi kết thúc thiên tai, các Báo truyền, Thông tin các quan ngành Báo chức năng các cơ quan liên quan kiểm tra, đánh giá thiệt hại, xác nhận ưu tiên, xây dựng phương án khôi phục và tái thiết, huy động nguồn lực của các Báo, ngành tổ chức khôi phục và tái thiết.(116)

Trên cơ sở nhu cầu vượt quá kinh nghiệm của Báo, ngành báo cáo Thông tin Chính phủ quy định hình thức bố trí vào kế hoạch tài chính năm sau khôi phục và tái thiết sau thiên tai.(117)

b) B Qu c phòng:

Ch o các n v b i óng quân trên a bàn có thiên tai x y ra, huy ãng l c l ãng, ph ãng t i n giúp ãnh dân a ph ãng th c hi n kh c ph c h u qu l , bão.(118)

Tr ãng h p thiên tai x y ra trên di n r ãng, m c ãng nghiêm tr ãng, th c hi n vi c i u chuy n các n v b i óng quân n i khác v giúp a ph ãng có thiên tai x y ra, th c hi n giúp ãnh dân, chính quy n a ph ãng kh c ph c h u qu .(119)

c) B K ho ch và u t :

K p th i b trí kinh phí t ãng sách nhà n c h tr a ph ãng kh c ph c h u qu theo quy t ãnh c a Th t ãng Chính ph .(120)

d) B Tài chính:

Ph i h p v i Ban ch o phòng, ch ãng l t, bão Trung ãng, B ãng ãng nghi p và Phát tri n ãng ãnh, V n phòng Chính ph , t ãng h p tình hình thi t h i do thiên tai, xu t bi n pháp h tr tài chính và v t ch t cho các a ph ãng s m kh c ph c h u qu , trình Th t ãng Chính ph xem xét, quy t ãnh. (121)

e) B Lao ãng - Th ãng binh và Xã h i:

Ban hành và t ch c th c hi n các chính sách c u tr xã h i trong vi c kh c ph c h u qu bão, l , thiên tai; h ãng d n và ki m tra vi c th c hi n c u tr các a ph ãng.(122)

GHI CHÚ

(1) : i u 33, “**Pháp l nh phòng, ch ng l t, bão**”; s **9_L/CTN**, ngày 20 tháng 3 n m 1993.

(2) : (Ch c n ng nhi m v c a Chính Ph)

(3) : (Th c ti n i u hành ch ng bão c a Th t ng Chính ph)

(4) : i u 20, “**Pháp l nh phòng, ch ng l t, bão**”; s **9_L/CTN**, ngày 20 tháng 3 n m 1993.

(5) : i u 4, “**Ngh nh c a Chính ph , Quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Pháp l nh Tình tr ng kh n c p trong tr ng h p có th m ho l n, d ch b nh nguy hi m**”, s **71/2002/N _CP**; ngày 23 tháng 7 n m 2002.

(6) : i u 35, “**Lu t ê i u**” s **79/2006/QH11**, ngày 29 tháng 11 n m 2006.

(7) : (Th c ti n i u hành ch ng l c a Th t ng Chính ph)

(8) : i u 22, “**Pháp l nh s a i, b sung m t s i u c a Pháp l nh phòng, ch ng l t, bão**”; s **27/2000/PL_UBTVQH10**, ngày 24 tháng 8 n m 2000.

(9) : i u 20, “**Pháp l nh phòng, ch ng l t, bão**”; s **9_L/CTN**, ngày 20 tháng 3 n m 1993.

(10) : i u 34, “**Lu t ê i u**” s **79/2006/QH11**, ngày 29 tháng 11 n m 2006.

(11) : i u 3, “**Ngh nh quy nh chi ti t m t s i u c a Pháp l nh phòng, ch ng l t, bão ã c s i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000**”, Ngh nh s **08/2006/N -CP** ngày 16 tháng 01 n m 2006.

(12) : i u 3, “**Ngh nh quy nh chi ti t m t s i u c a Pháp l nh phòng, ch ng l t, bão ã c s i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000**”, Ngh nh s **08/2006/N -CP** ngày 16 tháng 01 n m 2006 .

(13) : i u 3, “**Ngh nh quy nh chi ti t m t s i u c a Pháp l nh phòng, ch ng l t, bão ã c s i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000**”, Ngh nh s **08/2006/N -CP** ngày 16 tháng 01 n m 2006.

(14) : i u 11, “**Quy ch báo tin ng t, c nh báo sóng th n, t i Quy t nh s 264/2006/Q -TTg**”, ngày 16 tháng 11 n m 2006.

(15) : i u 11, “**Quy ch báo tin ng t, c nh báo sóng th n, t i Quy t nh s 264/2006/Q -TTg**”, ngày 16 tháng 11 n m 2006.

(16) : i u 26, “**Pháp l nh s a i, b sung m t s i u c a Pháp l nh phòng, ch ng l t, bão**”; s **27/2000/PL_UBTVQH10**, ngày 24 tháng 8 n m 2000.

(17) : i u 34, “**Pháp l nh s a i, b sung m t s i u c a Pháp l nh phòng, ch ng l t, bão**”; s **27/2000/PL_UBTVQH10**, ngày 24 tháng 8 n m 2000.

(18) : i u 10, “*Nghị định Chính phủ quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp của Ban chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương, Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn các Bộ, ngành và địa phương*”, số 14/2010/N-CP, ngày 27 tháng 02 năm 2010.

(19) : i u 11, “*Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão đã có sẵn, bổ sung ngày 24 tháng 8 năm 2000*”, số 08/2006/N-CP, ngày 16 tháng 01 năm 2006.

(20) : i u 11, “*Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão đã có sẵn, bổ sung ngày 24 tháng 8 năm 2000*”, Nghị định số 08/2006/N-CP ngày 16 tháng 01 năm 2006

(21) : i u 20, “*Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão*”; số 9-L/CTN, ngày 20 tháng 3 năm 1993.

(22) : i u 34, “*Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão*”; số 9-L/CTN, ngày 20 tháng 3 năm 1993.

(23) : i u 13, “*Quy chế báo áp dụng pháp luật về bão, lũ, ban hành thi Quy định số 17/2011/Q-TTg*”, ngày 14 tháng 3 năm 2011.

(24) : i u 13, “*Quy chế báo áp dụng pháp luật về bão, lũ, ban hành thi Quy định số 17/2011/Q-TTg*”, ngày 14 tháng 3 năm 2011.

(25) : i u 20, “*Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão*”; số 9-L/CTN, ngày 20 tháng 3 năm 1993.

(26) : i u 34, “*Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão*”; số 9-L/CTN, ngày 20 tháng 3 năm 1993.

(27) : i u 10, “*Nghị định Chính phủ quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp của Ban chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương, Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn các Bộ, ngành và địa phương*”, số 14/2010/N-CP, ngày 27 tháng 02 năm 2010.

(28) : i u 34, “*Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão*”; số 9-L/CTN, ngày 20 tháng 3 năm 1993.

(29) : i u 34, “*Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão*”; số 9-L/CTN, ngày 20 tháng 3 năm 1993.

(30) : i u 34, “*Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão*”; số 9-L/CTN, ngày 20 tháng 3 năm 1993.

(31) : i u 34, “*Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão*”; số 9-L/CTN, ngày 20 tháng 3 năm 1993.

(32) : i u 34, “*Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão*”; số 9-L/CTN, ngày 20 tháng 3 năm 1993.

(33): i u 34, “*Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão*”; s 9_L/CTN, ngày 20 tháng 3 năm 1993.

(34): i u 10, “*Nghị định Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thành phần cơ cấu của Ban chấp hành, chống lụt, bão Trung ương, Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn các Bộ, ngành và địa phương*”, s 14/2010/N _CP, ngày 27 tháng 02 năm 2010.

(35): i u 10, “*Nghị định Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thành phần cơ cấu của Ban chấp hành, chống lụt, bão Trung ương, Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn các Bộ, ngành và địa phương*”, s 14/2010/N _CP, ngày 27 tháng 02 năm 2010.

(36): i u 16, “*Quy chế phòng, chống lụt, bão, sóng thần tại Quy định số 78/2007/Q -TTg*”, ngày 29 tháng 5 năm 2007.

(37): i u 16, “*Quy chế phòng, chống lụt, bão, sóng thần tại Quy định số 78/2007/Q -TTg*”, ngày 29 tháng 5 năm 2007.

(38): i u 16, “*Quy chế phòng, chống lụt, bão, sóng thần tại Quy định số 78/2007/Q -TTg*”, ngày 29 tháng 5 năm 2007.

(39): i u 16, “*Quy chế phòng, chống lụt, bão, sóng thần tại Quy định số 78/2007/Q -TTg*”, ngày 29 tháng 5 năm 2007.

(40): i u 16, “*Quy chế phòng, chống lụt, bão, sóng thần tại Quy định số 78/2007/Q -TTg*”, ngày 29 tháng 5 năm 2007.

(41): i u 10, “*Nghị định Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thành phần cơ cấu của Ban chấp hành, chống lụt, bão Trung ương, Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn các Bộ, ngành và địa phương*”, s 14/2010/N _CP, ngày 27 tháng 02 năm 2010.

(42): i u 18, “*Nghị định Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thành phần cơ cấu của Ban chấp hành, chống lụt, bão Trung ương, Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn các Bộ, ngành và địa phương*”, s 14/2010/N _CP, ngày 27 tháng 02 năm 2010.

(43): i u 18, “*Nghị định Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thành phần cơ cấu của Ban chấp hành, chống lụt, bão Trung ương, Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn các Bộ, ngành và địa phương*”, s 14/2010/N _CP, ngày 27 tháng 02 năm 2010.

(44): i u 13, “*Quy chế báo áp dụng khẩn cấp, bão, lụt tại Quy định số 17/2011/Q -TTg*”, ngày 14 tháng 3 năm 2011.

(45): i u 10, “*Quy chế thông tin cảnh báo, d báo thiên tai trên biển tại Quy định số 133/2009/Q -TTg*”, ngày 03 tháng 11 năm 2009.

(46): i u 13, “*Quy t nh ban hành Quy ch thông tin c nh báo, d báo thiên tai trên bi n*”, s 133/2009/Q -TTg, ngày 03 tháng 11 n m 2009.

(47): i u 11, “*Ngh nh quy nh chỉ ti t m t s i u c a pháp l nh phòng, ch ng l t, bão ã c s a i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000, s 08/2006/N _CP*”, ngày 16 tháng 01 n m 2006.

(48): i u 16, “*Quy ch phòng, ch ng ng t, sóng th n t i Quy t nh s 78/2007/Q -TTg*”, ngày 29 tháng 5 n m 2007.

(49): i u 11, “*Quy ch báo tin ng t, c nh báo sóng th n, t i Quy t nh s 264/2006/Q -TTg*”, ngày 16 tháng 11 n m 2006.

(50): i u 11, “*Lu t ê i u*” s 79/2006/QH11, ngày 29 tháng 11 n m 2006.

(51): i u 42, “*Lu t ê i u*” s 79/2006/QH11, ngày 29 tháng 11 n m 2006.

(52): i u 9, “*Quy ch thông tin c nh báo, d báo thiên tai trên bi n t i Quy t nh s 133/2009/Q -TTg*”, ngày 03 tháng 11 n m 2009.

(53): i u 11, “*Quy ch báo áp th p nhi t i, bão, l t i Quy t nh s 17/2011/Q -TTg*”, ngày 14 tháng 3 n m 2011.

(54): i u 9, “*Quy ch thông tin c nh báo, d báo thiên tai trên bi n t i Quy t nh s 133/2009/Q -TTg*”, ngày 03 tháng 11 n m 2009.

(55): i u 9, “*Quy ch thông tin c nh báo, d báo thiên tai trên bi n t i Quy t nh s 133/2009/Q -TTg*”, ngày 03 tháng 11 n m 2009.

(56): i u 11, “*Quy ch báo áp th p nhi t i, bão, l t i Quy t nh s 17/2011/Q -TTg*”, ngày 14 tháng 3 n m 2011.

(57): i u 9, “*Quy ch thông tin c nh báo, d báo thiên tai trên bi n t i Quy t nh s 133/2009/Q -TTg*”, ngày 03 tháng 11 n m 2009.

(58): i u 9, “*Quy ch thông tin c nh báo, d báo thiên tai trên bi n t i Quy t nh s 133/2009/Q -TTg*”, ngày 03 tháng 11 n m 2009.

(59): i u 11, “*Quy ch báo áp th p nhi t i, bão, l t i Quy t nh s 17/2011/Q -TTg*”, ngày 14 tháng 3 n m 2011.

(60): i u 9, “*Quy ch thông tin c nh báo, d báo thiên tai trên bi n t i Quy t nh s 133/2009/Q -TTg*”, ngày 03 tháng 11 n m 2009.

(61): i u 9, “*Quy ch thông tin c nh báo, d báo thiên tai trên bi n t i Quy t nh s 133/2009/Q -TTg*”, ngày 03 tháng 11 n m 2009.

(62): i u 11, “*Quy ch báo áp th p nhi t i, bão, l t i Quy t nh s 17/2011/Q -TTg*”, ngày 14 tháng 3 n m 2011.

(63): i u 9, “*Quy ch thông tin c nh báo, d báo thiên tai trên bi n t i Quy t nh s 133/2009/Q -TTg*”, ngày 03 tháng 11 n m 2009.

(64): i u 9, “ Quy ch thông tin c nh báo, d báo thiên tai trên bi n t i Quy t nh s 133/2009/Q -TTg”, ngày 03 tháng 11 n m 2009.

(65): i u 9, “ Quy ch thông tin c nh báo, d báo thiên tai trên bi n t i Quy t nh s 133/2009/Q -TTg”, ngày 03 tháng 11 n m 2009.

(66): i u 11, “ Ngh nh quy nh chi ti t m t s i u c a pháp l nh phòng, ch ng l t, bão ã c s a i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000, s 08/2006/N _CP”, ngày 16 tháng 01 n m 2006.

(67): i u 9, “ Quy ch thông tin c nh báo, d báo thiên tai trên bi n t i Quy t nh s 133/2009/Q -TTg”, ngày 03 tháng 11 n m 2009.

(68): i u 9, “ Quy ch thông tin c nh báo, d báo thiên tai trên bi n t i Quy t nh s 133/2009/Q -TTg”, ngày 03 tháng 11 n m 2009.

(69): i u 11, “ Quy ch báo áp th p nhi t i, bão, l t i Quy t nh s 17/2011/Q -TTg”, ngày 14 tháng 3 n m 2011.

(70): i u 11, “ Ngh nh quy nh chi ti t m t s i u c a pháp l nh phòng, ch ng l t, bão ã c s a i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000, s 08/2006/N _CP”, ngày 16 tháng 01 n m 2006.

(71): i u 3, “Ngh nh c a Chính ph , Quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Pháp l nh Tình tr ng kh n c p trong tr ng h p có th m ho l n, d ch b nh nguy hi m”, s 71/2002/N _CP; ngày 23 tháng 7 n m 2002.

(72): i u 11, “ Ngh nh quy nh chi ti t m t s i u c a pháp l nh phòng, ch ng l t, bão ã c s a i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000, s 08/2006/N _CP”, ngày 16 tháng 01 n m 2006.

(73): i u 11, “ Ngh nh quy nh chi ti t m t s i u c a pháp l nh phòng, ch ng l t, bão ã c s a i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000, s 08/2006/N _CP”, ngày 16 tháng 01 n m 2006.

(74): i u 36, “Lu t ê i u” s 79/2006/QH11, ngày 29 tháng 11 n m 2006.

(75): i u 11, “ Quy ch báo áp th p nhi t i, bão, l t i Quy t nh s 17/2011/Q -TTg”, ngày 14 tháng 3 n m 2011.

(76): i u 42, “Lu t ê i u” s 79/2006/QH11, ngày 29 tháng 11 n m 2006.

(77): i u 11, “ Ngh nh quy nh chi ti t m t s i u c a pháp l nh phòng, ch ng l t, bão ã c s a i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000, s 08/2006/N _CP”, ngày 16 tháng 01 n m 2006.

(78): i u 42, “Lu t ê i u” s 79/2006/QH11, ngày 29 tháng 11 n m 2006.

(79): i u 11, “ Ngh nh quy nh chi ti t m t s i u c a pháp l nh phòng, ch ng l t, bão ã c s a i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000, s 08/2006/N _CP”, ngày 16 tháng 01 n m 2006.

- (80): i u 42, “Lu t ê i u” s 79/2006/QH11, ngày 29 tháng 11 n m 2006.
- (81): i u 11, “Ngh nh quy nh chi ti t m t s i u c a pháp l nh phòng, ch ng l t, bảo ã c s a i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000”, s 08/2006/N _CP ngày 16 tháng 01 n m 2006.
- (82): i u 42, “Lu t ê i u” s 79/2006/QH11, ngày 29 tháng 11 n m 2006.
- (83): i u 42, “Lu t ê i u” s 79/2006/QH11, ngày 29 tháng 11 n m 2006.
- (84): i u 11, “ Quy ch báo áp th p nhi t i, bảo, l t i Quy t nh s 17/2011/Q -TTg”, ngày 14 tháng 3 n m 2011.
- (85): i u 12, “ Quy ch báo áp th p nhi t i, bảo, l ” t i Quy t nh s 17/2011/Q -TTg ngày 14 tháng 3 n m 2011.
- (86): i u 42, “Lu t ê i u” s 79/2006/QH11, ngày 29 tháng 11 n m 2006.
- (87): i u 42, “Lu t ê i u” s 79/2006/QH11, ngày 29 tháng 11 n m 2006.
- (88): i u 42, “Lu t ê i u” s 79/2006/QH11, ngày 29 tháng 11 n m 2006.
- (89): i u 11, “Ngh nh quy nh chi ti t m t s i u c a pháp l nh phòng, ch ng l t, bảo ã c s a i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000, s 08/2006/N _CP”, ngày 16 tháng 01 n m 2006.
- (90): i u 11, “Ngh nh quy nh chi ti t m t s i u c a pháp l nh phòng, ch ng l t, bảo ã c s a i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000, s 08/2006/N _CP”, ngày 16 tháng 01 n m 2006.
- (91): i u 11, “Ngh nh quy nh chi ti t m t s i u c a pháp l nh phòng, ch ng l t, bảo ã c s a i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000, s 08/2006/N _CP”, ngày 16 tháng 01 n m 2006.
- (92): i u 11, “Ngh nh quy nh chi ti t m t s i u c a Pháp l nh phòng, ch ng l t, bảo ã c s a i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000”, s 08/2006/N _CP ngày 16 tháng 01 n m 2006.
- (93): i u 11, “Ngh nh quy nh chi ti t m t s i u c a pháp l nh phòng, ch ng l t, bảo ã c s a i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000, s 08/2006/N _CP”, ngày 16 tháng 01 n m 2006.
- (94): i u 11, “Ngh nh quy nh chi ti t m t s i u c a pháp l nh phòng, ch ng l t, bảo ã c s a i, b sung ngày 24 tháng 8 n m 2000, s 08/2006/N _CP”, ngày 16 tháng 01 n m 2006.
- (95): i u 11, “ Quy ch báo tin ng t, c nh báo sóng th n, t i Quy t nh s 264/2006/Q -TTg”, ngày 16 tháng 11 n m 2006.
- (96): i u 16, “ Quy ch phòng, ch ng ng t, sóng th n t i Quy t nh s 78/2007/Q -TTg”, ngày 29 tháng 5 n m 2007.

- (97) : i u 16, “ *Quy ch hng, ch ng ng t, sng th n t i Quy t nh s 78/2007/Q -TTg*”, ng 29 th ng 5 n m 2007.
- (98) : i u 16, “ *Quy ch hng, ch ng ng t, sng th n t i Quy t nh s 78/2007/Q -TTg*”, ng 29 th ng 5 n m 2007.
- (99) : i u 16, “ *Quy ch hng, ch ng ng t, sng th n t i Quy t nh s 78/2007/Q -TTg*”, ng 29 th ng 5 n m 2007.
- (100) : i u 16, “ *Quy ch hng, ch ng ng t, sng th n t i Quy t nh s 78/2007/Q -TTg*”, ng 29 th ng 5 n m 2007.
- (101) : i u 9, “ *Quy ch thng tin c nh b o, d b o thien tai trn bi n t i Quy t nh s 133/2009/Q -TTg*”, ng 03 th ng 11 n m 2009.
- (102) : i u 16, “ *Quy ch hng, ch ng ng t, sng th n t i Quy t nh s 78/2007/Q -TTg*”, ng 29 th ng 5 n m 2007.
- (103) : i u 16, “ *Quy ch hng, ch ng ng t, sng th n t i Quy t nh s 78/2007/Q -TTg*”, ng 29 th ng 5 n m 2007.
- (104) : i u 11, “ *Quy ch b o tin ng t, c nh b o sng th n, t i Quy t nh s 264/2006/Q -TTg*”, ng 16 th ng 11 n m 2006.
- (105) : i u 11, “ *Quy ch b o tin ng t, c nh b o sng th n, t i Quy t nh s 264/2006/Q -TTg*”, ng 16 th ng 11 n m 2006.
- (106) : i u 16, “ *Quy ch hng, ch ng ng t, sng th n t i Quy t nh s 78/2007/Q -TTg*”, ng 29 th ng 5 n m 2007.
- (107) : i u 16, “ *Quy ch hng, ch ng ng t, sng th n t i Quy t nh s 78/2007/Q -TTg*”, ng 29 th ng 5 n m 2007.
- (108) : i u 16, “ *Quy ch hng, ch ng ng t, sng th n t i Quy t nh s 78/2007/Q -TTg*”, ng 29 th ng 5 n m 2007.
- (109) : i u 11, “ *Quy ch b o tin ng t, c nh b o sng th n, t i Quy t nh s 264/2006/Q -TTg*”, ng 16 th ng 11 n m 2006.
- (110) : i u 11, “ *Quy ch b o tin ng t, c nh b o sng th n, t i Quy t nh s 264/2006/Q -TTg*”, ng 16 th ng 11 n m 2006.
- (111) : i u 9, “ *Quy ch thng tin c nh b o, d b o thien tai trn bi n t i Quy t nh s 133/2009/Q -TTg*”, ng 03 th ng 11 n m 2009.
- (112) : i u 16, “ *Quy ch hng, ch ng ng t, sng th n t i Quy t nh s 78/2007/Q -TTg*”, ng 29 th ng 5 n m 2007.
- (113) : i u 9, “ *Quy ch thng tin c nh b o, d b o thien tai trn bi n t i Quy t nh s 133/2009/Q -TTg*”, ng 03 th ng 11 n m 2009.

(114): i u 16, “*Quy ch ̣ phòng, ch ̣ ng ̣ ng ̣ t, s ̣ng th ̣ n t i Quy t ̣ nh s 78/2007/Q -TTg*”, ngày 29 tháng 5 n ̣ m 2007.

(115): i u 16, “*Quy ch ̣ phòng, ch ̣ ng ̣ ng ̣ t, s ̣ng th ̣ n t i Quy t ̣ nh s 78/2007/Q -TTg*”, ngày 29 tháng 5 n ̣ m 2007.

(116): i u 18, “*Ngh ̣ nh Chính ph ̣ quy ̣ nh v ̣ t ch ̣ c, nhi ̣ m v ̣ , quy n ̣ h n và c ̣ ch ph ̣ i h p c a Ban ch ̣ o h ̣ng, ch ̣ ng l ̣ t, b ̣o Trung ̣ ng, Ban ch ̣ huy phòng, ch ̣ ng l ̣ t, b ̣o và tìm ki ̣ m c u n n các B ̣ , ngành và ̣ a ph ̣ ng*”, s 14/2010/N _CP, ngày 27 tháng 02 n ̣ m 2010.

(117): i u 18, “*Ngh ̣ nh Chính ph ̣ quy ̣ nh v ̣ t ch ̣ c, nhi ̣ m v ̣ , quy n ̣ h n và c ̣ ch ph ̣ i h p c a Ban ch ̣ o h ̣ng, ch ̣ ng l ̣ t, b ̣o Trung ̣ ng, Ban ch ̣ huy phòng, ch ̣ ng l ̣ t, b ̣o và tìm ki ̣ m c u n n các B ̣ , ngành và ̣ a ph ̣ ng*”, s 14/2010/N _CP, ngày 27 tháng 02 n ̣ m 2010.

(118): i u 18, “*Ngh ̣ nh Chính ph ̣ quy ̣ nh v ̣ t ch ̣ c, nhi ̣ m v ̣ , quy n ̣ h n và c ̣ ch ph ̣ i h p c a Ban ch ̣ o h ̣ng, ch ̣ ng l ̣ t, b ̣o Trung ̣ ng, Ban ch ̣ huy phòng, ch ̣ ng l ̣ t, b ̣o và tìm ki ̣ m c u n n các B ̣ , ngành và ̣ a ph ̣ ng*”, s 14/2010/N _CP ngày 27 tháng 02 n ̣ m 2010.

(119): Th ̣ c ti ̣ n i u hành phòng, ch ̣ ng thiên tai, l ̣ t, b ̣o.

(120): Th ̣ c ti ̣ n i u hành phòng, ch ̣ ng thiên tai, l ̣ t, b ̣o.

(121): i u 6, “*Ngh ̣ nh c ̣ a Chính ph ̣ quy ̣ nh chi ̣ ti ̣ t thi hành m ̣ t s i u c ̣ a Pháp l ̣ nh tình tr ̣ ng kh ̣ n c p trong tr ̣ ng h ̣ p có th ̣ m h ̣ a l ̣ n, d ch b ̣ nh nguy hi ̣ m*”, s : 71/2002/N -CP ngày 23 tháng 07 n ̣ m 2002.

(122): i u 11, “*Ngh ̣ nh quy ̣ nh chi ̣ ti ̣ t m ̣ t s i u c ̣ a pháp l ̣ nh phòng, ch ̣ ng l ̣ t, b ̣o ̣ c s ̣ a i, b ̣ sung ngày 24 tháng 8 n ̣ m 2000, s 08/2006/N _CP*”, ngày 16 tháng 01 n ̣ m 2006.

Ch ng 10
TRÁCH NHI M C A CÁC C P CHÍNH QUY N A PH NG

Trách nhi m chung và trách nhi m c th c a chính quy n a ph ng các c p i v i t ng lo i hình thiên tai và theo các tình hu ng c th c a m i lo i hình thiên tai ã c h ng đ n c th trong Ch ng 2, Ch ng 3 và Ch ng 4 c a Ph n I nên ây không trích đ n các quy nh c a các v n b n quy ph m pháp lu t i v i chính quy n các c p.

Ph 1 c s 1

THANG C P NG T THEO THANG NG T QU C T MSK64

*(Ban hành kèm theo Quy t nh s 264/2006/Q -TTg
ngày 16 tháng 11 n m 2006 c a Th t ng Chính ph)*

<i>C p ng t (I)</i>	<i>Gia t c n n a(%g*)</i>	<i>Mô t các d u hi u</i>
I		<i>ng t không c m th y</i> m nh c a dao ng d i gi i h n c m th y; ch có máy m i phát hi n và ghi nh n c các ch n ng c a t.
II		<i>ng t ít c m th y (r t nh)</i> ng t ch c m th y b i nh ng ng i riêng l y ên t nh trong nhà, c bi t là gác trên cùng.
III		<i>ng t y u</i> ng t c m th y trong nhà b i ít ng i, ngoài tr i, ch trong nh ng i u ki n thu n l i. Ch n ng y nh t o nên b i m t xe ô tô v n t i nh ch y qua. Ng i tinh ý nh n th y v t treo u a nh , gác trên cùng thì u a m nh h n chút ít.
IV		<i>ng t nh n th y rõ</i> ng t c m th y trong nhà b i nhi u ng i; ngoài tr i b i ít ng i. ây ó, có ng i ng b t nh gi c song ch ng ai s hãi c . Ch n ng y nh t o nên b i m t xe ô tô v n t i n ng ch y qua. C a kính, c a ra vào, bát, a p l ch c ch. Sân và t ng nhà c t k t. Bàn gh c b t u rung chuy n. v t treo u a nh . N c ng trong v t h h i sóng sánh. ng t nh n th y c trong ô tô .
V	0.015 - 0.030	<i>Th c t nh</i> ng t c m th y trong nhà b i m i ng i, ngoài tr i b i nhi u ng i. Nhi u ng i nh b t nh gi c. M t s ít ng i ch y ra kh i nhà. Súc v t nh n nháo. Nhà rung toàn b . v t treo u a m nh. Khung treo nhích kh i ch . Trong tr ng h p hi m g p, ng h qu l c d ng l i. M t vài v t không v ng b l t hay xô d ch. C a s và c a ra vào ch a cài b m toan g r i l i óng s m vào. N c ng y trong bình h b sánh ra ngoài m t chút. Ch n ng y nh t o nên b i nh ng v t n ng r i trong nhà.
VI	0.03 - 0.06	<i>S h i</i> a) trong nhà c ng nh ngoài tr i, a s ng i c m th y ng t. Nhi u ng i, ang trong nhà, s h i và b ch y ra

		<p>ngoài ph. M t s ít ng i b m t th ng b ng. Gia súc tháo ch y kh i chu ng. Trong m t s ít tr ng h p, bát, a và v t b ng thu tinh có th b v ; sách trên giá b r i xu ng. Bàn gh , c n ng có th di chuy n. Có th nghe th y ti ng c a nh ng chuông nh trên tháp chuông vang lên.</p> <p>b) ít nhà ki u B và nhi u nhà ki u A b h h i b c 1; nhi u nhà ki u A b h h i b c 2.</p> <p>c) Trong m t s ít tr ng h p t m có th có v t n tr ng t i 1cm; mi n núi, có tr t t. Thay i l u l ng ngu n n c và m c n c d i gi ng.</p>
VII	0.06 - 0.12	<p><i>H h i nhà c a</i></p> <p>a) a s ng i s hã i và ch y ra kh i nhà. Nhi u ng i khó ng v ng. Ng i lái xe ô tô c ng nh n bi t c ng t. Chuông l n kêu vang.</p> <p>b) Nhi u nhà ki u C b h h i b c 1; nhi u nhà ki u B b h h i b c 2; nhi u nhà ki u A b h h i b c 3, m t s ít b c 4. Trong nh ng tr ng h p riêng l , có tr t t o n ng trên s n d c ng và có v t n t ng i. Có h h i ch n i ng d n; có v t n t hàng rào b ng á.</p> <p>c) N i sóng trên m t n c; n c tr thành v n c vì bùn b khu y lên. Thay i m c n c d i gi ng và l u l ng ngu n n c. Trong m t s ít tr ng h p, xu t hi n ngu n n c m i ho c bi n m t ngu n n c c . Trong nh ng tr ng h p riêng l , có tr t t b sông b ng cát hay cu i.</p>
VIII	0.12 - 0.24	<p><i>Phá ho i nhà c a</i></p> <p>a) S hã i và kh ng khi p; ngay c ng i ang lái xe ô tô c ng lo ng i. ây ó, cành cây b gãy. Bàn, gh , c n ng b xê d ch và ôi khi b l t . M t s èn treo b h h i.</p> <p>b) Nhi u nhà ki u C b h h i b c 2, m t s ít b c 3; nhi u nhà ki u B b h h i b c 3, m t s ít b c 4; nhi u nhà ki u A b h h i b c 4, m t s ít b c 5. Có tr ng h p gãy ch n i ng d n. ài và t ng k ni m b di chuy n. Bia á b . Hàng rào b ng á b phá ho i.</p> <p>c) Tr t t nh s n d c ng, ch hõm sâu và ch c a ng i, n n t b n tr ng t i vài cm. Xu t hi n b n c m i. ôi khi gi ng c n l i y n c ho c gi ng ang có n c l i b khô. Trong nhi u tr ng h p, thay i l u l ng ngu n n c và m c n c d i gi ng.</p>

IX	0.24 - 0.48	<p><i>H h i hoàn toàn nhà c a</i></p> <p>a) Kh ng khi p hoàn toàn. Bàn, gh c b h h i n ng. Súc v t ch y nh n nháo và kêu r ng lên.</p> <p>b) Nhi u nhà ki u C b h h i b c 3, m t s ít b c 4; nhi u nhà ki u B b h h i b c 4, m t s ít b c 5; nhi u nhà ki u A b h h i b c 5. ài k ni m b l t , h h i n ng b n c nhâ n t o; t gấ y m t ph n ng d n ng m. Có tr ng h p ng s t b u n cong và ng i b h h i.</p> <p>c) ng b ng ng p n c th ng th y rõ nh ng ch cát và bùn b b i lên. N n t b n t r ng t i 10cm; còn s n và b sông, quá 10cm; ngoài ra, còn nhi u v t r n n n t. á t ng b s t l ; có nhi u ch t tr t và l . Sóng to trên m t n c.</p>
X	0.48- 0.80	<p><i>Phá ho i hoàn toàn nhà c a</i></p> <p>a) Nhi u nhà ki u C b h h i b c 4, m t s ít b c 5; nh i u nhà ki u B b h h i b c 5; a s nhà ki u A b h h i b c 5. H h i, nguy hi m cho ê và p; h h i n ng cho c u. ng s t h i b cong. ng d n ng m b cong hay gấ y. L p á ph và l p nh a ng i t o thành m t m t l n sóng.</p> <p>b) N n t b n t r ng vài deximet và trong vài tr ng h p t i l m. Song song v i lòng các dòng n c ch y, xu t hi n nh ng t gấ y r ng. L á b t s n d c ng. Có th có tr t t l n b sông và b bi n d c ng. Sánh n c ra ngoài kênh, h , sông ... xu t hi n h n c m i.</p>
XI	> 0.8	<p><i>Th m ho</i></p> <p>a) H h i n ng ngay c nhà xây t t, c u, p n c và ng s t; ng r i á b h ng không dùng c n a; ng d n ng m b phá ho i.</p> <p>b) M t t b bi n d ng to thành v t n t r ng, t gấ y và di ng theo các ph ng ng th ng và n m ngang; núi s t l nhi u n i. Mu n nh c p m nh c n có kh o sát c bi t.</p>
XII		<p><i>Thay i a hình</i></p> <p>a) H h i n ng hay phá ho i th c s m i công trình trên và d i m t t.</p> <p>b) Thay i h n m t t. N n t b n t l n, b di ng theo các ph ng th ng ng và n m ngang. Núi và b sông s t l trên nh ng di n tích l n. Xu t hi n h , hình thành thác, thay i dòng sông. Mu n nh c p m nh c n có kh o sát c bi t.</p>

* g là gia t c tr ng tr ng b ng 9,83m/s²

Giá trị cường độ I (theo thang MSK, 1964) và cường độ M (theo cường độ Richter) có mối liên hệ:

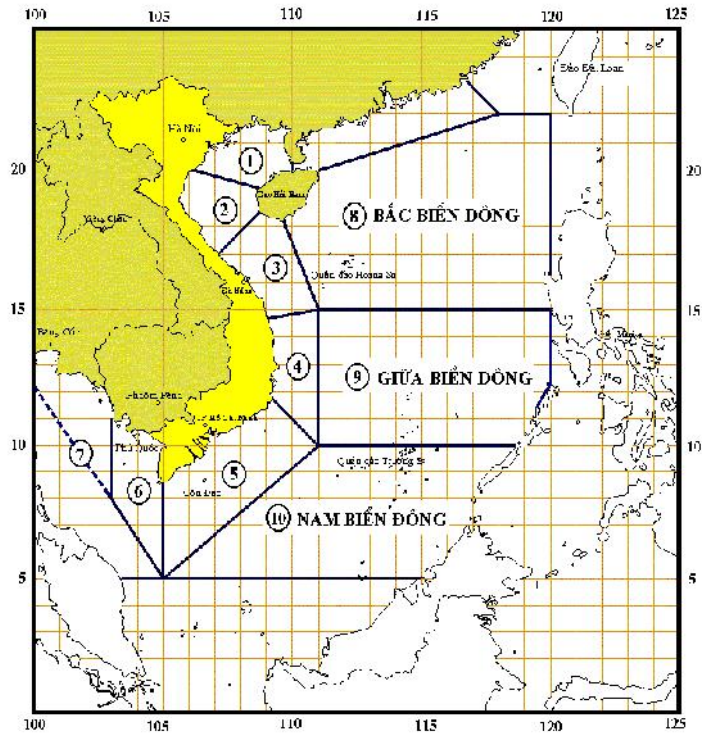
$$I = 1,45 M - 3,2 \log \sqrt{\Delta^2 + h^2} + 2,8$$

Trong đó: Δ là khoảng cách chấn tâm, h là độ sâu

Ph 1 cs 2

S KHU V C THEO DÕI C NH B ÁO S ÓNG TH N TRÊN BI N ÔNG

(Ban hành kèm theo Quy t nh s 264/2006/Q -TTg
ngày 16 tháng 11 n m 2006 c a Th t ng Chính ph)



Chú thích: Chú thích:

- | | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|
| ① B c V nh B c B | ② Nam V nh B c B |
| ③ Vùng bi n Qu ng Tr n Qu ng Ngãi | ④ Vùng bi n Bình nh n Ninh Thu n |
| ⑤ Vùng bi n t Bình Thu n n Cà Mau | ⑥ Vùng bi n t Cà Mau n Kiên Giang |
| ⑦ V nh Thái Lan | ⑧ B c Bi n ông |
| ⑨ Gi a Bi n ông | ⑩ Nam Bi n ông |

Ph 1 c s 3

THÔNG TIN LIÊN L C GI A CÁC TÀU THUY N VÀ CÁC ÀI

1. Th i l ng phát sóng c a ài Ti ng nói Vi t Nam và ài Truy n hình Vi t Nam

a) Các b n tin báo ATN và bão, gi phát tin trên ài Ti ng nói Vi t Nam

Các lo i tin	Quy nh vi c phát tin	Th i l ng phát tin
Tin ATN xa, Tin bão xa	Khi ATN , bão ho t ng phía ông kinh tuy n 120° ông, phía nam v tuy n 05° B c và phía b c v tuy n 22° B c nh ng có kh n ng di chuy n vào Bi n ông trong 24 gi t i thì phát “Tin ATN xa” và “Tin bão xa”.	c phát trong các b n tin đ báo th i t t c a ch ng trình th i s vào 5h; 6h; 12h; 18h; 21h30.
Tin ATN trên Bi n ông	Khi ATN ho t ng trên Bi n ông và v trí tâm ATN cách i m g n nh t thu c b bi n t li n n c ta trên 500 km ho c cách t 300 km n 500 km nh ng ch a có kh n ng di chuy n v phía t li n thì phát “Tin ATN trên Bi n ông”.	Sau 2 gi l i c thông báo trên c ba h th ng phát thanh: H I (Sóng ng n, trung): 8h; 10h; 12h; 14h; 16h; 20h; 22h.
Tin bão trên Bi n ông	Khi bão v t qua kinh tuy n 120° ông, v tuy n 05° B c và v tuy n 22° B c vào Bi n ông; ho c phát sinh trên Bi n ông, có v trí tâm bão cách i m g n nh t thu c b bi n t li n n c ta trên 1000 km ho c cách t 500 km n 1000 km nh ng ch a có kh n ng di chuy n v phía t li n thì phát “Tin bão trên Bi n ông”.	H II (H sóng ng n, trung): 7h; 9h; 11h; 13h; 15h; 17h; 19h; 21h; 23h. Sóng FM: Sau 2 gi phát m t l n vào gi u.
Tin bão g n b	Khi v trí tâm bão cách i m g n nh t thu c b bi n t li n n c ta t 500 km n 1000 km, ho c t 300 km n 500 km nh ng ch a có kh n ng di chuy n v phía t li n n c ta trong 24 gi t i thì phát “Tin bão g n b”.	
Tin ATN g n b	Khi v trí tâm ATN cách i m g n nh t thu c b bi n t li n n c ta d i 300 km, ho c t 300 km n 500 km nh ng có kh n ng nh h ng tr c ti p n n c ta trong 24 gi t i thì phát “Tin ATN g n b”.	Phát 18 l n/h . T c là 54 l n/ngày êm/3 h trong n c. C th :
Tin bão kh n c p	Cách b bi n n c ta 300 km n 500 km và có kh n ng di chuy n vào n c ta ho c v trí tâm bão cách b bi n n c ta d i 300 km	T 5h÷23h: Phát 1gi /l n trên H I, H II và FM. T 23h÷5h hôm sau:

Các loại tin	Quy định về phát tin	Thời gian phát tin
		Phát trên sóng FM.

b) Đài Truyền hình Việt Nam: Khi nhận được tin ATN, tin bão phải tổ chức phát tin vào các buổi truyền hình theo lịch quy định. Đối với tin bão khẩn cấp, tin cấp thiết khẩn cấp, thông báo khẩn cấp phải tổ chức phát ngay và cứ sau 2 giờ phát lại một lần cho đến khi nhận được tin mới.

2. Thời gian phát sóng của các đài thông tin Duyên Hải

Tên đài	Tần số	Chức năng phát	Thời gian	
			Bản tin dự báo thời tiết	Báo tin bão
Đài Bạch Long Vĩ	6920 KHz - 5450 KHz	AM	9h45 và 14h45	9h45 và 14h45
HCM Radio	8294 KHz	USB	9h và 19h00	theo các giờ
Đài Năng Radio	8294 KHz	USB	7h30 và 19h30	
Hải Phòng Radio	8294 KHz	USB	8h00 và 20h00	theo các giờ

3. Bảng ghi chi tiết của các đài thông tin Duyên Hải Việt Nam

TT	Tên đài	Số điện thoại	Tần số trực	Giá trị	Ghi chú
1	Móng Cái Radio	033 886 280 033 881 320	85155 KHz	24/24 giờ	
2	Cà Ông Radio	033 865 513	8143 KHz	24/24 giờ	
3	Hòn Gai Radio	033 826 268 033 828 600	8173 KHz 12353 KHz	24/24 giờ	
4	Hải Phòng Radio	031 842 066 031 842 979	6215 KHz 8291 KHz 12290 KHz	24/24 giờ	Hải Phòng Radio là trung tâm xử lý thông tin vùng 1
5	Bến Thủy Radio	0383 951 577	8155 KHz	24/24 giờ	
6	Huế Radio	054 856 801	8122 KHz	24/24 giờ	

TT	Tên đài	S i n tho i	T n s tr c	Gi tr c	Ghi chú
7	à N ng	0511 655 960 0511 650 177	6251 KHz 8291 KHz 12290 KHz	24/24 gi	à N ng Radio là trung tâm x lý thông tin vùng II
8	Quy Nh n Radio	056 891 333 056 891 334	8785 KHz 8149 KHz	24/24 gi	
9	Nha Trang Radio	058 590 098 058 590 099	6215 KHz 8291 KHz	24/24 gi	
10	H Chí Minh Radio	08 940 0283 08 940 4148	6215 KHz 8291 KHz 12290 KHz	24/24 gi	H Chí Minh Radio là Trung tâm x lý thông tin vùng 3
11	V ng Tàu	064 852 890 064 811 596	6522 KHz 8291 KHz	24/24 gi	
12	C n Th Radio	071 841 240 071 884 896	8170 KHz	24/24 gi	
13	Kiên Giang Radio	077 812 603 077 812 604	8158 KHz	24/24 gi	

Ph 1 c s 4

CÁC I M TRÚ TRÁNH BẢO

(Theo s tay dành cho ng dân - Trung tâm Nghiên c u s c kh e gia ình và phát tri n c ng ng)

1. Các a ch trú, tránh cho tàu thuy n khi g p bão

STT	a ph ng	N i trú u tàu thuy n
1	Qu ng Ninh	Vân n (H. Vân n); Qu n o Cô Tô; Tiên Yên (H. Tiên Yên). Cô Tô - Thanh Lâm; TP. H Long; Huy n H i Hà; TX. Móng Cái
2	H i Phòng	Cát Bà, C a sông V n Úc, Tiên Lãng; Khu B ch ng - Sông Chanh, xã L p L (H. Th y Nguyễn); Ng c H i - S n; o B ch Long V
3	Thái Bình	C a sông Trà Lý; C a Lâm (Ti n H i)
4	Nam nh	C a Ninh C
5	Ninh Bình	C a sông áy - Xã Kim Chính (H. Kim S n)
6	Thanh Hóa	L ch Tr ng (H. H u L c); L ch H i - Sông - TX. S m S n; L ch B ch (H. T nh Gia)
7	Ngh An	L ch C n, L ch Quèn (H. Qu nh L u) L ch V n (H. Di n Châu) C a H i - Xuân Ph
8	Hà T nh	C a Sót (H. Th ch Hà); C a Nh ng (H. C m Xuyên); C a Kh u (H. K Anh)
9	Qu ng Bình	C a Sông Gianh (H. B Tr ch); C a Hòn La (H. Qu ng Tr ch); C a Nh t L (TP. ng H i)
10	Qu ng Tr	C a Tùng (H. V nh Linh); C a Vi t (H. Gio Linh, H. Tri u Phong); o C n C (H. o C n C)
11	Th a Thiên Hu	Phú Thu n - C a Thu n An (H. Phú Vang); m C u Hai (H. Phú L c)
12	à N ng	Th Quang - TP. à N ng, c a sông Hàn
13	Qu ng Nam	C a i - TX. H i An; V ng An Hòa (H. Núi Thành); Cù Lao Chàm; V ng H ng Tri u (H. Duy Xuyên)
14	Qu ng Ngãi	Sa K , C L y (H. T Ngh a, H. S n T nh); C a M A (H. c Ph); o Lý S n (H. o Lý S n); C a Sa Hu nh, C a Sa (S m S n)
15	Bình nh	C a Tam Quan (H. Hoài Nh n);

STT	Địa phương	Nội trú tàu thuyền
		Mê Gi (H. Phù Cát); M. Th. N. i (TP. Quy Nhơn)
16	Phú Yên	V. nh. Xuân m; m. Cù Mông; V. ng. Rô
17	Khánh Hòa	o. á Tây (H. Tr. ng Sa); C. á Bé sông T. c - Hòn R. (TP. Nha Trang); V. nh. Cam Ranh (á B. c); V. ng. Me (TP. Nha Trang); m. Môn-V. n. Giã (H. V. n. Ninh); V. ng. Bình Tây; V. nh. L. ng (TP. Nha Trang)
18	Ninh Thuận	C. á sông Cái - ông H. i (TX. Phan Rang, Tháp Chàm); C. á Ninh Ch. (H. Ninh H. i)
19	Bình Thuận	C. á La Gi; C. á sông Ba ng (H. Hàm Tân); o. Phú Quý; C. á Liên H. ng (H. Tuy Phong); M. i. Né (TP. Phan Thiết); C. á Phan Rí, C. á Phú H. i
20	TP. HCM	Sông ình và Dinh Bà (H. C. n. Gi.)
21	BR. V. ng Tàu	C. á sông Dinh, Côn S. n (H. Côn o); sông C. á L. p (Ph. c. T. nh); L. c. An (t.); Bình Ch. u (Xuyên M. c)
22	Ti. n. Giang	C. á sông Soài R. p (H. Gò Công ông)
23	B. n. Tre	C. á i (H. Bình i); C. á Cô Chiên
24	Trà Vinh	Vàm H. u - C. á Cung H. u; C. á nh An
25	Sóc Tr. ng	C. á Tr. n; Kênh Ba - Long Phú
26	B. c. Liêu	C. á Gành Hào; C. á Cái Cù; C. á Nhà Mát
27	Cà Mau	C. á sông Ông c; C. á B.; C. á ôi Vàm; C. á Khánh H. i (Kinh H. i); C. á Hòn Khoai; C. á R. ch. G. c (H. Ng. c. H. i. n)
28	Kiên Giang	C. á sông Cái L. n - Cái Bé; o. Hòn Tre; M. i. Gành D. u; Xã Bãi Th. m; C. á Tô Châu; Nam Du - Kiên H. i; An Th. i (Phú Qu. c)

2. a. i. m. l. á. n. h. n. n. k. h. n. c. p. b. ê. n. T. r. u. n. g. Q. u. c.

- Trong tr. ng. h. p. các. tàu. cá. Vi. t. Nam. g. p. tại. n. n. h. o. c. g. p. ình. hu. ng. kh. n. c. p. ph. i. l. á. n. h. n. n. thì. có. th. liên. h. v. i. c. quan. phía. Trun. g. Qu. c. xin. l. á. n. h. n. n.

a. i. m.: C. ng. cá. Kh. i. Th. y, th. tr. n. Lô. i. Ch. âu, t. nh. Qu. ng. ông; c. ng. cá. Nam. V. n, TP. B. c. H. i, Khu. t. tr. Qu. ng. Tây; C. ng. cá. Bát. S., th. tr. n. ông. Ph. ng, t. nh. H. i. Nam; C. ng. cá. D. ng. Ph., th. tr. n. ông. Ph. ng, t. nh. H. i. Nam.

- Tr. ng. h. p. không. ùm. c. n. i. trú. n, nên:

+ Th. neo. n. i. (có. th. là. vòm. dù, l. i, thúng...)

k. t. h. p. n. máy. tàu, i. u. khi. n. m. i. tàu. luôn. chong. v. h. ng. gió.

+ Dùng dũa ém sóng: Dùng giũa nhúng dũa hoặc dùng can nhá, thùng sục c
mặt lờ t nhá sao cho lờng dũa tít ra t 5-7 lít trong 1h ng h . Treo hai bên m n
tàu, m i tàu 2, lái tàu 2.

Ph 1 c s 5

CH VÀ A I M B N PHÁO HI U

(Ban hành kèm theo Quy ch báo áp th p nhi t i, bão, l t i Quy t nh s 17/2011/Q -TTg ngày 14 tháng 3 n m 2011 c a Th t ng Chính ph)

I. Ch b n pháo hi u báo áp th p nhi t i

1. Khi có “Tin bão trên Bi n ông”, “Tin áp th p nhi t i g n b ”, “Tin bão g n b ”, “Tin bão kh n c p”, m i êm b n pháo hi u 2 l n, m i l n 6 phút màu , chia làm 2 lo t, m i lo t b n li n 3 phút, lo t b n tr c cách lo t b n sau 3 phút.

2. Gi b n pháo hi u l n l t 19 gi 30 n 20 gi 00, l n 2 t 4 gi 30 n 5 gi 00. Trong tr ng h p c bi t ho c kh n c p, các n v c ch ng t ng s l n b n pháo hi u, k c ban ngày.

II. A I M B N PHÁO HI U BÁO ÁP TH P NH I T I, BÃO

1. Quân khu 3 b n pháo hi u t i 10 i m:

- T nh Qu ng Ninh t i o Cô Tô (n Biên Phòng (BP) 16) và o Ng c V ng (n BP 24).

- Thành ph H i Phòng t i o Cát Bà (n BP 54), o Hòn D u/th xã S n (n BP 38), Tr m ki m soát Long Châu/Cát H i (n BP 54).

- T nh Thái Bình t i C a Diêm i n/Thái Th y (n BP 64).

- T nh Nam nh t i Ng c Lâm/Ngh a H ng (n BP 100), c a Ba L t (C n Lu)/Xuân Th y (n BP 84), Doanh Châu/H i H u (n BP 92).

- T nh Ninh Bình t i C a áy/Kim S n (n BP 104).

2. Quân khu 4 b n pháo hi u t i 17 i m:

- T nh Thanh Hóa t i núi u Bờ/Hoàng Tr ng (n BP 118), o Hòn Mê (do b i trên o b n), o N (do b i trên o b n), Tr ng L /S m S n (n BP 122), núi Du Xuyên/T nh Gia (n BP 126), ông nam o Nghi S n (n BP 130).

- T nh Ngh An t i Hòn Mát (do b i trên o b n).

- T nh Hà T nh t i C a Sót/Th ch Hà (n BP 164).

- T nh Qu ng Bình t i C a Sông Gianh (n BP c a kh u c ng C a Gianh), C a Ròn/Qu ng Tr ch (n BP 184), Tr m ki m soát BP c a Nh t L / ng H i (n BP 196).

- T nh Qu ng Tr t i o C n C (do b i trên o b n), C a Vi t/Gio Linh (n BP c a kh u c ng C a Vi t), khu v c C a Tùng (n BP 204).

- T nh Th a Thiên Hu t i c a Thu n An/Th tr n Thu n An (n c a kh u c ng Thu n An), khu v c H i ng c ng Chân Mây/huy n Phú L c (n BP c ng

Chân Mây), xã Phong Hi, huyện Phong Điền (n BP 216); xã T. Hi, huyện Phú Lộc (n BP 228).

3. Quân khu 5 b n pháo hi u t i 16 i m:

- Thành phố N. g t i bán o S n Trà (n BP 252), ều H i Vân/Liên Chi u (Phòng Tham m u BP à N ng).

- T nh Qu ng Nam t i Cù Lao Chàm/H i An (n BP 276), m i Bàn Than/Núi Thành (n BP c a kh u c ng K Hà), C a i/th xã H i An (n BP 260).

- T nh Qu ng Ngãi t i o Lý S n (n BP 328), Sa Hu nh/ c Ph (n BP 304), S n Trà/Bình S n (n BP c a kh u c ng Dung Qu t).

- T nh Bình nh t i Cù Lao Xanh/thành ph Quy Nh n (n BP 332).

- T nh Phú Yên t i c a Sông C u/Sông C u (n BP 348).

- T nh Khánh Hòa t i Bình Ba/Ca m Ranh (n BP 392), Hòn Mun/thành ph Nha Trang (n BP 388), m Môn/V n Ninh (n BP 358).

- T nh Ninh Thu n t i S n H i/Ninh Ph c (n BP 416), Nh n H i/Ninh H i (n BP 408), V nh Hy/Ninh H i (n BP 404).

4. Quân khu 7 b n pháo hi u t i 7 i m:

- T nh Bình Thu n t i núi Cao Cát/Phú Quý (n BP 464), Thanh H i/Phan Thi t (n BP 444).

- T nh Bà R a - V ng Tàu t i Côn o (n BP 540), B n á/thành ph V ng Tàu (n BP 522).

- Thành ph H Chí Minh t i xã Th ch An/C n Gi (n BP 554), Lý Nh n/C n Gi (n BP 554), ông Hòa/C n Gi (n BP 562).

5. Quân khu 9 b n pháo hi u t i 19 i m:

- T nh Ti n Giang t i Vàm Láng/Gò Công ông (n BP 578), C a Ti u/Gò Công ông (n BP 582).

- T nh B n Tre t i c a Hàm Luông/An Th y (n BP 598).

- T nh Trà Vinh t i th tr n M Long/C u Ngang (n BP 618).

- T nh Sóc Tr ng t i c a Tr n /Long Phú (n BP 638), V nh Châu/th tr n V nh Châu (n BP 646).

- T nh B c Liêu t i c a Gành Hào/th tr n Gành Hào (n BP 668).

- T nh Cà Mau t i Hòn Khoai/Ng c Hi n (n BP 700), c a sông Ông c/th tr n Ông c (n BP 692), Hòn Chu i/Tr n V n Thi (n BP 704), Kinh H i/U Minh (n BP 696).

- T nh Kiên Giang t i An Thi/Phú Qu c (n BP 750), o Th Chu/Phú Qu c (n BP 770), Nam Du/Kiên H i (n BP 742), ph ng V nh L c/R ch Giá (B Ch huy BP t nh Kiên Giang).

- Tỉnh An Giang tại Vĩnh Xương/Tân Châu (số BP 905), Vĩnh Ngọc/Châu C (số BP 945).
- Tỉnh Nghệ Tháp tại Thông Bình/Tân Hưng (số BP 905), Cửu Ván/Hưng Ngọc (số BP 917).

6. Quân chủng Hải quân bố trí pháo hải quân 13 điểm:

- Bộ Chỉ huy Long Xuyên
- Nam Long Châu 10-15 hải lý.
- Nam Hải Mai 10 – 15 hải lý.
- Ông Mũi Sơn Trà 15 – 20 hải lý.
- Ông Nam Hòn Tre 15 – 20 hải lý.
- Ông Nam mũi Á Vách 15 – 20 hải lý.
- Ông Nam Thổ Chu 30 hải lý.
- Ông Á Tây: 1 điểm.
- Lô 3/Phước Tân: 1 điểm.
- Lô 1/T. Chính: 1 điểm.
- Ông T. Tân: 1 điểm.
- Khu vực Ba Kè (DK1/9).
- Bãi biển Cà Mau (DK1/10).
- Ông Á L.
- Ông Nam Y.
- Ông Song T. Tây.

7. Quân chủng Phòng không – Không quân.

Điểm các máy bay trực thăng sẵn sàng ứng cứu khi có thiên tai xảy ra:

- Sân bay Hòa Lạc.
- Sân bay Gia Lâm.
- Sân bay Đà Nẵng.
- Sân bay Tân Sơn Nhất.

8. Bộ Tổng Lãnh Sự Hải Phòng.

Ngoài vị trí triển khai bố trí pháo hải quân theo sơ đồ phân công của quân khu và Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm - Cứu nạn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tổng Lãnh Sự Hải Phòng triển khai bố trí pháo hải quân 04 điểm: Hải đoàn 38 tại thành phố Hải Phòng, Hải đoàn 48 tại tỉnh Bình Định, Hải đoàn 28 tại tỉnh Kiên Giang, Hải đoàn 18 tại thành phố Vũng Tàu và 27 Hải đội Hải Phòng của 27 tỉnh ven biển.

Ph 1 c s 6
CÁC TRANG B B TBU C TRÊN M I TÀU, THUY N

1. Trang b c u sinh: Xu ng, phao c u sinh các lo i.
2. Trang b c u m, ch ng th ng: H th ng b m hút khô, các d ng c hàn g n thân tàu...
3. Trang b c u h a: H th ng b m c u h a, các lo i v t d ng c u h a; các bình b t, thùng cát, ch n chiên...
4. Trang thi t b thông tin: Máy thu phát vô tuy n i n, máy b àm, ài bán d n...
5. Trang b tín hi u: èn hi u, c hi u, v t li u, pháo hi u.
6. Trang b hàng h i: La bàn, h i , nh v , o sâu, l ch th y tri u, nh t kí hàng h i, ng h ...
7. Ph ng ti n liên l c: 01 ài bán d n (Radio); máy thu phát vô tuy n i n; 01 máy àm tho i.
8. M i tàu cá ph i trang b các èn: èn m n trái; èn xanh m n ph i; èn hi u ánh cá nhìn th y t kh p b n phía; èn lái màu tr ng.
9. Trang b phao c u sinh trên m i tàu: 2 phao tròn trên cabin; m i ng i ph i có 01 phao áo cá nhân.
10. Trang b d ng c c u th ng trên m i tàu: 01 b m tay, 02 xô và 1 g u; m ch ng va p di ng và c nh; ch n s i b t l th ng; gi v n, nêm x , x d a; nêm g ; c t ch ng.
11. Trang b c u h a trên tàu: B m n c; bình ch a cháy CO2 4 lít ho c 7 lít; ch n s i d p l a, b d ng c ch a cháy; m t thùng cát, d ng c tát n c.
12. Trang b hàng h i: Nh t ký hàng h i; nh t ký ánh cá; h i , d ng c tác nghi p; ng nhòm; la bàn; sào o.